

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

ĐÀO KHẮC LƯU

**PHÁT HUY VAI TRÒ QUẢN CHỨNG NHÂN DÂN
TRONG QUÁ TRÌNH QUY HOẠCH ĐÔ THỊ CỦA
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG TRONG GIAI ĐOẠN
HIỆN NAY**

Chuyên ngành: Triết học

Mã số: 60.22.80

2013 | PDF | 106 Pages
buihuuhanh@gmail.com

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Người hướng dẫn khoa học: TS. Nguyễn Thế Tư

Đà Nẵng - Năm 2013

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả luận văn

Đào Khắc Lưu

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Mục tiêu nghiên cứu	3
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
4. Phương pháp nghiên cứu	3
5. Bố cục đề tài.....	4
6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu.....	4
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ VAI TRÒ CỦA QUẦN CHÚNG NHÂN DÂN TRONG LỊCH SỬ	12
1.1. QUAN NIỆM VỀ VAI TRÒ CỦA QUẦN CHÚNG NHÂN DÂN TRONG LỊCH SỬ	12
1.1.1. Quan điểm của các nhà triết học trước C.Mác về vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử	12
1.1.2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về quần chúng nhân dân, vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử	13
1.2. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ QUẦN CHÚNG NHÂN DÂN, VAI TRÒ CỦA QUẦN CHÚNG NHÂN DÂN TRONG TIẾN TRÌNH CÁCH MẠNG	23
1.2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhân dân và vai trò của quần chúng nhân dân	23
1.2.2. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về vai trò quần chúng nhân dân trong tiến trình của cách mạng nước ta	40
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1	47

CHƯƠNG 2: PHÁT HUY VAI TRÒ QUẦN CHÚNG NHÂN DÂN TRONG QUÁ TRÌNH QUY HOẠCH ĐÔ THỊ Ở ĐÀ NẴNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	48
2.1. THỰC TRẠNG VIỆC PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA QUẦN CHÚNG NHÂN DÂN Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG TRONG CÔNG TÁC QUY HOẠCH ĐÔ THỊ	48
2.1.1. Vài nét về địa lý tự nhiên, kinh tế - xã hội thành phố Đà Nẵng ...	48
2.1.2. Phát huy vai trò quần chúng nhân dân ở thành phố Đà Nẵng trong quá trình quy hoạch đô thị từ năm 2000 đến nay.....	53
2.2. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA QUẦN CHÚNG NHÂN DÂN VÀO CÔNG TÁC QUY HOẠCH ĐÔ THỊ Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	67
2.2.1. Phương hướng.....	67
2.2.2. Những nhân tố tác động.....	69
2.2.3. Những giải pháp chủ yếu	74
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2	95
KẾT LUẬN	96
TÀI LIỆU THAM KHẢO	98
QUYẾT ĐỊNH GIAO ĐỀ TÀI (bản sao)	

DANH MỤC CÁC BẢNG

Số hiệu bảng	Tên bảng	Trang
2.1.	Tăng trưởng GDP của thành phố Đà Nẵng giai đoạn 1997 - 2010	50
2.2.	Cơ cấu lao động theo khu vực kinh tế của thành phố Đà Nẵng giai đoạn 1997 - 2010	51

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Chủ nghĩa Mác - Lênin đã khẳng định vai trò của quần chúng nhân dân là lực lượng sản xuất cơ bản của xã hội, trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội, là động lực cơ bản của mọi cuộc cách mạng xã hội và là người sáng tạo ra những giá trị văn hóa tinh thần. Có thể nói rằng, lịch sử xã hội là do bản thân quần chúng xây dựng nên và chính quần chúng là động lực thúc đẩy lịch sử tiến lên không ngừng. Mọi sự kiện lớn lao, mọi thay đổi cách mạng xảy ra trong xã hội nếu không được quần chúng tích cực tham gia, ủng hộ thì không thể thành công được.

Lịch sử dân tộc trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đã chứng minh vai trò, sức mạnh của quần chúng nhân dân. Đó là một chân lý mà không ai có thể chối cãi được. Trải qua lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc, vai trò, sức mạnh của quần chúng nhân dân đã được khẳng định, như Nguyễn Trãi đã nói: Chở thuyền cũng là dân, lật thuyền cũng là dân, thuận lòng dân thì sống, nghịch lòng dân thì chết. Là người tiếp thu, bổ sung và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin ở Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng khẳng định: Cách mạng là quần chúng tự mình giải phóng mình. Lực lượng của quần chúng là vô địch. Lịch sử thế giới cũng như lịch sử nước ta đã chứng minh rằng một khi quần chúng đã giác ngộ, được tổ chức lại và kiên quyết vùng dậy thì không có khó khăn nào là không thể vượt qua, không có việc gì là không thể làm nổi. Hơn 83 năm lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam cũng khẳng định rằng cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân và quan điểm “lấy dân làm gốc” trở thành tư tưởng thường trực nói lên vai trò sáng tạo ra lịch sử của nhân dân Việt Nam.

Thực tế ở nước ta đã chứng minh, tuy trình độ phát triển kinh tế nước ta lạc hậu hơn so với các đế quốc chủ nghĩa mấy trăm năm, nhưng do chúng ta

dựa trên sức mạnh của quần chúng, phát động được tính tích cực cách mạng của quần chúng nên chỉ trong một thời gian không dài, chúng ta đã đánh đổ được chủ nghĩa đế quốc, thống nhất đất nước. Nếu không có quan niệm đúng đắn về vai trò của quần chúng, không có sự lãnh đạo của Đảng ta, một đảng gắn bó mật thiết với quần chúng, thì không thể có thắng lợi vĩ đại và nhanh chóng như vậy. Trải qua hơn 25 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn trên tất cả các mặt, các lĩnh vực của đời sống xã hội. Những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử đó là nhờ sự lãnh đạo của Đảng, đặc biệt là trong lãnh đạo Đảng đã phát huy được vai trò của quần chúng nhân dân, hướng họ cùng chung sức xây dựng vì một nước Việt Nam giàu mạnh.

Thành phố Đà Nẵng trở thành thành phố trực thuộc Trung ương từ ngày 01 tháng 01 năm 1997, từ đó đến nay bằng sự đoàn kết, nhất trí, khắc phục khó khăn, nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân Đà Nẵng đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, so sánh với các tỉnh và thành phố khác thì thành phố Đà Nẵng bây giờ là một trong những thành phố phát triển năng động của cả nước, là trung tâm phát triển kinh tế của khu vực miền Trung - Tây Nguyên. Những kết quả mà Đà Nẵng đã đạt được, nhất là cách làm, không chỉ khẳng định vị thế của một thành phố năng động, nhiều tiềm năng mà còn trở thành một cách thức, mô hình phát triển thu hút sự quan tâm nghiên cứu tìm hiểu kinh nghiệm đối với nhiều địa phương khác trong cả nước. Mà một trong những thành công và bài học nổi bật trong những năm qua là Đà Nẵng đã biết huy động và phát huy vai trò trách nhiệm, sức mạnh tổng hợp của nhân dân thành phố thông qua mở rộng sự tham gia của người dân trong giải quyết bài toán quản lý và quy hoạch đô thị, trong giải tỏa, đền bù và tái định cư...đây chính là yếu tố quyết định, là điều kiện tiên quyết cho những thành quả đó. Tuy nhiên, bên cạnh đó công tác vận động, phát huy sức mạnh của toàn dân trong quá trình quy hoạch đô thị của thành phố hiện nay

còn tồn tại những mặt yếu kém nhất định như: Công tác vận động quần chúng ở một số nơi chưa làm một cách triệt để, một số cán bộ còn có phong cách làm việc quan liêu, gây những phiền hà cho nhân dân; việc bố trí tái định cư cho những hộ giải tỏa vẫn còn chưa kịp thời, đôi lúc còn quá chậm trễ; thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, giám sát” chưa được công khai đầy đủ ở một số đơn vị; một số chính sách đền bù, hỗ trợ ban hành chậm, chưa kịp thời so với từng thời điểm dẫn đến người dân chưa đồng tình và dẫn tới khiếu nại kéo dài...Do đó, trong thời gian tới thành phố Đà Nẵng cần đề ra nhiều biện pháp, phương pháp, cách thức nhằm phát huy cao độ sức dân của thành phố, góp phần vào công tác quy hoạch đô thị để phát triển thành phố - xứng đáng là thành phố trọng điểm của miền Trung - Tây Nguyên, là thành phố “đáng sống”. Với ý nghĩa lý luận và thực tiễn trên cấp bách trên, tôi chọn đề tài *“Phát huy vai trò quần chúng nhân dân trong quá trình quy hoạch đô thị của thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn hiện nay”* làm đề tài luận văn tốt nghiệp cao học ngành Triết học của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Đề tài phân tích thực trạng vai trò của nhân dân Đà Nẵng trong quy hoạch đô thị từ năm 2000 đến nay. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp chủ yếu nhằm phát huy vai trò của quần chúng nhân dân trong quá trình quy hoạch đô thị ở thành phố Đà Nẵng trong thời gian đến.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Khảo sát việc phát huy vai trò của quần chúng nhân dân vào quá trình quy hoạch đô thị ở thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn hiện nay, thông qua một số tư liệu, tài liệu nghiên cứu về vấn đề trên từ năm 2000 đến nay.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, trong đó sử dụng các phương pháp: Logic - lịch

sử; lý luận kết hợp với thực tiễn; phân tích và tổng hợp; diễn dịch và quy nạp; đối chiếu và so sánh,...Ngoài ra còn sử dụng các tài liệu; báo cáo tổng kết của Ủy ban nhân dân thành phố, Ban Dân vận Thành ủy, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Đà Nẵng.

5. Bố cục đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục và tài liệu tham khảo, luận văn gồm nội dung chính là 2 chương, 4 tiết.

Chương 1: Lý luận chung về vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử.

Chương 2: Phát huy vai trò quần chúng nhân dân trong quá trình quy hoạch đô thị ở Đà Nẵng trong giai đoạn hiện nay.

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Đã có rất nhiều công trình tiếp cận và nghiên cứu trên nhiều phương diện, khía cạnh và ở nhiều mức độ khác nhau về vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử nói chung và việc vận dụng vào từng giai đoạn lịch sử, cũng như ở mỗi địa phương nhất định.

Với cuốn sách *Dân chủ và dân chủ cơ sở ở nông thôn trong tiến trình đổi mới*, của GS, TS. Hoàng Chí Bảo, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010. Cuốn sách đã nêu bật tầm quan trọng của dân chủ và dân chủ cơ sở, đặc biệt là dân chủ cơ sở ở nông thôn nước ta hiện nay; chỉ ra những hạn chế, yếu kém trong quá trình thực hiện dân chủ ở cơ sở trong thời gian qua, đồng thời đề xuất một số giải pháp khắc phục nhằm góp phần thực hiện ngày càng có hiệu quả hơn việc phát huy dân chủ trong đời sống xã hội, tạo động lực và mục tiêu cho sự nghiệp xây dựng một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Trong cuốn sách *Phát huy dân chủ, tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân*, của GS.TS Nguyễn

Phú Trọng, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998. Tác giả đã khẳng định, một trong những yêu cầu cấp bách hiện nay là phải tích cực củng cố, xây dựng bộ máy nhà nước, làm cho Nhà nước thực sự là của dân, do dân và vì dân, luôn luôn giữ vững và phát huy bản chất cách mạng của giai cấp công nhân, kết hợp với tính dân tộc, tính nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Nhà nước phải được kiện toàn và đổi mới cả về cơ cấu tổ chức và cơ chế quản lý, cải tiến các phương thức hoạt động sao cho phù hợp với quá trình đổi mới kinh tế và đủ sức bảo đảm quốc phòng, an ninh. Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Đó là một nhà nước đại đoàn kết toàn dân, dựa trên nền tảng của khối liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Vấn đề xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam được đặt ra như một tất yếu khách quan. Theo tác giả, để đạt được mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, một trong những nhiệm vụ cơ bản là phải tiếp tục xây dựng, củng cố và hoàn thiện bộ máy nhà nước, bảo đảm cho nhà nước thực sự trong sạch, vững mạnh, quản lý điều hành xã hội bằng pháp luật, có hiệu lực, hiệu quả, thực hành dân chủ, củng cố độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế. Trong công cuộc đổi mới, xây dựng đất nước, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân ở nước ta là một nhà nước vừa phải thể hiện được các giá trị phổ biến của nhà nước pháp quyền đã được xác định trong lý luận và thực tiễn của một chế độ dân chủ hiện đại, vừa khẳng định được bản sắc, đặc điểm của riêng mình.

Trong cuốn *Phát huy các nguồn lực của dân làm lợi cho dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, của PGS, TS. Phạm Ngọc Anh (Chủ biên), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2012. Các tác giả đã nêu rõ vai trò quyết định của nhân dân trong lịch sử, về nhu cầu, lợi ích thiết thực của nhân dân, cũng như quan niệm của Chủ tịch Hồ

Chí Minh về các nguồn lực vốn có trong dân: nguồn lực của cải, tài chính, nguồn lực sức lao động, nguồn lực trí tuệ; luận giải quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về các giải pháp liên quan đến nhận thức, chính sách, thiết chế, thể chế, giáo dục nhằm phát huy các nguồn lực của nhân dân trong xây dựng và chấn hưng dân tộc; thực trạng phát huy các nguồn lực của dân làm lợi cho dân trong quá trình đổi mới ở nước ta; mục tiêu và những giải pháp phát huy các nguồn lực của dân làm lợi cho dân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trong sách *Làm tốt công tác quần chúng trong tình hình mới - Kinh nghiệm Trung Quốc, kinh nghiệm Việt Nam*, của Hội đồng lý luận Trung ương, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2012. Cuốn sách đã bàn đến quan hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân đã thật sự trở thành nguồn sức mạnh và truyền thống vô cùng quý báu của cách mạng hai nước Việt Nam và Trung Quốc. Trong giai đoạn hiện nay, công tác quần chúng cần tiếp tục được đổi mới, cải cách, không chỉ để theo kịp, giải quyết những vấn đề mới nảy sinh, mà còn để xác định tầm nhìn có tính chiến lược và lâu dài. Đây không phải là vấn đề ra đời từ ý muốn chủ quan của những người cộng sản, mà xuất phát từ thực tế khách quan của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở mỗi nước trong bối cảnh mới.

Hay cuốn *Nguồn lực trí tuệ Việt Nam - lịch sử, hiện trạng và triển vọng*, của GS.TS. Nguyễn Văn Khánh (chủ biên), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2012. Thông qua nguồn tư liệu phong phú đã được chất lọc, bằng những luận chứng khoa học và súc tích, tập thể tác giả cuốn sách đã tập trung vào việc đánh giá nguồn lực trí tuệ Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử, phân tích quá trình xây dựng và phát huy nguồn lực trí tuệ, những yếu tố thúc đẩy, cản trở việc phát huy nguồn lực này, từ đó đề xuất những giải pháp và khuyến nghị về mặt chính sách đối với Đảng và Nhà nước, nhằm phát triển nguồn lực

trí tuệ Việt Nam, thiết thực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển đất nước trong thế kỷ XXI.

Và cuốn *Phân biện xã hội và phát huy dân chủ pháp quyền*, của TS. Hồ Bá Thâm và CN. Nguyễn Tôn Thị Tường Vân (đồng chủ biên), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, phát hành năm 2009. Cuốn sách đã đi sâu phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn của phân biện xã hội và vai trò của phân biện xã hội trong việc tăng cường, phát huy dân chủ pháp quyền ở nước ta trong giai đoạn hiện nay. Bên cạnh đó, cuốn sách đã rút ra một số kinh nghiệm trong công tác quản chúng của hai Đảng, đồng thời nêu những kiến nghị, giải pháp cần thực hiện nhằm tiếp tục làm tốt hơn công tác quản chúng trong tình hình mới.

Trong cuốn sách *Phát huy nguồn lực toàn dân tộc theo tinh thần Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, của PGS.TS. Phạm Ngọc Anh (Chủ biên), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2012. Nội dung cuốn sách góp phần làm rõ hơn hoàn cảnh ra đời của *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*; thể hiện khát vọng hòa bình, tinh thần “thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ” của dân tộc ta trước quân xâm lược; làm sáng tỏ tư tưởng chiến tranh nhân dân và quốc phòng toàn dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh; giá trị của tư tưởng ấy trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược; ý nghĩa của *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Trong cuốn *Mối quan hệ Đảng - Nhà nước - Dân trong cuộc sống*, của tác giả Nguyễn Khánh, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007. Cuốn sách là tập hợp các bài nói, bài viết chọn lọc của tác giả Nguyễn Khánh, cuốn sách viết về những vấn đề mới trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường hệ thống chính trị của nước ta.

Trong Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Triết học của Trần Văn Đặng, *Quan*

điểm của triết học Mác-Lênin về vai trò quần chúng nhân dân trong lịch sử và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đại học Khoa học Huế, 2006. Tác giả đã trình bày một cách có hệ thống quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về vai trò quần chúng nhân dân cũng như những kết quả đạt được, những hạn chế việc vận dụng quan điểm đó của Đảng ta vào thực tiễn đất nước. Trên cơ sở đó, luận văn cũng đã nêu ra một số giải pháp, kiến nghị để phát huy tốt hơn nữa vai trò của quần chúng nhân dân thời gian đến.

Ngoài các công trình đã bàn luận một cách tương đối có hệ thống vấn đề phát huy vai trò của quần chúng nhân dân, thì vấn đề đó còn được bàn luận trong nhiều bài viết đăng trên các tạp chí, như bài *“Vai trò vĩ đại của quần chúng trong giai đoạn cách mạng mới”* của GS.Vũ Khiêu, Tạp chí Triết học số 5, 1974; bài của Đỗ Thị Hoà Hới *“Nâng cao tính tích cực xã hội của quần chúng trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ ở nước ta”*, Tạp chí Triết học, số 4, 1987 và bài *“Góp phần tìm hiểu tư tưởng dân là gốc trong lịch sử tư tưởng Việt Nam”*, Tạp chí Triết học, số 4, 1998; bài của Đỗ Mười, *“Phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở”*, Tạp chí Cộng sản, số 20, 2004; Nguyễn Thị Lan, *“Đà Nẵng, tạo sự đồng thuận trong quá trình phát triển thành phố”*, Tạp chí Cộng sản, số 3, 2006); Bùi Thanh, *“Để có sức mạnh lòng dân”*, Tạp chí Xây dựng Đảng, số 2+3, 2010; Vũ Trọng Kim, *“Tăng cường gắn bó mật thiết giữa Đảng với Dân”*, Tạp chí Xây dựng Đảng, số 10, 2005; Phạm Bá Lượng, *“Tư tưởng Hồ Chí Minh về lấy dân làm gốc”*, tạp chí Triết học, số 2, 2005; Phạm Ngọc Minh, *“Phát huy dân chủ - biện pháp quan trọng nhằm nâng cao tính tích cực của quần chúng nhân dân”*, Tạp chí Triết học, số 6, 2012; Phạm Công Thường, *“Phát huy vai trò của quần chúng nhân dân trong ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên”*, Tạp chí Dân vận, số 7, 2012; Nguyễn Xuân Hoà, *“Mấy suy nghĩ về tiếp tục đẩy mạnh công tác vận*

động quần chúng có đạo trong tình hình mới”, Tạp chí Dân vận, số 3, 2010; PGS.TS. Bùi Đình Phong, Nguyễn Bá Quang, “*Con đường cứu nước, cứu dân, con đường hình thành tư tưởng “Dân vận khéo” Hồ Chí Minh*”, Tạp chí Dân vận, số 5, 2011; Trương Văn Nam, “*Dân vận khéo*” là phải thực hành dân chủ, kỷ cương, công khai minh bạch và trách nhiệm”, Tạp chí Dân vận, số 11, 2010; PGS.TS. Nguyễn Trọng Phúc, “*Bài học: Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân*”: Nhìn từ cách mạng Tháng 8 và công cuộc đổi mới hiện nay”, Tạp chí Dân vận, số 8, 2011; Thành Nam, “*Một số bài học rút ra từ 80 năm công tác dân vận của Đảng*”, Tạp chí Dân vận, số 5, 2010; PGS.TS. Vũ Hoàng Công, “*Giải quyết mối quan hệ giữa Đảng và công tác dân vận để giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng*”, Tạp chí Dân vận, số 6, 2011; Vũ Lâm, “*Công tác dân vận trong giải phóng mặt bằng: Một số vấn đề đặt ra*”, Tạp chí Dân vận, số 12, 2010; Đinh Hữu Cường, “*Học tập và làm theo tư tưởng Dân vận Hồ Chí Minh*”, Tạp chí Dân vận, số 10, 2011; Đỗ Quang Tuấn, “*Củng cố và tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân*”, tạp chí Dân vận, số 11, 2011; Nguyễn Kim Thanh, “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác cán bộ và cán bộ dân vận*”, Tạp chí Dân vận, số 4, 2011; Vũ Bình Minh, “*Cụ thể hoá quan điểm “Dựa vào dân để xây dựng Đảng*”, Tạp chí Dân vận, số 2, 2012; Nguyễn Thế Trung, “*Mấy vấn đề đổi mới nội dung, phương thức vận động quần chúng của Đảng trong thời kỳ đẩy mạnh CNH-HĐH đất nước*”, Tạp chí Dân vận, số 8, 2012.

Các bài viết trên tạp chí sinh hoạt lý luận của Học viện Chính trị - Hành chính khu vực III như: Bài của TS. Nguyễn Ngọc Hoà, “*Văn hoá với việc phát huy nguồn lực con người ở Đà Nẵng*”, Tạp chí Sinh hoạt lý luận, số 4 (89), 2008; Nguyễn Văn Quang, “*Thực hiện dân chủ trực tiếp ở nước ta hiện nay*”, Tạp chí Nghiên cứu lý luận, số 10, 2000; ThS. Phan Thanh Giản, “*Thực trạng và một số giải pháp góp phần giải quyết việc làm cho nhóm dân sau tái*

định cư trên địa bàn thành phố Đà Nẵng”, Tạp chí Sinh hoạt lý luận, số 2 (81), 2007; Đỗ Ngọc Quang, “*Một số suy nghĩ về định hướng XHCN trong quá trình phát triển của thành phố Đà Nẵng*”, Tạp chí Sinh hoạt lý luận, số 3 (88), 2008; PGS.TS. Nguyễn Văn Nam, “*Thực hiện quy chế dân chủ, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân với quá trình phát triển của Đà Nẵng hiện nay*”, Tạp chí Sinh hoạt lý luận, số 5 (90), 2008; Phạm Quang Tín, “*Đo lường sự ảnh hưởng về kinh tế của chính sách giải toả đền bù đến các hộ dân tái định cư trên địa bàn thành phố Đà Nẵng*”, Tạp chí Sinh hoạt lý luận, số 4 (101), 2010; bài của PGS.TS. Trương Minh Dục, “*Phát huy vai trò của quần chúng nhân dân trong xây dựng và quản lý đô thị qua kinh nghiệm thực tiễn ở thành phố Đà Nẵng*”, Kỷ yếu hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ ba; Phạm Thị Hằng, “*Triết lý “Hiếu dân, tin dân, dựa vào dân” trong chiến lược Đại đoàn kết của Chủ tịch Hồ Chí Minh*”, Tạp chí Sinh hoạt lý luận, số 6 (103), 2010; Lê Văn Phúc, Ngô Khắc Sơn, “*Phát huy dân chủ - Một giải pháp quan trọng để phòng chống tham nhũng hiện nay*”, Tạp chí Sinh hoạt lý luận, số 3 (88), 2008; PGS.TS. Phạm Hào, “*Thành phố Đà Nẵng, 10 năm - Một chặng đường phát triển*”, Tạp chí Sinh hoạt lý luận, số 1 (80), 2007; Nguyễn Thị Thu Hà, “*Bất bình đẳng về phân phối thu nhập ở thành phố Đà Nẵng: Thực trạng và giải pháp*”, Tạp chí Sinh hoạt lý luận, số 5 (108), 2011; ThS. Hà Trọng Thà, “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác tuyên truyền, vận động, tổ chức quần chúng nhân dân trong sự nghiệp bảo vệ an ninh xã hội*”, Tạp chí Sinh hoạt lý luận, số 6 (91), 2008; Nguyễn Thị Lan, “*Tăng cường công tác dân vận chính quyền nhằm xây dựng sự đồng thuận xã hội*”, Tạp chí Sinh hoạt lý luận, số 4 (107), 2011. Hay bài của PGS.TS. Nguyễn Văn Nam, “*Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc nhằm bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc và định hướng xã hội chủ nghĩa*”, Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông, tháng 10, 2009.

Những công trình, bài viết trên xuất phát từ yêu cầu thực tiễn và lý luận, đã đề cập những khía cạnh nhất định liên quan đến đề tài. Trên cơ sở kế thừa thành quả của những người đi trước, luận văn góp một phần vào nghiên cứu một cách khoa học vấn đề phát huy vai trò của quần chúng nhân dân, đồng thời phục vụ cho công tác của bản thân tác giả sau này.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ VAI TRÒ CỦA QUẦN CHÚNG NHÂN DÂN TRONG LỊCH SỬ

1.1. QUAN NIỆM VỀ VAI TRÒ CỦA QUẦN CHÚNG NHÂN DÂN TRONG LỊCH SỬ

1.1.1. Quan điểm của các nhà triết học trước C.Mác về vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử

Vấn đề vai trò của quần chúng nhân trong lịch sử triết học đã bàn đến rất nhiều và đã có rất nhiều quan điểm rất khác nhau. Đa số các quan điểm đều không nhìn nhận, đánh giá đúng vai trò của nhân dân và mối quan hệ giữa quần chúng nhân dân và cá nhân trong tiến trình lịch sử nhân loại.

Các tư tưởng tôn giáo cho rằng, mọi sự thay đổi trong lịch sử xã hội là do ý chí của đấng tối cao, do mệnh trời tạo nên và trao quyền cho các cá nhân thực hiện. Quan điểm sai lầm này bắt nguồn từ quan điểm tôn giáo cho rằng mọi thứ trong vũ trụ là do thượng đế tạo nên, chỉ có thượng đế là lực lượng sáng tạo duy nhất. Ngược lại, các nhà triết học thuộc chủ nghĩa duy tâm lại đề cao vai trò của các vĩ nhân và cho rằng, quần chúng nhân dân chỉ là “bầy cừu ngoan ngoãn” là một công cụ biết nói không hơn không kém, quần chúng nhân dân chỉ là “lực lượng tiêu cực”, là “phương tiện” mà các vĩ nhân cần đến để đạt mục đích của mình. Lý luận đó biện hộ cho sự thống trị của những giai cấp bóc lột. Tuy ở mỗi thời đại, lý luận đó mang hình thức khác nhau, nhưng về thực chất, nó vẫn cho là một xã hội bao giờ cũng chỉ ra hai hạng người: “hạng thượng lưu” có đặc quyền cai trị thiên hạ và “hạng thứ dân”(nhân dân lao động) phải phục tùng và làm tôi tớ cho hạng thượng lưu đó là điều hoàn toàn tự nhiên.

Những nhà duy vật trước C.Mác cũng tỏ ra bất lực vấn đề này. Vì họ vẫn chưa thoát khỏi quan điểm duy tâm trong lĩnh vực xã hội. Tuy không tin

vào đẳng tối cao, thượng đế, thần linh, nhưng họ cho rằng nhân tố quyết định sự phát triển xã hội và của lịch sử nhân loại là tư tưởng đạo đức, là vĩ nhân, và những vĩ nhân sớm nhận thức được chân lý vĩnh cửu. Có nhà tư tưởng lại đề cao vai trò của quần chúng, phủ nhận vai trò của vĩ nhân hoặc không lý giải được một cách khoa học vai trò của quần chúng trong lịch sử.

Như vậy, có thể khẳng định rằng việc nhìn nhận đánh giá của các trường phái triết học trước Chủ nghĩa Mác - Lênin về vai trò của quần chúng nhân dân còn nhiều hạn chế. Chỉ sau khi chủ nghĩa Mác ra đời thì vấn đề này mới được giải quyết một cách triệt để nhất, khoa học nhất.

1.1.2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về quần chúng nhân dân, vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử

a. Quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen

C.Mác và Ph.Ăngghen, là những người đầu tiên đã phát hiện ra vai trò quyết định của quần chúng nhân dân trong lịch sử và xác định mối quan hệ đúng đắn vai trò của cá nhân và của quần chúng nhân dân trong lịch sử phát triển của xã hội. Đây là một chuyên biến cách mạng trong nhận thức về lịch sử, giúp cho chính đảng cách mạng của giai cấp vô sản có thêm căn cứ khoa học để xây dựng đúng đắn đường lối chiến lược, sách lược đưa sự nghiệp cách mạng của giai cấp vô sản đi đến thắng lợi hoàn toàn. Đó cũng là biểu hiện nhân sinh quan của những người cộng sản suốt đời phấn đấu cho sự nghiệp giải phóng quần chúng nhân dân khỏi sự áp bức bóc lột.

Khái niệm quần chúng nhân dân không phải là khái niệm bất biến, trừu tượng mà nó mang tích chất lịch sử cụ thể, nghĩa là có sự biến đổi theo sự phát triển của lịch sử xã hội. Trong xã hội có giai cấp, nó mang nội dung giai cấp, nó thay đổi tùy theo các hình thái kinh tế - xã hội. Căn cứ vào điều kiện lịch sử xã hội và những nhiệm vụ đặt ra mà của mỗi thời đại mà khái niệm quần chúng nhân dân bao gồm những thành phần, tầng lớp xã hội, giai cấp

khác nhau. Nhưng tựu trung lại, quần chúng nhân dân là một bộ phận có cùng lợi ích căn bản, bao gồm những thành phần, những tầng lớp, những giai cấp khác nhau, liên kết lại thành một tập thể dưới sự lãnh đạo của một cá nhân, tổ chức hay đảng phái nhằm giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội của một thời đại nhất định.

Nghiên cứu các cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động chống lại giai cấp tư sản và các giai cấp bóc lột nhằm lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, xây dựng một xã hội mới văn minh hơn, tiến bộ hơn, những nhà sáng lập ra chủ nghĩa xã hội khoa học đã lần đầu tiên chỉ ra vai trò quyết định của quần chúng nhân dân trong lịch sử.

Đứng trên lập trường duy vật, kế thừa một cách có phê phán tất cả những thành tựu có giá trị trong toàn bộ lịch sử triết học, dựa trên những thành tựu có tính chất thời đại của khoa học hiện đại và thực tiễn lúc bấy giờ, C.Mác và Ph.Ăngghen đã khẳng định vị trí, vai trò to lớn của quần chúng nhân dân trong lịch sử. C.Mác nói rằng, quần chúng là người sáng tạo chân chính ra lịch sử và con người làm ra lịch sử của chính mình, nhưng không phải làm theo ý muốn tùy tiện của mình, trong những điều kiện tự mình chọn lấy, mà là trong những điều kiện trực tiếp có trước mắt, đã có sẵn và do quá khứ để lại. Vai trò của quần chúng nhân dân được thể hiện:

Một là, quần chúng nhân dân là lực lượng sản xuất cơ bản của xã hội, trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội.

Con người muốn tồn tại phải có các điều kiện vật chất cần thiết, mà những nhu cầu đó chỉ có thể đáp ứng được thông qua sản xuất. Hoạt động lịch sử đầu tiên của những con người không phải là họ suy nghĩ mà chính là họ bắt đầu sản xuất những tư liệu cần cho cuộc sống. Loài người làm nên lịch sử của mình bắt đầu từ việc chế tạo ra công cụ, sử dụng công cụ để sản xuất ra của cải vật chất cho cuộc sống. Chính nhờ chế tạo được công cụ để sản xuất ra

của cái vật chất mà con người mới từ loài vật bước sang thế giới loài người và chính lịch sử loài người bắt đầu từ đó. Vì vậy, thông qua quá trình sản xuất, loài người càng tích lũy được nhiều kinh nghiệm sản xuất, cải tiến công cụ và chế tạo công cụ sản xuất ngày càng tinh xảo, làm cho lực lượng sản xuất phát triển không ngừng. Cùng với sự phát triển của lực lượng sản xuất, phương thức sản xuất mới ra đời thay thế cho phương thức sản xuất cũ sẽ làm thay đổi hoàn toàn xã hội.

Hoạt động của cái vật chất, chế tạo và cải tiến công cụ lao động, tích lũy kinh nghiệm sản xuất, không thể là kết quả hoạt động của một cá nhân nào mà là của đông đảo quần chúng nhân dân lao động bao gồm cả lao động chân tay và lao động trí óc. Quần chúng nhân dân lao động đóng vai trò quyết định trong hoạt động sản xuất, là người trực tiếp làm ra của cải vật chất để đảm bảo sự tồn tại và phát triển của xã hội.

Nguyên lý cơ bản đó của chủ nghĩa duy vật lịch sử vạch rõ rằng, không có sản xuất vật chất thì bất cứ xã hội nào cũng không tồn tại được. Lịch sử của xã hội, do vậy trước hết cũng là lịch sử phát triển của sản xuất vật chất. C.Mác viết: “Việc sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt vật chất trực tiếp... tạo ra một cơ sở, từ đó mà người ta phát triển các thể chế nhà nước, các quan điểm pháp quyền, nghệ thuật và thậm chí cả những quan niệm tôn giáo của con người ta” [10, tr. 500].

Chính vì vậy mà Ph.Ăngghen đã viết: Mác là người đầu tiên “đã phát hiện ra quy luật phát triển của lịch sử loài người, nghĩa là tìm ra cái thật sự giản đơn...là trước hết con người cần phải ăn, uống, ở và mặc, trước khi có thể lo đến chuyện làm chính trị, khoa học, nghệ thuật, tôn giáo...” [8, tr. 198].

Sự ra đời và phát triển của khoa học, kỹ thuật cũng chứng minh vai trò to lớn của quần chúng nhân dân. Khoa học, kỹ thuật ra đời trên cơ sở khái quát kinh nghiệm thực tiễn lao động sản xuất và đấu tranh của quần chúng lao

động cũng như do sự thôi thúc của nhu cầu sản xuất. Thực tiễn sản xuất luôn đặt ra những vấn đề mới đòi hỏi khoa học, kỹ thuật giải quyết, thúc đẩy khoa học, kỹ thuật phát triển không ngừng. Ph.Ăngghen chỉ rõ: “Nếu trong xã hội xuất hiện một nhu cầu kỹ thuật thì điều đó sẽ thúc đẩy khoa học tiến lên nhiều hơn một chục trường đại học” [12, tr. 271].

Cách mạng khoa học kỹ thuật hiện nay có vai trò đặc biệt đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất. Song, vai trò của khoa học chỉ có thể được phát huy thông qua thực tiễn sản xuất của quần chúng nhân dân lao động, nhất là đội ngũ công nhân hiện đại và trí thức trong nền sản xuất xã hội ấy. Trong xã hội cũ, quần chúng bị áp bức, bóc lột nặng nề, họ không có điều kiện để nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, khoa học ra đời và phát triển trước hết cũng là nhờ có hoạt động sản xuất của quần chúng. Khoa học tự nhiên và khoa học xã hội cũng là sự khái quát thực tiễn lao động sản xuất và đấu tranh giai cấp của quần chúng nhân dân. Những kinh nghiệm phong phú của nhân dân là nguồn tài liệu vô tận cho khoa học phát triển.

Hai là, quần chúng nhân dân là động lực cơ bản của mọi cuộc cách mạng xã hội diễn ra trong lịch sử xã hội loài người.

Trong xã hội có giai cấp đối kháng, mâu thuẫn giai cấp luôn tồn tại, đó là những mâu thuẫn gay gắt, không thể dung hoà được, mâu thuẫn giữa một bên là giai cấp thống trị đi áp bức, bóc lột và một bên là giai cấp bị áp bức bóc lột - quần chúng nhân dân. Mâu thuẫn không thể điều hoà được tất yếu sẽ dẫn đến đấu tranh giai cấp, mà đỉnh cao của nó là cách mạng xã hội. Cuộc đấu tranh của quần chúng nhân dân bị áp bức bóc lột chống lại giai cấp thống trị phát triển từ thấp đến cao, từ nhỏ đến lớn. Tất cả các cuộc cách mạng xã hội đều có mục đích là xoá bỏ quan hệ sản xuất cũ, lạc hậu, lỗi thời, giải phóng lực lượng sản xuất hình thành nên một phương thức sản xuất mới cao hơn.

Lịch sử loài người đã chứng minh rằng, không có cuộc cách mạng xã

hội nào mà không có đông đảo quần chúng nhân dân tham gia. Họ là lực lượng cơ bản và có vai trò quyết định sự thắng lợi của mọi cuộc cách mạng. Cách mạng là sự nghiệp do quần chúng tạo dựng nên chứ không phải của cá nhân một anh hùng nào cả. Nếu không có sự tham gia tích cực của đông đảo quần chúng thì nhất định không có những chuyển biến cách mạng trong lịch sử. Lịch sử loài người đã chứng minh chân lý đó. Chính cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp nô lệ là động lực làm cho xã hội loài người chuyển từ chế độ chiếm hữu nô lệ sang chế độ phong kiến. Cuộc đấu tranh của giai cấp nông nô là động lực chính làm cho xã hội tiến từ xã hội phong kiến sang xã hội tư bản, cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nông dân lao động là động lực cơ bản để thủ tiêu chủ nghĩa tư bản và xây dựng chủ nghĩa cộng sản mà giai đoạn đầu là chủ nghĩa xã hội.

C.Mác và Ph.Ăngghen đều nhấn mạnh, với tính tích cực sâu sắc của quần chúng nhân dân, mọi cuộc cách mạng đều thành công, tiêu diệt chế độ cũ và xây dựng một chế độ mới tốt đẹp hơn. Tính tích cực sâu sắc của quần chúng nhân dân thể hiện rõ nhất trong cách mạng vô sản, vì đó là cuộc cách mạng mang lại lợi ích cơ bản cho nhân dân lao động mà trước hết là mang lại quyền làm chủ cho con người. Cuộc cách mạng đó tiêu diệt chế độ tư hữu, xóa bỏ chế độ người bóc lột người và đưa đến xã hội mới tiến bộ, dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, Ph.Ăngghen viết:

Vậy, nếu vấn đề là nghiên cứu những động lực - một cách có ý thức hay không có ý thức, và thường là không có ý thức - ẩn sau những động cơ của những nhân vật hoạt động trong lịch sử và là những động lực thực tế cuối cùng của lịch sử, thì vấn đề không phải là nghiên cứu những động cơ của các cá nhân riêng lẻ, dù đó là những cá nhân xuất sắc đi nữa, mà là nghiên cứu những động cơ đã lay chuyển những khối quần chúng đông đảo, những dân tộc trọn vẹn;

rồi đến những giai cấp trọn vẹn trong mỗi dân tộc; những động cơ đã đẩy họ không phải đến chỗ tiến hành những cuộc nổi dậy, nhất thời theo kiểu lửa rom chóng tắt, mà đến chỗ tiến hành những hành động lâu dài đưa đến những biến đổi lịch sử vĩ đại [11, tr. 438].

Chính trong quá trình lâu dài của cuộc đấu tranh giai cấp mà quần chúng nhân dân lao động được giác ngộ và được tổ chức lại, lực lượng cách mạng của họ càng được phát triển và tổ chức chặt chẽ. Chính trong thời kỳ bão táp cách mạng, tinh thần anh dũng và sáng tạo của đông đảo quần chúng được phát huy cao độ, mọi lực lượng tiềm tàng trong quần chúng được động viên, nhằm đánh đổ giai cấp thống trị, áp bức bóc lột để xây dựng một xã hội mới tốt đẹp hơn.

Ba là, quần chúng nhân dân chẳng những đóng vai trò quyết định trong sản xuất vật chất, trong cách mạng xã hội mà còn sáng tạo những giá trị văn hoá tinh thần cho lịch sử nhân loại. Tất cả những nền văn học nghệ thuật lớn trên thế giới đều bắt nguồn từ văn học nghệ thuật dân gian.

Bên cạnh nhu cầu vật chất, đời sống vật chất, con người và xã hội loài người còn có đời sống tinh thần vô cùng phong phú và đa dạng như tình cảm đạo đức, văn hoá, tôn giáo, nghệ thuật... Trước khi xã hội loài người phân chia giai cấp và trước khi có sự tách biệt giữa lao động chân tay và lao động trí óc nói chung và hoạt động văn học nghệ thuật, khoa học nói riêng trở thành đặc quyền của một thiểu số, thì đã có văn học dân gian lâu đời. Trong quá trình lao động những hiểu biết về thiên nhiên, về xã hội, những việc phấn khởi trước thành quả lao động, những nỗi băn khoăn lo lắng trước khó khăn, thất bại... được quần chúng phản ánh trong tục ngữ, ca dao, trong câu hò tiếng hát, trong câu truyện cổ tích, thần thoại, trong điệu múa lời ca, trong hình tượng hội họa và điêu khắc.

Cùng với sự phát triển của đời sống vật chất, đời sống tinh thần của xã hội ngày càng được nâng cao. Bất cứ một giá trị văn hóa nghệ thuật nào cũng

không thể tách rời đời sống hiện thực phong phú của quần chúng nhân dân. Quần chúng nhân dân vừa là chủ thể sáng tác vừa là chủ thể hưởng thụ và phát triển những giá trị tinh thần đó. Họ đóng vai trò quyết định trong sự phát triển của văn học nghệ thuật. Tất cả mọi sáng tạo văn hoá tinh thần đó đều có quan hệ mật thiết với quần chúng nhân dân. Chẳng những quần chúng lao động trực tiếp tham gia sáng tác văn học, nghệ thuật, khoa học... mà chính những hoạt động thực tiễn, những nguyện vọng, tâm tư, tình cảm của họ là nguồn cảm hứng vô tận giàu chất thơ cho hoạt động sáng tác của những người làm văn học nghệ thuật chuyên nghiệp, cho mọi sáng tạo tinh thần trong đời sống xã hội. Mặt khác, quần chúng nhân dân còn là người bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa. Các giá trị văn hoá tinh thần chỉ có thể trường tồn khi được đông đảo quần chúng nhân dân chấp nhận, lưu giữ và truyền bá sâu rộng, trở thành giá trị phổ biến. C.Mác viết: “Thần thoại Hy Lạp không những cấu thành kho tàng của nghệ thuật Hy Lạp mà còn là miếng đất đã nuôi dưỡng nghệ thuật Hy Lạp nữa” [9, tr. 890].

Như vậy, những sáng tác đó của quần chúng vừa là cội nguồn vừa là điều kiện, động lực thúc đẩy đời sống tinh thần, nền văn hoá tinh thần của mỗi dân tộc trong mọi thời đại. Đến chủ nghĩa cộng sản, nhân dân lao động sẽ trở thành người làm chủ hoàn toàn, khi đó các sáng tạo nghệ thuật, không còn là việc riêng của một số cá nhân như trong xã hội có giai cấp đối kháng trước đây.

Từ những luận chứng trên, đã chứng tỏ rằng quần chúng nhân dân lao động là những người sáng tạo chân chính ra lịch sử, là lực lượng quyết định sự phát triển của xã hội và C.Mác đã nói rằng chính con người làm ra lịch sử của mình chứ không phải do một lực lượng siêu tự nhiên nào thực hiện.

b. Quan điểm của V.I.Lênin

Thời đại mà V.I.Lênin sống đã có những thay đổi lớn, phong trào quần

chúng nhân dân diễn ra mạnh mẽ ở khắp nơi, chính trên nền tảng thực tiễn đó mà quan niệm về vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử đã thể hiện sự vượt trội hơn hẳn cả từ góc độ lý luận lẫn thực tiễn.

Trong các tác phẩm, bài viết của mình, V.I.Lênin đã nhiều lần nhắc đến và khẳng định vai trò của lực lượng nhân dân trong lịch sử. Cũng như C.Mác và Ph.Ăngghen, V.I.Lênin khẳng định quần chúng nhân dân là lực lượng sản xuất ra của cải vật chất của xã hội. Chính sự phát triển của lực lượng sản xuất đã dẫn đến sự thay thế các quan hệ sản xuất lỗi thời bằng những quan hệ sản xuất mới, dẫn đến sự thay đổi toàn bộ kiến trúc thượng tầng của xã hội. Như vậy, lịch sử của xã hội loài người trước hết là lịch sử của sản xuất, lịch sử của sự thay đổi các phương thức sản xuất khác nhau qua các thời đại, lịch sử của những người sản xuất của cải vật chất, của quần chúng nhân dân. V.I.Lênin chỉ rõ: “Lực lượng sản xuất hàng đầu của toàn thể nhân loại là công nhân, là người lao động” [30, tr. 430].

Điều này khẳng định rằng, điều đầu tiên thể hiện vai trò to lớn của nhân dân đó chính là sản xuất ra của cải, vật chất, điều cơ bản nhưng là cái quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người. Như C.Mác cũng đã từng khẳng định con người muốn làm khoa học, chính trị thì điều đầu tiên là phải ăn, mặc, ở và đi lại.

Chính V.I.Lênin cũng đã đánh giá cao quan điểm duy vật lịch sử của C.Mác về vai trò của quần chúng nhân dân, ông viết: “Những lý luận trước kia đã không nói đến chính ngay hành động của quần chúng nhân dân, còn chủ nghĩa duy vật lịch sử, lần đầu tiên, đã giúp ta nghiên cứu một cách chính xác, như khoa học tự nhiên, những điều kiện xã hội của đời sống quần chúng và những biến đổi của những điều kiện ấy” [32, tr. 15].

Vai trò của quần chúng nhân dân nó không chỉ thể hiện trong quá trình sản xuất ra của cải vật chất mà nó còn là nhân tố quyết định sự vận động của

lịch sử xã hội, V.I.Lênin đã viết: “Khi dùng danh từ “nhân dân”, Mác không thông qua danh từ ấy để xoá mờ mất sự khác biệt về giai cấp; Mác đã gộp vào danh từ ấy những thành phần nhất định có khả năng làm cách mạng đến cùng” [28, tr. 159].

Chúng ta thấy rằng, tất cả các cuộc cách mạng trong lịch sử chỉ thực sự là cuộc cách mạng khi có sự tham gia của lực lượng hàng chục triệu người và chỉ có lực lượng này mới làm nên sự thành công của cuộc cách mạng, như V.I.Lênin khẳng định: “Cuộc cách mạng chỉ thực sự là một cuộc cách mạng khi nào hàng chục triệu người đồng lòng hăng hái nổi dậy” [35, tr. 613]. Một cuộc cách mạng xã hội càng triệt để bao nhiêu thì tính tích cực và sáng tạo của quần chúng càng sâu sắc bấy nhiêu. Ngược lại, các cuộc cách mạng không triệt để thì tất nhiên, không phát huy được mạnh mẽ tính tích cực và sáng tạo của quần chúng, V.I.Lênin viết: “Toàn bộ lịch sử các cuộc chiến tranh giải phóng đều chỉ cho chúng ta thấy rằng khi các cuộc chiến tranh đó được đông đảo quần chúng tham gia một cách chủ động thì công cuộc giải phóng được thực hiện một cách nhanh chóng” [35, tr. 30].

Chính trong quá trình đấu tranh chống lại áp bức bóc lột, giành lại sự tự do và mong muốn xây dựng một xã hội mới tốt đẹp hơn, thì quần chúng nhân là những nhà sáng tạo ra một trật tự xã hội mới và nó có thể tạo nên những kỳ công, thúc đẩy lịch sử phát triển và thấy rõ sức mạnh, sự sáng tạo phi thường của quần chúng một khi tự họ thấy phải đứng lên làm ra lịch sử của mình. V.I.Lênin viết: “Cách mạng là ngày hội của những người bị áp bức và bị bóc lột. Không lúc nào quần chúng nhân dân có thể tỏ ra là người sáng tạo trật tự xã hội mới tích cực như trong thời kỳ cách mạng. Trong những thời kỳ như thế...thì nhân dân có thể làm được những kỳ công” [33, tr. 131], và nhờ sức mạnh của quần chúng nhân mà “thời kỳ cách mạng có một tính sáng tạo lịch sử rộng lớn hơn, phong phú hơn, tự giác hơn, có kế hoạch hơn, có hệ thống

hơn, dũng cảm hơn và rõ ràng hơn so với những thời kỳ tiến bộ của tiểu thị dân, của Đảng dân chủ - lập hiến, của chủ nghĩa cải lương” [34, tr. 390]. Và V.I.Lênin so sánh: “Sức sáng tạo về mặt tổ chức của nhân dân, đặc biệt là của giai cấp vô sản, rồi đến của giai cấp nông dân, trong những thời kỳ gió xoáy cách mạng thể hiện mạnh hơn, phong phú hơn, có kết quả hơn trong thời kỳ gọi là tiến bộ lịch sử yên tĩnh (chậm như xe bò) hàng triệu lần” [34, tr. 398].

Quần chúng nhân dân muốn đứng lên làm cách mạng thì cần phải tập hợp lại thành một khối thống nhất, có tổ chức chặt chẽ và có lý luận khoa học, cách mạng dẫn đường. Khi cách mạng thành công thì vai trò của quần chúng trong công cuộc xây dựng một xã hội mới tốt đẹp hơn xã hội cũ càng thể hiện rõ. Một cuộc cách mạng xã hội vĩ đại, sâu sắc, triệt để như vậy không thể là sự nghiệp của một cá nhân, của một đảng, mà phải là sự nghiệp của đông đảo quần chúng nhân dân. Đó không phải là sự nghiệp riêng của tổ chức đảng lãnh đạo cách quần chúng nhân dân thực hiện thắng lợi cuộc cách mạng mà đó là sự nghiệp của quần chúng, nếu không có lực lượng quần chúng tham gia vào thì sự nghiệp xây dựng một xã hội mới sẽ không thể thực hiện được. Điều này đã được V.I.Lênin khẳng định trong sự nghiệp xây dựng đất nước: “Ở mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và cá nhân, mới bắt đầu có một sự tiến lên mau chóng, thật sự, thực sự có tính chất quần chúng, lúc đầu được đa số dân cư tham gia, rồi về sau được toàn thể dân cư tham gia” [29, tr. 398].

Một đảng muốn lãnh đạo cách mạng thành công thì không thể thiếu việc liên hệ máu thịt với nhân dân. Đây là vấn đề có tính nguyên tắc, vừa là vấn đề mang tính quy luật. Điều này đã được V.I.Lênin cảnh báo: “Một trong những nguy hiểm lớn nhất và đáng sợ nhất đối với Đảng là “tự cắt đứt mối liên hệ với quần chúng” [31, tr. 426]. Không chỉ nêu ra mối hiểm nguy đó, V.I.Lênin cũng nêu một cách cô đọng những nguyên tắc và nội dung những việc phải làm là phải “...sống trong lòng quần chúng. Biết tâm trạng của quần

chúng. Biết tất cả. Hiểu quần chúng. Biết đến với quần chúng, giành được lòng tin tuyệt đối của quần chúng” [31, tr. 608].

Như vậy, xét từ kinh tế đến chính trị, từ hoạt động vật chất đến hoạt động tinh thần, quần chúng nhân dân luôn đóng vai trò quyết định trong lịch sử. Tuy nhiên, phải trải qua một thời gian dài tới khi chủ nghĩa Mác ra đời thì chân lý “quần chúng sáng tạo ra lịch sử” mới được nêu lên. Từ khi có được nhận thức đúng về vai trò của quần chúng và nhận thức ấy được ăn sâu vào hàng triệu con người thì lịch sử biến chuyển nhanh chóng lạ thường, tích cực và sáng tạo cách mạng của quần chúng được biểu lộ và phát huy vô cùng mạnh mẽ, thời gian phát triển lịch sử được rút ngắn, nhất là những thời kỳ cách mạng.

Những quan điểm đó của các nhà kinh điển là tiền đề lý luận quan trọng cho việc hình thành tư tưởng của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về quần chúng nhân dân vào việc giành và giữ chính quyền, xây dựng thành công Chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta.

1.2. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ QUẦN CHÚNG NHÂN DÂN, VAI TRÒ CỦA QUẦN CHÚNG NHÂN DÂN TRONG TIẾN TRÌNH CÁCH MẠNG

1.2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhân dân và vai trò của quần chúng nhân dân

a. Nguồn gốc hình thành

Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhân dân và vai trò của quần chúng nhân dân được hình thành là kết quả của sự kết hợp những yếu tố:

Một là, những tư tưởng về lấy dân làm gốc trong lịch sử dân tộc Việt Nam.

Thực tiễn lịch sử xã hội phong kiến Việt Nam đã chứng minh rằng: triều đại nào mà người cầm quyền nhận thức được vai trò, sức mạnh của quần

chúng nhân dân, tạo dựng được mối liên hệ mật thiết với nhân dân, được đông đảo quần chúng nhân dân ủng hộ, thì triều đại đó luôn vững mạnh, thì có thể tập trung được mọi sức mạnh của nhân dân, sẵn sàng đánh đuổi bất cứ giặc ngoại xâm, xây dựng một đất nước thái bình, thịnh trị. Và ngược lại, nếu như người cầm quyền đánh giá không đúng vai trò của nhân dân, xem nhân dân chỉ là công cụ sai khiến, không thu phục được lòng dân, thì sớm muộn gì triều đại đó cũng sẽ suy vong, tàn lụi.

Trong quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc đã có nhiều vị vua, vị tướng nhận thức đúng đắn được vị trí, vai trò của nhân dân, luôn đề cao tư tưởng trọng dân, gần dân, tin tưởng nhân dân, yêu thương, hoà mình cùng với dân, chăm lo cho dân, biết dựa vào dân. Tư tưởng và truyền thống đó luôn được các thế hệ ông cha ta kế thừa và phát huy trong quá trình xây dựng đất nước cũng như đấu tranh chống giặc ngoại xâm, bảo vệ nền hoà bình của đất nước.

Lý Thái Tổ trong Chiếu dời đô đã nói lên một ý rất quan trọng là muốn mưu việc lớn, tính kế muôn đời cho con cháu thì trên phải vâng mệnh trời, dưới phải theo dân. Đó chính là tư tưởng coi trọng nhân dân, vì nhân dân mà lập kế lâu dài để trên cho cơ nghiệp to lớn được thịnh vượng, dưới cho nhân dân được nhiều của nhiều người, việc lớn như thế tất yếu là không ai không giám theo.

Theo Trần Quốc Tuấn dân là chính trị, đường lối chính trị phải lấy giữ nước làm gốc, mọi chiến lược, chiến thuật phải căn cứ vào lợi ích của dân, thắng hay thua, tiến hay lùi bước đầu phải căn cứ vào lợi ích của dân. Chính sách này biểu thị sự quan tâm của nhà nước đối với sản xuất và đời sống của nhân dân. Do đó, phải tranh thủ sự đồng lòng ủng hộ của dân.

Dưới con mắt của Trần Quốc Tuấn, nhân dân là nơi chứa chất tiềm lực kinh tế và quốc phòng bảo đảm cho sự vững chắc cho nền độc lập và chủ quyền

của đất nước. Dân là nguồn lực vĩ đại của dân tộc để bảo đảm cho sự bền vững của nền độc lập chủ quyền đất nước. Trong “Hịch Tướng Sĩ” ông khẳng định: được lòng dân mới là tất cả, được lòng dân mới là gốc nước. Có thể nói, Trần Quốc Tuấn là người đầu tiên khẳng định sức mạnh từ sự đoàn kết của nhân dân đối với sự phát triển của đất nước, đó là một chân lý sáng ngời của chiến tranh giữ nước, cả nước chung sức đánh giặc. Trong cuộc đấu tranh chống giặc Nguyên Mông hung hãn, triều đại nhà Trần đã ba lần đánh thắng mà nguyên nhân cơ bản của thắng lợi đó, theo Trần Quốc Tuấn là do “vua tôi đồng lòng, anh em hòa thuận, cả nước góp sức”. Điều quan trọng ở đây là nhà Trần đã tranh thủ được sự ủng hộ của toàn thể nhân dân trong nước, tập hợp toàn bộ sức mạnh đó thành một tổng lực, ấy là điểm cơ bản đảm bảo cho sự chiến thắng. Trần Quốc Tuấn còn cho rằng là phải làm sao để lòng dân không xa rời mình, phải “khoan thư sức dân để làm kế bền sâu gốc rễ, đó là thượng sách giữ nước”, “khoan thư sức dân” sẽ làm cho sức mạnh của dân tộc tăng lên gấp bội.

Trong cuộc kháng Minh và trong thời Lê sơ tư tưởng nhân nghĩa thời kỳ này rất được thịnh hành. Khi Lê Lợi với sự cộng tác của Nguyễn Trãi đã dùng nhân nghĩa làm vũ khí đánh giặc và trị nước, Nguyễn Trãi cho rằng muốn mưu việc lớn phải lấy nhân nghĩa làm gốc, nên công to phải lấy nhân nghĩa làm đầu, trong Bình ngô Đại cáo Nguyễn Trãi viết “Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân”, “yên dân” ở đây tất nhiên không phải là trị cho dân sợ, ngồi yên, không rục rịch, mà là làm cho dân sung túc. Ông cũng so sánh dân như nước, triều đình như thuyền “chở thuyền cũng là dân, lật thuyền cũng là dân”.

Đầu thế kỷ XX, Phan Chu Trinh đã đưa ra bản “Thất điều thần” kết tội vua Khải Định, nêu lên tư tưởng trọng dân và đề cao dân chủ. Ông cho rằng, nói về học thuyết Tây Âu thì nước là nước của dân, đặt ra triều đình để chịu phần ủy thác của quốc dân, còn ông vua hay ông tổng thống tức là người đại

biểu trong một nước...Ai coi nước như một món riêng của mình thì ví như bọn trộm cướp, còn ai mà cậy quyền mà áp chế dân thì ví như quân phản nghịch.

Phan Bội Châu cũng đã đánh giá rất cao vai trò của nhân dân. Ông gắn dân với nước, dân có trách nhiệm với sự hưng thịnh của đất nước, sự nghiệp đó là do muôn triệu người chung tay xây dựng nên cơ nghiệp nước nhà “Nghìn muôn ức triệu người chung góp”; “Xây dựng nên cơ nghiệp nước nhà”, dân là chủ thể của đất nước và nước là nước của dân “Người dân ta, của dân ta” và “Dân là dân nước, nước là nước dân”. Với Phan Bội Châu, dân là một tập hợp rộng rãi, gồm đủ các loại người: gái, trai, già, trẻ, miền ngược, miền xuôi, phú hào - thứ dân và số phận người dân đã được đưa lên hàng đầu, chứ không phải là số phận của một vương triều, hoặc một ông vua.

Chúng ta có thể khẳng định, những tư tưởng về vai trò quần chúng nhân dân trong truyền thống của lịch sử dân tộc, nó được hình thành và phát triển trở thành một tư duy chính trị xuyên suốt, trở thành một chiến lược để bảo vệ và xây dựng đất nước. Đó là tiền đề cơ bản tạo nên những quan điểm ban đầu về vai trò của quần chúng nhân dân trong tư duy chính trị của Hồ Chí Minh.

Hai là, việc nghiên cứu và tham gia các hoạt động thực tiễn của cách mạng thế giới và cách mạng Việt Nam đã tạo nên cho Hồ Chí Minh sự hoàn thiện về nhận thức vai trò của quần chúng nhân dân.

Ra đi tìm đường cứu nước từ lúc tuổi đời còn rất trẻ, bốn ba khắp thế giới, làm đủ nghề và hòa mình vào cuộc sống của những người dân lao động ở các nước, Người đã nhận thấy được sức mạnh to lớn của quần chúng nhân dân. Nghiên cứu thực tiễn cách mạng của các nước tư bản lớn trên thế giới, mà trọng tâm là cách mạng tư sản Pháp và Mỹ, Người đã đưa ra khẳng định đó là cuộc cách mạng không triệt để, cách mạng nửa vời. Bởi vì, các cuộc

cách mạng đó lôi kéo quần chúng nhân dân vào thực hiện cuộc đấu tranh, nhưng khi kết quả thắng lợi, giai cấp tư sản không những không thực hiện mục tiêu “tự do, bình đẳng, bác ái” mà ngược lại còn đàn áp, áp bức bóc lột nhân dân một cách tàn bạo, nặng nề. Từ thực tiễn đó, Hồ Chí Minh đã rút ra một kết luận rằng, một cuộc cách mạng thực sự triệt để là cuộc cách mạng không những do quần chúng nhân dân tham gia mà điều cơ bản đó là cuộc cách mạng vì nhân dân.

Khi hoạt động và nghiên cứu thực tiễn ở các nước thuộc địa bị áp bức bóc lột, đặc biệt chứng kiến thực tiễn ở các nước thuộc địa Đông Dương và châu Á. Người đã nhận thấy được rằng tiềm lực cách mạng của các dân tộc bị áp bức là rất lớn, nó sẽ trở thành một lực lượng hết sức mạnh mẽ khi nhân dân được giác ngộ và có một chính đảng lãnh đạo. Người đã viết:

Ngày mà hàng trăm triệu nhân dân châu Á bị tàn sát và áp bức thức tỉnh để gạt bỏ sự bóc lột đê tiện của bọn thực dân lòng tham không đáy, họ sẽ trở thành một lực lượng khổng lồ và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn [51, tr. 36].

Cuộc cách mạng Tháng Mười Nga thành công đã có ảnh hưởng rất lớn đến quan điểm lập trường của Hồ Chí Minh. Đây là bước ngoặt quan trọng trong tiến trình đi tìm con đường giải phóng cho dân tộc của Người. Chính thực tiễn cuộc cách mạng và quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của vị lãnh tụ V.I.Lênin đã chứng minh cho Người thấy được sức mạnh to lớn, vai trò của quần chúng nhân dân mà lực lượng nòng cốt là công nông. Khi sức mạnh của nhân dân được phát huy dưới một chính đảng chân chính - Đảng Cộng sản Liên Xô, họ đã làm nên điều kỳ diệu. Từ đó Người đã chọn

con đường cách mạng vô sản để giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, Người viết:

Dưới ngọn cờ vẻ vang của chủ nghĩa Mác - Lênin, đi theo con đường mà cách mạng tháng Mười đã vạch ra, với lòng tin cậy hoàn toàn vào quần chúng và niềm tin tưởng tuyệt đối vào thắng lợi, chúng ta dũng cảm và kiên quyết hướng tới tương lai sung sướng và rực rỡ, tiến tới hữu nghị và hòa bình lâu dài, tiến tới chủ nghĩa xã hội [47, tr. 574].

Không chỉ thực tiễn cách mạng thế giới mà chính thực tiễn cách mạng Việt Nam thời kỳ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX cũng đã tác động mạnh mẽ đến nhận thức của Hồ Chí Minh. Cách mạng Việt Nam thời kỳ này có nhiều diễn biến mạnh mẽ. Các phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân chống lại thực dân Pháp diễn ra khắp nơi. Vì chưa có một chính đảng cách mạng và chân chính lãnh đạo nên các cuộc đấu tranh của các phong trào đều thất bại. Tuy vậy, những phong trào đấu tranh đó đã ảnh hưởng đến nhận thức của Hồ Chí Minh về quần chúng nhân dân và sức mạnh của quần chúng.

Tiêu biểu trong những cuộc đấu tranh cách mạng ấy là phong trào của hai cụ Phan Chu Trinh và Phan Bội Châu. Cả hai phong trào đấu tranh đó tuy đã đề ra được những mục đích cơ bản, song về mặt đường lối còn mang tính chất cải lương, không thành lập được một tổ chức chính trị có thể tập hợp được đông đảo quần chúng nhân dân, hướng họ vào một mục đích là đấu tranh chống lại kẻ thù chung của giai cấp, xây dựng một nhà nước mới tiến bộ hơn, quyền lợi của nhân dân được đảm bảo hơn. Chính những sai lầm, thiếu sót của hai phong trào đó là những bài học kinh nghiệm quý giá cho Hồ Chí Minh trong việc tập hợp lực lượng, xác định vai trò của quần chúng nhân dân, phát huy vai trò đó trong việc thực hiện mục tiêu cách mạng đề ra.

Chứng kiến thực tiễn cách mạng Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ

XX và là người trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam ngay từ những năm đầu của thế kỷ XX. Đó chính là cơ sở khách quan quan trọng và chủ yếu nhất ảnh hưởng đến việc hình thành và phát triển tư tưởng của Hồ Chí Minh về vai trò của quần chúng nhân dân.

Ba là, tiếp thu những tinh hoa văn hóa của phương Đông và phương Tây.

Hồ Chí Minh xuất thân trong một gia đình khoa bảng, ngay từ nhỏ đã giáo dục bởi một nền quốc học và hán học khá vững vàng. Trong những năm ở nước ngoài, Người đã không ngừng làm giàu trí tuệ mình bằng những tinh hoa văn hóa nhân loại, Hồ Chí Minh là một con người đặc trưng cho sự kết hợp hài hòa văn hóa Đông - Tây.

Phương Đông có một bề dày lịch sử phát triển xã hội, văn hóa, tín ngưỡng. Phương Đông được coi là một trong những trung tâm văn hóa của nhân loại, giá trị truyền thống của phương Đông cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Hồ Chí Minh đã biết chắt lọc những gì tinh túy nhất của các học thuyết triết học trong tư tưởng của Khổng Tử, Mạnh Tử, Mặc Tử...

Người đã tiếp thu tư tưởng “Dân là gốc nước” của Nho giáo. Nho giáo luôn quan tâm đến dân và đặc biệt là vai trò của dân, sự quan tâm này theo GS. Trần Đình Hượu, là điểm quan trọng nhất của Nho giáo. Vì các nhà Nho có xác định đầy đủ vai trò của dân mới xác định được địa vị xã hội của họ và hơn nữa định ra trách nhiệm, thái độ của tầng lớp thống trị đối với họ.

Cũng bởi vậy mà các nhà Nho đều khuyên vua hãy coi dân, lấy dân là trời, coi dân còn quý trọng hơn cả xã tắc và nhà vua. Như Mạnh Tử đã nói: “Nhân dân đáng quý trọng nhất, sau đó đến xã tắc. Còn nhà vua thường thường vậy thôi”[5, tr. 73]. Vai trò của dân trong tư tưởng “dân vi bản” của Khổng Tử, “dân vi quý” của Mạnh Tử còn được phát hiện khi các nhà Nho coi dân là một trong ba điều quan trọng nhất của nhà vua, có ảnh hưởng trực

tiếp đến sự thịnh suy, hưng vong của cả chế độ. Các vua chư hầu có ba điều phải coi là quý trọng: đất đai, dân chúng và việc chính trị. Người nào coi trọng châu ngọc, tai ương ắt tới thân. Tuân Tử thì coi vai trò của dân có ý nghĩa quyết định đến vận mệnh của nhà vua, đến sự thịnh vượng của nền chính trị: “Vua là thuyền, thứ dân là nước. Nước chỡ thuyền nước cũng có thể lật thuyền [5, tr. 73]. Dân là gốc, là quý, là nước và có vai trò to lớn như vậy, cho nên các nhà Nho chủ trương, phải giữ vững được dân, vì có như vậy mới giữ được thiên hạ.

Như vậy, quan niệm về dân, vai trò của dân, Nho giáo là một trong ít học thuyết từ rất sớm đã nhận thấy vai trò của dân như là một lực lượng sản xuất to lớn và có vai trò ảnh hưởng nhất định đối với sự thịnh - suy, hưng - vong của một chế độ chính trị, sự ổn định của xã hội. Phải nói rằng, học thuyết chính trị - xã hội của Mạnh Tử trước hết là sự phát triển phạm trù “Nhân” của Khổng Tử thành “thuyết Nhân chính”. Học thuyết “Nhân chính” của Mạnh Tử là một đường lối chính trị quan trọng và ảnh hưởng rất lớn đến các nhà tư tưởng Việt Nam như Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Trãi, Phan Bội Châu... Khi thực hiện “Nhân chính” thì chính là thực hành điều nhân bảo vệ dân, dựa dân, coi dân là gốc của nước. Chú trọng lợi ích chung, ghét lợi ích riêng kêu gọi mọi người trở về với bản tính thiện, ăn ở, cư xử với nhau có nghĩa có tình, quan tâm giúp đỡ lẫn nhau và trọng người hiền tài.

Có thể nói rằng, ngay từ rất sớm Khổng Tử và Mạnh Tử đã thấy được vai trò của nhân dân trong đời sống chính trị - xã hội, từ đó đề xuất nhiều sách lược tiến bộ để mang lại cho dân cuộc sống no đủ, vì hai ông xem chính sách no đủ của dân là cái chìa khóa của một xã hội thịnh trị. Cho nên các bậc vua chúa phải chăm dân, bảo dân và giáo hóa dân. Tuy nhiên, những quan điểm tiến bộ đó không thể thoát khỏi hạn chế của điều kiện lịch sử lúc bấy giờ.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhân dân và vai trò của nhân dân được hình

thành từ nhiều nguồn gốc lý luận và thực tiễn khác nhau, nhưng chủ nghĩa Mác - Lênin là nguồn gốc lý luận chủ yếu nhất, quyết định bước phát triển về chất trong tư tưởng của Người. Chủ nghĩa Mác - Lênin đã khẳng định quần chúng nhân dân là người sáng tạo chân chính ra lịch sử, là động lực cơ bản thúc đẩy sự phát triển của lịch sử, mọi sự kiện lớn lao trong đời sống xã hội, mọi biến đổi cách mạng xảy ra trong lịch sử sẽ không thể thành công nếu không có sự tham gia tích cực của quần chúng. Trong quá trình bôn ba tìm đường cứu nước cho dân tộc, bất gặp ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, Người đã khẳng định rằng: Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin. Từ đó, Hồ Chí Minh đã lựa chọn con đường giải phóng cho dân tộc Việt Nam là con đường cách mạng vô sản.

Như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhân dân và vai trò của nhân dân trước hết là sự kết tinh của quan điểm tiên bộ “dân là gốc” của Nho giáo Trung Quốc với lý luận Mác - Lênin về vai trò của quần chúng nhân dân và thực tiễn lịch sử dựng nước, giữ nước của dân tộc ta. Chính vì vậy đã làm cho tư tưởng này của Người mang một màu sắc mới mẽ độc đáo riêng, tư tưởng đó được dung hợp một cách hài hòa vào tinh thần yêu nước và chủ nghĩa nhân đạo của dân tộc.

Bốn là, những yếu tố thuộc về phẩm chất cá nhân, tài năng, nghị lực của Người.

Một tư tưởng lớn ra đời ngoài yếu tố khách quan thì bao giờ nó cũng là sản phẩm của con người, do con người sáng tạo nên dựa trên những yếu tố khách quan của thời đại. Do đó, tư tưởng của Hồ Chí Minh còn phụ thuộc vào yếu tố cá nhân, đó là tài năng và nghị lực của Người. Với tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, óc phê phán tinh tường sáng suốt, có bản lĩnh kiên cường trong đấu tranh và giàu lòng nhân ái, yêu thương nhân dân sâu sắc, nhất là đối với

những người cùng khổ bị áp bức, bóc lột, có lòng tin mãnh liệt ở nhân dân, luôn khiêm tốn, gần gũi, hòa mình với nhân dân, suốt đời hy sinh vì nhân dân và Người luôn có một ham muốn tốt bậc là: “Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tốt bậc là làm sao cho nước ta hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành” [50, tr. 517]. Chính ham muốn tốt bậc đó đã làm nên một nội dung rất riêng về vai trò của quần chúng nhân dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Theo Người, quần chúng nhân dân không chỉ là người quyết định các quá trình phát triển kinh tế - xã hội mà quần chúng nhân dân còn là “Ông chủ” nắm chính quyền, trở thành người chủ của xã hội mới.

Từ nhận thức, với tâm hồn của một nhà yêu nước chân chính và sự nhiệt tình của người cộng sản, tư duy độc lập, ham học hỏi, nghiên cứu lý luận và thực tiễn. Hồ Chí Minh đã tích lũy được những kinh nghiệm, tri thức phong phú của thời đại, nghiên cứu, phân tích và tổng hợp, khái quát những luận điểm đúng đắn và sáng tạo, hình thành nên tư tưởng của mình nói chung và quan điểm về vai trò của quần chúng nhân dân trong cách mạng Việt Nam nói riêng.

b. Nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về nhân dân và vai trò của quần chúng nhân dân

Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhân dân và vai trò của quần chúng nhân dân là kết quả của sự kết hợp giữa tư tưởng lấy “*Nước lấy dân làm gốc*” ra đời trong truyền thống dựng nước, giữ nước của dân tộc (Người đã nâng tư tưởng lên một tầm cao mới vừa mang tính khoa học, vừa mang tính nhân văn sâu sắc) và tiếp thu, phát triển những quan niệm tiến bộ về nhân dân trong lịch sử tư tưởng chính trị phương Đông, phương Tây, đặc biệt là học thuyết Mác - Lênin về vai trò của quần chúng nhân dân trong đấu tranh cách mạng. Khi nói về nhân dân, Người thường dùng những thuật ngữ khác nhau như:

“nhân dân”, “quần chúng nhân dân”, “dân”, “dân chúng”, “đồng bào”... Tuy theo từng hoàn cảnh cụ thể mà Người sử dụng những từ ngữ phù hợp và gần gũi nhất. Theo Hồ Chí Minh, dân chính là nhân dân, quần chúng, đồng bào. Quần chúng là chỉ mọi người trong xã hội và cũng là toàn thể nhân dân, nhân dân là quần chúng. Nhân dân còn chỉ người dân nói chung. Còn đồng bào là tất cả mọi người chúng ta đều chung một tổ tiên, dòng họ, đều là ruột thịt anh em. Nhân dân trước hết là nhân dân lao động tập trung ở hai giai cấp chủ yếu đông nhất trong xã hội, đó là công nhân và nông dân; là toàn thể các chiến sĩ trong quân đội, toàn thể công nhân trong xưởng, toàn thể nhân viên trong cơ quan,... Tựu trung lại là bao gồm toàn bộ dân tộc Việt Nam, gồm các giai cấp, các tầng lớp, ở mọi lứa tuổi, các dân tộc và tôn giáo khác nhau dù ở trong nước hay ngoài nước, Người viết: “Quần chúng tức là toàn thể chiến sỹ trong quân đội, toàn thể công nhân trong công xưởng, toàn thể nhân viên trong cơ quan,... rồi đến đoàn thể nhân dân” [46, tr. 495].

Như vậy, quần chúng nhân dân được hiểu là tất cả những người lao động bình thường trong xã hội, không phân biệt già - trẻ, gái - trai, giàu - nghèo, dân tộc, tôn giáo... Đó là những người có chung một vận mệnh, một cuộc sống, một tương lai, một tiền đồ, một truyền thống lịch sử, một nền văn hoá, có lòng yêu nước thương nòi.

Là một người sinh ra, lớn lên, cùng tham gia lao động sản xuất và hoạt động cách mạng với nhân dân trong nước và quốc tế. Đồng thời nghiên cứu và kế thừa một cách sáng tạo các quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã nhìn nhận, khẳng định vị trí, vai trò, sức mạnh to lớn của nhân dân trong cách mạng giải phóng dân tộc cũng như trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trước hết, quần chúng nhân là người sản xuất ra của cải vật chất, đó là yếu tố đảm bảo sự tồn tại, phát triển của xã hội, đồng thời là chủ thể sáng tạo

và hưởng thụ các giá trị tinh thần trong xã hội.

Theo Người, trong bầu trời không gì quý bằng dân, và không có lực lượng nào mạnh bằng sức mạnh đoàn kết của nhân dân, Người đã nói: “Trong bầu trời, không có gì quý bằng nhân dân, không có gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân” [48, tr. 276]. Không có khó khăn nào mà lực lượng nhân dân không thể thực hiện được. Nhân dân là những người trực tiếp lao động, sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội, điều kiện đầu tiên đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của xã hội, Người viết: “Xã hội có cơm ăn, áo mặc, nhà ở là nhờ người lao động. Xây nên giàu có, tự do, dân chủ cũng là nhờ người lao động. Trí thức mở mang cũng nhờ lao động (lao động trí óc). Vậy lao động là sức chính của tiến bộ loài người; cũng là sức mạnh của giải phóng dân tộc” [42, tr. 420]. Và “Cơm chúng ta ăn, áo chúng ta mặc, vật liệu chúng ta dùng, đều do mồ hôi, nước mắt của nhân dân mà ra. Vì vậy, chúng ta phải đền bù xứng đáng cho nhân dân. Muốn làm như vậy, chúng ta phải cố gắng thực hành cần, kiệm, liêm, chính [47, tr. 392].

Quần chúng nhân dân là chủ thể của sự nghiệp đấu tranh cách mạng Việt Nam và chủ thể của quyền lực nhà nước. Hồ Chí Minh luôn quán triệt sâu sắc quan niệm: nhân dân là chủ thể quyết định sự thắng lợi của công cuộc giải phóng dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, nhân dân là chủ thể của lịch sử, là người làm nên lịch sử. Trong quá trình hoạt động chuẩn bị mọi mặt cho sự ra đời chính đảng của giai cấp công nhân Việt Nam, điều đầu tiên mà Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm, chú ý hàng đầu là cần phải làm sao cho dân chúng, trước hết là công nông thấy được sức mạnh và khả năng to lớn của chính mình, thấy được công nhân và nông dân là lực lượng nòng cốt, là đội quân chủ lực của cách mạng “Công nông là gốc cách mệnh, còn học trò, nhà buôn nhỏ, địa chủ nhỏ,...là bầu bạn cách mạng của công nông” [38, tr. 238], hay “Cách mệnh là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc một hai

người” [43, tr. 262]. Tư tưởng này được Người tiếp thu, thấm nhuần từ chủ nghĩa Mác - Lênin và thực tiễn hoạt động trong quá trình tìm đường cứu nước.

Người nói nếu cách mạng không phải là sự nghiệp của quần chúng thì không thể đi đến thắng lợi được. Cho nên từ những năm 1925-1927, trong việc huấn luyện, đào tạo cán bộ cho cách mạng Việt Nam ở Quảng Châu (Trung Quốc), Chủ tịch Hồ Chí Minh (lúc bấy giờ là Nguyễn Ái Quốc), thường nhắc nhở những học trò của mình rằng, muốn tiến hành cách mạng thì phải làm cho dân giác ngộ, phải giảng giải lý luận và chủ nghĩa cho nhân dân hiểu, phải bày sách lược cho dân. Ngay từ năm 1927, Người viết: “Cách mệnh thì phải đoàn kết dân chúng bị áp bức để đánh đổ cả cái giai cấp áp bức mình, chứ không phải chỉ nhờ 5, 7 người giết 2, 3 anh vua, 9, 10 anh quan mà được”. [43, tr. 276]. Trong cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do và thống nhất Tổ quốc, cách mạng Việt Nam đã phải chống nhiều kẻ thù xâm lược cùng một lúc và thường là chúng mạnh bạo hơn ta gấp nhiều lần về kinh tế, quân sự. Nhưng Hồ Chí Minh luôn tin tưởng rằng, nhờ có khối đoàn kết toàn dân, chung sức, chung lòng, cùng nhau kháng chiến thì thắng lợi cuối cùng nhất định sẽ thuộc về nhân dân ta. Người nói: “Vì có đoàn kết mới có lực lượng, có lực lượng mới giành được ĐỘC LẬP, TỰ DO.” [52, tr. 553].

Khi nói về nguyên nhân thắng lợi của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam do Đảng lãnh đạo, Người khẳng định: “Tất cả những thắng lợi đó không phải là công lao riêng của Đảng ta. Đó là công lao chung của toàn thể đồng bào ta trong cả nước. Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, chứ không phải là sự nghiệp của cá nhân anh hùng nào. Thành công của Đảng ta là ở nơi Đảng ta đã tổ chức và phát huy lực lượng cách mạng vô tận của nhân dân, đã lãnh đạo nhân dân phấn đấu dưới lá cờ tất thắng của chủ nghĩa Mác - Lênin” [49, tr. 197], và làm việc gì cũng phải có quần chúng, không có quần

chúng thì không thể làm được.

Do vậy, sau khi lãnh đạo thành công cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân thực hiện công cuộc kiến thiết đất nước. Trong công cuộc đó, Người đã chỉ rõ, chúng ta cần nhất bây giờ là, kiến thiết ngoại giao, kiến thiết kinh tế, kiến thiết quân sự, kiến thiết giáo dục. Và sự nghiệp đó muốn giành được thắng lợi thì người quyết định chính là sức mạnh tổng lực của quần chúng nhân dân trong cả nước. Người kêu gọi: “Vậy chúng tôi mong rằng đồng bào ta ai có tài năng và sáng kiến về những công việc đó, lại sẵn lòng hăng hái giúp ích nước nhà thì xin gửi kế hoạch rõ ràng cho Chính phủ. Chúng tôi nghiên cứu kế hoạch ấy một cách kỹ lưỡng, có thể thực hành được thì sẽ thực hành” [44, tr. 99].

Trong “Lời kêu gọi thi đua ái quốc”, Hồ Chí Minh cho rằng mỗi người làm một việc, trong đó công nông thi đua sản xuất, công thương thi đua mở doanh nghiệp...Kết quả thi đua sẽ đủ ăn, đủ mặc, đầy đủ lương thực, khí giới.

Người tin tưởng mãnh liệt vào trí tuệ và sức mạnh vô tận của nhân dân, lực lượng nhân dân là nhân tố quyết định nhất để thực hiện mọi công việc của cách mạng, lực lượng toàn dân là lực lượng vĩ đại hơn hết, không ai chiến thắng được lực lượng đó, Người nói: “Làm việc gì có quần chúng tham gia bàn bạc, khó mấy cũng trở nên dễ dàng và làm được tốt...Dễ mười lần không dân cũng chịu. Khó trăm lần dân liệu cũng xong” [41, tr. 215]. Và Người nhấn mạnh: “Kinh nghiệm trong nước và các nước cho chúng ta biết: có lực lượng dân chúng việc to tát mấy, khó khăn mấy cũng làm được. Không có, thì việc gì làm cũng không xong” [45, tr. 295].

Theo Người để nhân dân trở thành người chủ thực sự của đất nước thì cần huy động nhân dân tham gia vào công việc quản lý nhà nước, hăng hái đóng góp ý kiến, bàn bạc và thực sự quyết định các công việc của đất nước, của xã hội, Người nói: “Nhà nước ta phải phát triển quyền dân chủ và sinh

hoạt chính trị toàn dân để phát huy tính tích cực và sáng tạo của nhân dân, làm cho mọi người công dân Việt Nam thực sự tham gia quản lý công việc nhà nước” [44, tr. 3-4].

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định rằng, để phát huy được vai trò, sức mạnh của quần chúng nhân dân thì cần làm tốt công tác dân vận. Việc thực hiện các cuộc đấu tranh cách mạng không nằm ngoài mục đích là xây dựng nhà nước của dân, do nhân dân và vì nhân dân. Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Với bản chất đó của Nhà nước và chế độ mới, phải làm sao tổ chức và phát huy sức mạnh của toàn dân thông qua công tác vận động quần chúng. “Dân vận là vận động tất cả lực lượng của mỗi một người dân, không để sót một người dân nào, góp thành lực lượng toàn dân, để thực hành những công việc nên làm, những công việc Chính phủ và Đoàn thể giao cho” [45, tr. 698].

Người đã khẳng định Đảng Cộng sản là người lãnh đạo, còn sự nghiệp cách mạng có thắng lợi hay không, thắng lợi lớn hay nhỏ, là do quần chúng. Do vậy, để phát huy hết tiềm năng cũng như vai trò to lớn của quần chúng nhân dân, Người nhấn mạnh là Đảng cần nhận thức rõ và làm tốt công tác vận động quần chúng nhân dân. Muốn làm tốt công tác này thì phải đi sâu đi sát vào quần chúng và giải thích cho họ hiểu, và khi họ đã hiểu thì khó khăn mấy họ cũng không sợ. Người luôn căn dặn đội ngũ cán bộ, đảng viên rằng: “Chúng ta phải ghi tạc vào đầu cái chân lý này: dân rất tốt. Lúc họ đã hiểu thì việc gì khó khăn mấy họ cũng làm được, hy sinh mấy họ cũng không sợ. Nhưng trước hết phải chịu khó tìm đủ cách giải thích cho họ hiểu rằng: những việc đó là vì lợi ích của họ mà họ phải làm” [40, tr. 246].

Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu những người phụ trách dân vận cần phải óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm, chứ không chỉ nói suông, chỉ ngồi viết mệnh lệnh. Phải tôn trọng nhân dân, yêu kính nhân dân,

làm những cái gì có lợi cho dân, những việc làm hại đến nhân dân phải hết sức tránh, dù đó là điều nhỏ nhất, “tận tụy phục vụ nhân dân” trên tinh thần “việc gì có lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh. Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta” [39, tr. 56-57].

Đề cao vai trò của quần chúng nhân dân, Hồ Chí Minh kịch liệt phê phán cách lãnh đạo quan liêu xa rời quần chúng, Người viết: “Cán bộ lãnh đạo cần phải chống bệnh quan liêu, chống cách lãnh đạo chung chung. Cần phải đi sâu đi sát điều tra nghiên cứu. Cần phải khuyến khích thu góp, bổ sung và phổ biến rộng rãi những sáng kiến hay, những kinh nghiệm tốt của quần chúng [49, tr. 307].

Người cũng đã chỉ ra, một số đơn vị, cơ sở chưa coi trọng công tác dân vận; một bộ phận cán bộ, đảng viên còn mắc khuyết điểm, không sâu sát quần chúng nhân dân. Đó chính là bệnh quan liêu mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng chỉ rõ: “Nguyên nhân bệnh ấy là xa nhân dân; khinh nhân dân; sợ nhân dân; không yêu thương nhân dân...” [53, tr. 292-293]. Quan liêu, xa rời quần chúng là một trong những nguy cơ mà đảng cầm quyền cần hết sức phải tránh. Người nói: “Mỗi việc của Đảng phải giữ nguyên tắc và phải liên hợp chặt chẽ với quần chúng” [44, tr. 249], xa rời quần chúng, Đảng sẽ mất sáng suốt, rơi vào chủ quan duy ý chí, trở thành độc đoán, chuyên quyền.

Do vậy, trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng cần phải ghi nhớ, lãnh đạo nhưng không phải là áp đặt, trong mọi hoàn cảnh, Đảng phải tự tỏ ra xứng đáng với vai trò của mình và chỉ “khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng, thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo” [38, tr. 139].

Tư tưởng của Hồ Chí Minh về vai trò của quần chúng nhân dân thể hiện tính duy vật và biện chứng rất cao. Bên cạnh việc phát huy vai trò của

quần chúng nhân dân còn cần phải làm cho họ nhận thức rõ ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ của mình đối với sự nghiệp cách mạng của đất nước. Người nhắc nhở Đảng cũng phải nhận thấy được rằng, nếu có quần chúng mà không có Đảng lãnh đạo, thì mọi phong trào của quần chúng chỉ là phong trào tự phát, nhưng Đảng muốn hoàn thành vai trò lãnh đạo, tiên phong của mình thì tất yếu phải làm tốt công tác dân vận, và mọi thành công của Đảng ta trong tiến trình cách mạng chính “là ở nơi Đảng ta đã tổ chức và phát huy lực lượng cách mạng vô tận của nhân dân” [49, tr. 297].

Từ thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo quá trình đấu tranh cách mạng của Đảng, Người đã tổng kết sâu sắc: “Bất kỳ công việc gì, cũng phải dùng hai cách lãnh đạo sau đây: một là liên hợp chính sách chung với sự chỉ đạo riêng. Hai là liên hợp người lãnh đạo với quần chúng” [40, tr. 288]. Vì vậy, một trong những nội dung trọng yếu, một trong những nguyên tắc cơ bản để xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh là phải tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân.

Tư tưởng này của Hồ Chí Minh, luôn được Người quán triệt trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, cả trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ lẫn trong quá trình lãnh đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Chính vì vậy, mà cách mạng Việt Nam luôn nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa, của nhân dân yêu chuộng hoà bình trên thế giới, góp phần tăng thế và lực của cách mạng Việt Nam tạo nên sức mạnh tổng hợp đưa cách mạng Việt Nam vượt qua mọi khó khăn.

Tóm lại, Hồ Chí Minh là người luôn quan tâm đến nhân dân, nhận thấy được vai trò to lớn của quần chúng nhân dân trong đấu tranh giải phóng dân tộc cũng như trong xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đó là kết quả của sự vận dụng một cách sáng tạo quan điểm của các nhà tư tưởng trên thế giới, chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể Việt Nam, tiếp thu tư tưởng của thế hệ cha

ông đi trước và sự đúc rút, tổng kết kinh nghiệm về công tác quần chúng từ thực tiễn hoạt động cách mạng của Người. Do đó, tư tưởng của Hồ Chí Minh vừa mang tính dân tộc sâu sắc, vừa mang tính thời đại và những nét đặc trưng riêng. Người đã khẳng định, quần chúng nhân dân là lực lượng sản xuất ra của cải vật chất, tinh thần cho xã hội, là gốc của cách mạng, quyết định thành công của sự nghiệp cách mạng, là chủ thể của quyền lực nhà nước. Do đó, muốn phát huy được sức mạnh to lớn đó thì Đảng cần làm tốt công tác dân vận và không ngừng củng cố và tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân và Đảng nhất định phải luôn “xứng đáng là người lãnh đạo, là đầy tớ thật trung thành của nhân dân”. Quan điểm của Người không chỉ có giá trị về lý luận mà nó còn mang những giá trị thực tiễn sâu sắc. Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hôm nay, Đảng cần nắm vững và vận dụng triệt để quan điểm này của Người. Đây là nhân tố để khơi dậy tiềm năng, nguồn lực to lớn của nhân dân vào quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc.

1.2.2. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về vai trò quần chúng nhân dân trong tiến trình của cách mạng nước ta

Trên cơ sở nghiên cứu, vận dụng quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của quần chúng nhân dân và nhận thức được vai trò to lớn và sức mạnh của quần chúng nhân dân, Đảng Cộng sản Việt Nam trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng luôn nêu cao tư tưởng “Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”.

Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân và dân tộc, nhưng cũng chỉ là một bộ phận nhỏ trong quần chúng nhân dân. Cho nên, Đảng chỉ có thể làm tròn sứ mệnh lịch sử “vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành” của mình khi kiên trì nguyên tắc gắn bó mật thiết với nhân dân, tổ chức và lãnh đạo nhân dân. Sẽ là xa nhân dân, thậm chí

mất nhân dân, nếu mỗi cán bộ, đảng viên, mỗi tổ chức cơ sở đảng không nhận thức một cách sâu sắc về vai trò và tầm quan trọng mối quan hệ này.

Chủ nghĩa xã hội là một sự sáng tạo sinh động của quần chúng nhân dân. Đảng chỉ là người lãnh đạo chứ không thể thay thế nhân dân trong sự nghiệp đó. Đảng là một bộ phận và là bộ phận tiên tiến nhất của giai cấp và nhân dân. Đảng nằm trong lòng nhân dân, chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân, chứ không phải đứng trên nhân dân. Đảng là hạt nhân lãnh đạo chính trị, còn toàn bộ quyền lực phải nằm trong tay nhân dân. Nhân dân có thực sự nắm quyền hay không, đó là một tiêu chuẩn cơ bản nói lên trình độ và kết quả lãnh đạo của Đảng. Chính quyền nhân dân mạnh, quyền lực nhà nước của nhân dân mạnh thì mới chứng tỏ Đảng mạnh, đó là một bảo đảm cho sức mạnh và vai trò lãnh đạo của Đảng đối với các giai đoạn phát triển của cách mạng.

Vai trò lãnh đạo của Đảng được khẳng định không phải bằng những lời tuyên bố mà bằng việc làm, bằng khả năng thực tế của Đảng, đáp ứng nhu cầu lịch sử, thể hiện đúng nguyện vọng và lợi ích của nhân dân. Vai trò ấy được quyết định trước hết bởi khả năng đưa ra đường lối chính trị đúng đắn, cho phép tập hợp đông đảo quần chúng nhân dân xung quanh Đảng vì mục tiêu cách mạng và đổi mới xã hội.

Sự thành công của cách mạng Việt Nam đến hôm nay đã chứng minh sự đúng đắn trong nhận thức của Đảng về vai trò của quần chúng nhân dân, nó trở thành đường lối chiến lược, tạo thành nguồn sức mạnh của cả dân tộc làm nên những chiến thắng lịch sử như cách mạng Tháng Tám năm 1945, chiến thắng thực dân pháp (1945-1954), chống đế quốc Mỹ (1954-1975). Nhận định về nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, đồng chí Trường Chinh khẳng định: “Cuộc khởi nghĩa Tháng Tám 1945 đã đạt được mục đích giành chính quyền, mục đích trực tiếp của mọi cuộc cách mạng, vì nó là sự nghiệp của toàn dân đoàn kết, kiên quyết chiến đấu để tự giải phóng, do Đảng

Cộng sản Đông Dương lãnh đạo” [7, tr. 374]. Đại thắng mùa xuân năm 1975 đã đưa cách mạng giải phóng dân tộc đi đến thắng lợi, non sông đã thu về một mối. Cách mạng Việt Nam bước sang một giai đoạn lịch sử mới, đó là tiếp tục đi theo con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã chọn lựa, là con đường xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, đã có lúc Đảng ta mắc phải những khuyết điểm, sai lầm dẫn đến sự khủng hoảng kinh tế, xã hội đất nước trầm trọng, làm suy giảm niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước. Tuy nhiên, Đảng ta đã nhận thức được những sai lầm đó và kịp thời sửa chữa. Đại hội lần thứ VI của Đảng đánh dấu một bước ngoặt chuyển biến trong cả nhận thức và thực tiễn của Đảng. Tại Đại hội này Đảng đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, đưa cách mạng nước ta bước sang một thời kỳ mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, mở cửa giao lưu, hội nhập và hợp tác toàn diện, sâu sắc với thế giới. Cũng từ đây, Đảng ta cũng có những nhận thức mới về vai trò của quần chúng nhân dân trong giai đoạn mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đại hội lần thứ VI của Đảng đã đánh giá:

Nhân dân ta hết sức cách mạng, có những phẩm chất rất quý báu, trải qua trên nửa thế kỷ chiến đấu liên tục, chịu đựng biết bao hy sinh, gian khổ, luôn luôn nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Trong những hoàn cảnh Đảng có sai lầm, khuyết điểm, nhân dân vẫn thiết tha mong đợi Đảng khắc phục sai lầm, đưa đất nước tiến lên. Đảng ta không thể phụ lòng mong đợi của nhân dân [16, tr. 29].

Và bài học kinh nghiệm đầu tiên được nêu ra tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam đó là: Đảng phải quán triệt tư tưởng lấy dân làm gốc, xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân

dân lao động. Đại hội VI chỉ rõ:

Trong điều kiện Đảng cầm quyền, phải đặc biệt chăm lo, củng cố sự liên hệ giữa Đảng và dân, tiến hành thường xuyên cuộc đấu tranh ngăn ngừa và khắc phục chủ nghĩa quan liêu. Mỗi đảng viên Đảng Cộng sản phải thật sự vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Mọi chủ trương, chính sách của Đảng phải xuất phát từ lợi ích, nguyện vọng và khả năng của nhân dân lao động, phải khơi dậy được sự đồng tình, hưởng ứng của quần chúng. Quan liêu, mệnh lệnh, xa rời quần chúng, đi ngược lại lợi ích của nhân dân là làm suy yếu sức mạnh của Đảng [16, tr. 29].

Đảng tin dân, dân tin Đảng, đó là quy luật sinh tồn, là nguồn gốc sức mạnh của dân tộc Việt Nam. Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương khóa VI đã ra Nghị quyết 08B/NQ-HNTW “Về đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với dân”, khẳng định quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân đã trở thành nguồn sức mạnh và truyền thống vô cùng quý báu của cách mạng Việt Nam.

Đến Đại hội VII của Đảng tiếp tục khẳng định phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta đang xây dựng là nhà nước do nhân dân lao động làm chủ. Đồng thời xác định thực hiện chính sách bình đẳng đoàn kết giữa các dân tộc. Đây là chủ trương có tính chất xuyên suốt thời kỳ đổi mới ở nước ta hiện nay. Đảng khẳng định từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và đảm bảo vai trò làm chủ và quyền làm chủ của nhân dân, phát triển kinh tế nhiều thành phần nhằm tạo điều kiện cho nhân dân tham gia tích cực vào quá trình sản xuất của xã hội, nâng cao đời sống vật chất cho bản thân và cho toàn xã hội, đóng góp vào lĩnh vực văn hóa tinh thần để nước ta có một nền văn hóa

tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Bên cạnh đó, chủ trương thực hiện bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc là nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp từ khối đại đoàn kết toàn dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hội nghị giữa nhiệm kỳ khóa VII tiếp tục phát triển và cụ thể hóa tư tưởng Đại hội VII, xác định mục tiêu tổng quát của quá trình đổi mới nước ta là phấn đấu vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Hội nghị đưa ra quan điểm về công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong thời kỳ mới, coi công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là sự nghiệp của toàn dân và khẳng định xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam của dân, do dân, vì dân. Đây là chủ trương hết sức đúng đắn của Đảng nhằm phát huy tối đa vai trò của quần chúng nhân dân trong giai đoạn đổi mới của đất nước.

Đến Đại hội lần thứ VIII của Đảng tiếp tục khẳng định vai trò của nhân dân, xem những ý kiến nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân là một trong những nguồn gốc cơ bản hình thành đường lối đổi mới của Đảng và những thành tựu mà chúng ta có được là do sự hưởng ứng, phấn đấu, hy sinh vượt qua bao khó khăn thách thức của nhân dân, Đại hội chỉ rõ: “Chính những ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân là nguồn gốc hình thành đường lối đổi mới của Đảng. Cũng do nhân dân hưởng ứng đường lối đổi mới, dũng cảm phấn đấu, vượt qua biết bao khó khăn, thử thách mà công cuộc đổi mới đạt được những thành tựu hôm nay” [17, tr. 73].

Trong công cuộc đổi mới trong xây dựng đất nước, Đảng ta luôn thấm nhuần tư tưởng “lấy dân làm gốc” và khẳng định “Đổi mới phải dựa vào nhân dân, vì lợi ích của nhân dân, phù hợp với thực tiễn luôn luôn sáng tạo” [18, tr. 81].

Đại hội IX của Đảng đã tổng kết 15 năm đổi mới và rút ra bài học là đổi mới phải dựa vào nhân dân, vì lợi ích của nhân dân, phù hợp với thực tiễn và luôn luôn sáng tạo.

Đại hội đã làm rõ vai trò động lực to lớn của đoàn kết toàn dân, của vấn

đề dân chủ và việc quan tâm đến lợi ích của nhân dân trong đấu tranh chống nghèo nàn, lạc hậu, thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới đất nước, làm cho nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa giàu mạnh.

Đại hội IX nhấn mạnh: “Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội” [18, tr. 23].

Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX một lần nữa khẳng định vai trò động lực chủ yếu của đại đoàn kết toàn dân tộc và việc phát huy sức mạnh toàn dân là một chiến lược lâu dài đồng thời là vấn đề cấp bách đã, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Tiếp tục hoàn thiện đường lối được xác định trong các Đại hội trước, Đại hội X đưa vấn đề phát huy sức mạnh toàn dân tộc thành một trong bốn thành tố của chủ đề Đại hội với quan điểm: Đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức; phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào dân để xây dựng Đảng. Hoạt động của Đảng và Nhà nước phải chịu sự giám sát của nhân dân, coi sự tin tưởng, ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân là cội nguồn sức mạnh, là động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định đảm bảo thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là tài sản quý báu của Đảng.

Với tư tưởng chủ đạo “Lấy dân làm gốc”, điều này được xác định rõ trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), Đảng ta đã khẳng định:

Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Chính nhân dân là người làm nên những thắng lợi lịch sử. Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính

đáng của nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Quan liêu, tham nhũng, xa rời nhân dân sẽ dẫn đến những tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa và của Đảng [21, tr. 65].

Nhận thức sâu sắc ý nghĩa quan trọng của vấn đề đó, Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XI đã khẳng định: “Thật sự phát huy dân chủ, giữ vững nguyên tắc, kỷ luật, kỷ cương, đoàn kết thống nhất, gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng” [21, tr. 81].

Đại hội XI của Đảng cũng đã nhấn mạnh quan điểm chỉ đạo nhất quán: “Mở rộng dân chủ, phát huy tối đa nhân tố con người; coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển” [21, tr. 100]. “Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân” [21, tr. 65]. Do vậy, Đảng phải thật sự tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, coi đây là một chủ trương mang tầm chiến lược của Đảng. Ở mọi nơi, mọi lúc, Đảng không để quyền làm chủ của nhân dân trở thành khẩu hiệu suông, mà phải tạo điều kiện thực tế và có cơ chế để nhân dân tham gia xây dựng Đảng, Chính quyền, Đoàn thể và góp ý cho cán bộ, đảng viên. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt cần thực hiện đều đặn việc đối thoại trực tiếp, tự kiểm điểm trước dân và lắng nghe ý kiến đóng góp phê bình chân thành của nhân dân. Mặt khác, Đảng phải luôn chăm lo đầy đủ đến lợi ích, đời sống tinh thần và vật chất của nhân dân; thực hiện an sinh xã hội, công bằng xã hội và đi liền cùng đó phải kịp thời trừng trị nghiêm khắc những kẻ tham nhũng, làm giàu bất chính, xâm phạm lợi ích của nhân dân. Để phát huy vai trò của quần chúng nhân dân trong thời kỳ cách mạng mới, Đảng ta cũng đã xác định công tác dân vận có ý nghĩa rất lớn trong việc phát huy sức mạnh tổng hợp của

nhân dân vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chủ nghĩa Mác - Lênin đã khẳng định rằng, xét trên mọi phương diện quần chúng nhân dân luôn là chủ thể chân chính sáng tạo ra lịch sử. Quan niệm trên đã nhận thức đúng đắn vai trò của quần chúng nhân dân, khắc phục những sai lầm của các trường phái triết học trước đó, thể hiện sự vượt trội hơn hẳn cả từ góc độ lý luận lẫn thực tiễn, đưa quần chúng nhân dân trở về vị trí vốn có của nó. Và V.I.Lênin đã đánh giá cao quan điểm duy vật lịch sử của C.Mác về vai trò của quần chúng nhân dân, ông viết: “Những lý luận trước kia đã không nói đến chính ngay hành động của quần chúng nhân dân, còn chủ nghĩa duy vật lịch sử, lần đầu tiên, đã giúp ta nghiên cứu một cách chính xác, như khoa học tự nhiên, những điều kiện xã hội của đời sống quần chúng và những biến đổi của những điều kiện ấy” [32, tr. 15].

Hơn bao giờ hết, mỗi cán bộ, đảng viên, càng phải thấm nhuần hơn nữa nội dung quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về vai trò của quần chúng nhân dân, phải nhận thức đúng đắn vị trí, vai trò to lớn và sức mạnh “dời non, lấp biển của nhân dân”. Bất cứ việc gì cũng phải xử lý cho đúng tinh thần “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

Có thể nói, việc quán triệt và vận dụng quan niệm của triết học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về vai trò của quần chúng nhân dân có ý nghĩa hết sức to lớn đối với sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc và đặc biệt là công cuộc đổi mới, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước hiện nay.

CHƯƠNG 2

PHÁT HUY VAI TRÒ QUẢN CHỨNG NHÂN DÂN TRONG

QUÁ TRÌNH QUY HOẠCH ĐÔ THỊ Ở ĐÀ NẴNG TRONG

GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

2.1. THỰC TRẠNG VIỆC PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA QUẢN CHỨNG NHÂN DÂN Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG TRONG CÔNG TÁC QUY HOẠCH ĐÔ THỊ

2.1.1. Vài nét về địa lý tự nhiên, kinh tế - xã hội thành phố Đà Nẵng

a. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên

Thành phố Đà Nẵng nằm ở 15°55' đến 16°14' vĩ Bắc, 107°18' đến 108°20' kinh Đông, Bắc giáp tỉnh Thừa Thiên Huế, Tây và Nam giáp tỉnh Quảng Nam, Đông giáp Biển Đông.

Thành phố Đà Nẵng có diện tích tự nhiên là 1.255,53 km²; trong đó, các quận nội thành chiếm diện tích 213,05 km², các huyện ngoại thành chiếm diện tích 1.042,48km² và huyện đảo Hoàng Sa là 305 km², được chia thành 6 quận gồm: Hải Châu, Thanh Khê, Liên Chiểu, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, Cẩm Lệ và 2 huyện là Hòa Vang, Hoàng Sa với 56 xã, phường. Là một bộ phận của dãy Trường Sơn, Đà Nẵng có địa hình núi cao và dốc tập trung ở phía Bắc đèo Hải Vân với độ cao trung bình trên 700m, ở phía Tây và Tây Nam với nhiều ngọn núi cao trên 1.000m; vùng đồng bằng ven biển hẹp, bị chia cắt bởi nhiều sông, suối ngắn và dốc, các con sông lớn là sông Hàn, sông Cu Đê và sông Phú Lộc.

Nằm ở vào trung độ của đất nước, trên trục giao thông Bắc - Nam về đường bộ, đường sắt, đường biển và đường hàng không, cách Thủ đô Hà Nội 764km về phía Bắc, cách thành phố Hồ Chí Minh 964 km về phía Nam. Ngoài ra, Đà Nẵng còn là trung điểm của 4 di sản văn hoá thế giới nổi tiếng là cố đô Huế, Phố cổ Hội An, Thánh địa Mỹ Sơn và Rừng quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng.

Trong phạm vi khu vực và quốc tế, thành phố Đà Nẵng là một trong những cửa ngõ quan trọng ra biển của Tây Nguyên và các nước Lào, Campuchia, Thái Lan, Myanma đến các nước vùng Đông Bắc Á thông qua hành lang kinh tế Đông Tây với điểm kết thúc là Cảng biển Tiên Sa. Nằm ngay trên một trong những tuyến đường biển và đường hàng không quốc tế, thành phố Đà Nẵng có một vị trí địa lý đặc biệt thuận lợi cho sự phát triển nhanh chóng và bền vững.

b. Kinh tế

Từ khi tách khỏi tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng trở thành thành phố trực thuộc Trung ương (năm 1997). Hiện nay, Đà Nẵng được đánh giá là một trong những địa phương có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao trong cả nước, với tốc độ tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 1997 - 2010 (theo giá cố định 1994) đạt 11,30%/năm so với mức bình quân 7,27%/năm của cả nước. Qua các năm, giá trị sản xuất công nghiệp, nông - lâm - thủy sản, tổng mức bán hàng hóa và dịch vụ xã hội đều có xu hướng tăng lên. Điều quan trọng là mức tăng trưởng này khá phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của thành phố theo hướng giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp, tăng dần tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ.

Trong giai đoạn 1997 - 2000, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động giữa các ngành diễn biến khá khác biệt, trong đó: tỷ trọng của ngành nông nghiệp có xu hướng giảm dần, từ 9,7% (năm 1997) xuống 7,86% (năm 2000) trong cơ cấu GDP; tương ứng, ngành dịch vụ giảm từ 54,99% (năm 1997) xuống 50,88% (năm 2000) trong cơ cấu GDP. Đáng chú ý là tỷ trọng của ngành công nghiệp trong cơ cấu GDP có xu hướng tăng lên rõ rệt, từ 35,31% (năm 1997) lên 41,26% (năm 2000). Giai đoạn này, ngành công nghiệp có tốc độ tăng trưởng bình quân cao nhất hơn 1,5 lần so với tốc độ tăng trưởng bình quân của nền kinh tế thành phố.

Trong giai đoạn 2001-2005, tỷ trọng đóng góp của ngành công nghiệp vào cơ cấu GDP và cơ cấu lao động vẫn tiếp tục tăng lên trong khi tỷ trọng của các ngành nông nghiệp và dịch vụ vẫn tiếp tục xu hướng giảm xuống. Ngành dịch vụ có tốc độ giảm nhanh hơn trong cơ cấu GDP từ 50,88% (năm 2001) giảm xuống 44,68% (năm 2005). Trong khi đó, công nghiệp đóng vai trò quyết định trong phát triển kinh tế của thành phố với tốc độ tăng trưởng bình quân rất cao và có điểm phần trăm đóng góp nhiều nhất (10,66%) và tăng trưởng chung của nền kinh tế (15,98%). Đây là giai đoạn Đà Nẵng đề ra mục tiêu đẩy mạnh công nghiệp hóa bằng cách tập trung phát triển cơ sở hạ tầng và các khu công nghiệp.

Giai đoạn 2006 - 2009, có thể được xem là giai đoạn đánh dấu sự tăng trưởng mạnh của ngành dịch vụ với tốc độ tăng bình quân năm cao hơn gấp hai lần so với hai giai đoạn trước và cao hơn nhiều so với tốc độ tăng trưởng bình quân năm của thành phố. Thêm vào đó, dịch vụ còn đóng vai trò quyết định trong tăng trưởng chung với 8,97% đóng góp vào tăng trưởng GDP bình quân năm (11,92%). Cơ cấu GDP trong giai đoạn này có sự thay đổi khác biệt đáng kể, ngành dịch vụ có tỷ trọng đóng góp cao nhất trong cơ cấu GDP từ 51,54% (năm 2006) tăng lên 54,23% (năm 2010).

Bảng 2.1. Cơ cấu GDP theo khu vực kinh tế (giá hiện hành)

Đơn vị tính: %

Khu vực	1997	2000	2005	2009	2010
Nông - Lâm - Thủy sản	9.70	7.86	5.13	3.91	3.75
Công nghiệp - Xây dựng	35.31	41.26	50.19	44.58	42.01
Dịch vụ	54.99	50.88	44.68	51.51	54.23

Nguồn: Niên giám thống kê qua các năm 2000,2005,2010

Kết quả của việc chuyển dịch hoạt động nông nghiệp sang các ngành dịch vụ, công nghiệp - xây dựng đã làm cho lao động trong các ngành đã có

sự thay đổi. Tỷ trọng lao động trong nông nghiệp giảm nhanh từ 33.00% năm 1997 xuống còn 8.82% năm 2010. Đồng thời, tỷ trọng lao động trong khu vực công nghiệp giữ ở mức 29.80-33.93%. Trong khi đó, tỷ trọng lao động trong khu vực dịch vụ tăng từ 37.20% năm 1997 lên đến 57.25% năm 2010.

Bảng 2.2. Cơ cấu lao động theo khu vực kinh tế

Đơn vị tính: %

Khu vực	1997	2000	2005	2009	2010
Nông - Lâm - Thủy sản	33.00	28.23	19.39	9.54	8.82
Công nghiệp - Xây dựng	29.80	31.83	38.15	33.07	33.93
Dịch vụ	37.20	39.94	42.46	57.38	57.25

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê năm 2000-2010

Sự phát triển của ngành dịch vụ, công nghiệp đã tạo ra chênh lệch thu nhập của lao động giữa ngành dịch vụ, công nghiệp và nông nghiệp là khá lớn, tạo ra khoảng cách chênh lệch thu nhập của lao động giữa hai ngành càng lớn.

Thu nhập bình quân đầu người của Đà Nẵng những năm qua được nâng lên rõ rệt, năm sau cao hơn năm trước. Nếu GDP bình quân đầu người tính theo giá hiện hành năm 1997 là 4,8 triệu/người, đến năm 2000 là 6,9 triệu/người, năm 2005 là 14,8 triệu/người thì năm 2010 đã đạt mức 35,8 triệu/người/năm (tăng gấp 7,4 lần so với năm 1997).

Nguyên nhân của sự tăng trưởng đó là do thành phố đã ban hành nhiều chính sách đồng bộ thu hút đầu tư, xây dựng chiến lược phát triển kinh tế tập trung vào các ngành công nghiệp và du lịch, dịch vụ. Đồng thời, Đà Nẵng đã tạo ra những cơ chế khác biệt để thu hút tiềm lực trong dân như: nguồn vốn, trí tuệ, sức lao động từ trong dân. Nhờ đó mà nền kinh tế thành phố đã tạo ra được một sự chuyển biến lớn như vậy.

c. Định hướng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố Đà Nẵng đến năm 2020

Đà Nẵng, thành phố có vị trí quan trọng trong mục tiêu chiến lược phát triển vùng kinh tế trọng điểm miền Trung - Tây Nguyên và cả nước. Thành phố Đà Nẵng nằm ở vị trí trung độ của đất nước, có vị trí trọng yếu cả về kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh; là đầu mối giao thông quan trọng về đường bộ, đường sắt, đường biển và đường hàng không, cửa ngõ chính ra Biển Đông của các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên và các nước tiểu vùng Mê-Kông. Xây dựng và phát triển Đà Nẵng có ý nghĩa rất quan trọng về nhiều mặt đối với miền Trung - Tây Nguyên và cả nước. Do vậy, chính quyền thành phố đã xác định quan điểm về xây dựng và phát triển trong giai đoạn tới là: Xây dựng thành phố trên thế chủ động, tạo bàn đạp để tiến ra biển và hội nhập kinh tế quốc tế. Tích cực khai thác thời cơ để tạo đà phát triển nhanh, có hiệu quả, tích cực chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng Dịch vụ - Công nghiệp - Nông nghiệp và nâng cao chất lượng tăng trưởng theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hoá; phát triển thành phố trở thành trung tâm kinh tế văn hoá, khoa học - kỹ thuật của vùng, là một trong những trung tâm dịch vụ, thương mại, du lịch, tài chính, ngân hàng... của cả nước. Cùng với các thành phố lân cận, hình thành hành lang kinh tế Bắc - Nam. Coi trọng xây dựng kết cấu hạ tầng, gắn phát triển kinh tế với công tác quy hoạch, chỉnh trang, nâng cấp đô thị và phát triển không gian đô thị theo hướng hiện đại, là “thành phố thông minh”. Phối kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện an sinh xã hội; phát triển kinh tế với bảo vệ tài nguyên và môi trường sinh thái, phát triển bền vững; giữ vững ổn định chính trị, trật tự xã hội bảo đảm quốc phòng an ninh. Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 16 tháng 10 năm 2003 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước chỉ rõ: Xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành một

trong những đô thị lớn của cả nước, là trung tâm kinh tế - xã hội của miền Trung với vai trò là trung tâm công nghiệp, thương mại, du lịch và dịch vụ; là thành phố cảng biển, đầu mối giao thông quan trọng về trung chuyển vận tải trong nước và quốc tế; trung tâm bưu chính - viễn thông và tài chính - ngân hàng; một trong những trung tâm văn hóa - thể thao, giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ của miền Trung; là địa bàn giữ vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh của khu vực miền Trung và cả nước. Đà Nẵng phải phấn đấu để trở thành một trong những địa phương đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và cơ bản trở thành thành phố công nghiệp trước năm 2020.

2.1.2. Phát huy vai trò quần chúng nhân dân ở thành phố Đà Nẵng trong quá trình quy hoạch đô thị từ năm 2000 đến nay

a. Những kết quả đạt được

Từ khi trở thành thành phố trực thuộc Trung ương (01/01/1997), Đà Nẵng, với tổng số dân hiện tại chưa đến 1 triệu, tuy nhiên, trong những năm qua với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, công tác tuyên truyền vận động người dân với nhiều hình thức, biện pháp phong phú đa dạng, đã tạo được sự đồng thuận cao trong người dân, giúp thành phố có bước phát triển nổi bật trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa và xã hội, một trong những thành công nổi bật là việc huy động sức dân thông qua mở rộng sự tham gia của người dân trong giải quyết bài toán quản lý và quy hoạch đô thị, trong giải tỏa, đền bù và tái định cư.

Ngay từ đầu, lãnh đạo thành phố đã xác định, việc quy hoạch chỉnh trang đô thị là công việc khó khăn và phức tạp, bởi nó liên quan đến công tác giải phóng mặt bằng, đền bù, tái định cư, nghề nghiệp sau tái định cư... làm đảo lộn đến cuộc sống của nhiều hộ dân trên toàn thành phố nên đây không phải là công việc dễ dàng khi triển khai các dự án xây dựng.

Trong những năm qua, thành phố luôn ưu tiên đặt công tác giải tỏa đền bù, tái định cư là nhiệm vụ trọng tâm, đây là nội dung thường xuyên được quan tâm và triển khai mạnh mẽ. Sau 16 năm trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, thành phố Đà Nẵng đã thực hiện tốt công tác quy hoạch, chỉnh trang đô thị với trên 95.000 hộ dân trong vùng giải tỏa đồng ý chấp thuận giao đất, chuyển đến nơi ở mới, bàn giao mặt bằng để thực hiện các dự án, riêng từ 2010 - 2012, thành phố có khoảng 200 dự án giải tỏa trên địa bàn và 10.000 hộ phải di dời. Việc khai thác quỹ đất đã mang lại cho thành phố một nguồn vốn phục vụ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng rất lớn. Tính từ năm 2003 đến nay, nguồn thu từ đất của Đà Nẵng khoảng trên 20.000 tỷ đồng, phục vụ kịp thời cho đầu tư phát triển. Có thể nói, cơ chế tạo nguồn vốn của thành phố Đà Nẵng thực hiện trong những năm qua đã đem lại hiệu quả quan trọng, khai thác tốt nguồn nội lực và tạo cho ngân sách nguồn vốn khá lớn để đầu tư vào cơ sở hạ tầng kỹ thuật, phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội trong điều kiện ngân sách còn nhiều khó khăn. Nhờ nguồn vốn từ khai thác quỹ đất, nhiều công trình lớn, có ý nghĩa đối với sự phát triển của thành phố đã phát huy tác dụng: như đường Nguyễn Văn Linh, Hàm Nghi, Nguyễn Tri Phương, Lê Duẩn, quốc lộ 1A (đoạn Liên Chiểu, Hoà Cầm), Nguyễn Tất Thành, Phạm Văn Đồng, Sơn Trà - Điện Ngọc...Thành phố đã hoàn thành việc xóa những khu dân cư ổ chuột, khu nhà chồ nhếch nhác ven bờ sông Hàn, ven bờ biển Thuận Phước...Thành phố tiến hành mở rộng và xây mới hàng loạt các khu dân cư và khu đô thị mới, cũng như xây nhiều khu công nghiệp tập trung,... tạo những điều kiện thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư đến Đà Nẵng. Nhờ người dân đồng thuận mà thành phố Đà Nẵng từ chỗ chỉ có hơn 360 con đường được đặt tên, đến nay, đã tăng lên gấp 4 lần với 1.260 con đường có tên, không gian đô thị rộng hơn gấp 4 lần. Hàng trăm khu đô thị, hàng nghìn khu, cụm dân cư mới ra đời làm cho diện mạo của Đà Nẵng ngày càng trở

thành là một thành phố đáng sống.

Để làm được điều đó, trong công tác giải phóng mặt bằng thành phố luôn thực hiện nghiêm ngặt theo 6 bước, gồm: thu hồi đất, kiểm định đo đếm xác định số lượng, chất lượng, tài sản, cây cối hoa màu bị thiệt hại; thu thập hồ sơ giấy tờ liên quan đến đất đai, tài sản bị giải tỏa để xét và phê duyệt tính pháp lý về nhà đất; tính toán thẩm định, phê duyệt giá trị đền bù, chi trả tiền đền bù cho hộ bị giải tỏa; nhận mặt bằng và bàn giao cho đơn vị thi công. Việc thu tiền sử dụng đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng cũng được thực hiện khá năng động và linh hoạt. Những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, hộ giải tỏa có giá trị đền bù thấp thì cho nợ một phần hoặc toàn bộ tiền đất trong thời gian 3-5 năm và có thể gia hạn đến 10 năm, có chính sách giảm 10% giá trị sử dụng đất khi nộp đủ số tiền trong thời gian 30 ngày (đối với đất ở) và 60 ngày (đối với đất chuyên dụng) kể từ ngày được giao đất.

Nhìn từ những con số đó, Đà Nẵng được đánh giá là địa phương đi đầu trong việc thực hiện tốt công tác giải tỏa đền bù, tái định cư trong cả nước. Đánh giá về sự phát triển của Đà Nẵng, kiến trúc sư Trương Văn Quảng (công tác tại Viện Kiến trúc quy hoạch đô thị nông thôn) đã từng nhận xét: Đà Nẵng đã chứng minh sự đúng đắn, tính hoàn chỉnh thực tiễn của quy hoạch chung. Phải thừa nhận rằng, quy hoạch đã đem lại bộ mặt đô thị mới, cuộc sống mới cho gần 1 triệu người dân Đà Nẵng. Trong đó, hàng chục vạn hộ đã được tái định cư trong trật tự và có kiểm soát. Các địa phương trong cả nước có thể tìm hiểu, học tập kinh nghiệm của Đà Nẵng về quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy hoạch. Và ông Nguyễn Văn Liên ở quận Sơn Trà, một người dân gắn bó lâu năm với mảnh đất bên bờ sông Hàn tâm sự: Việc quy hoạch, chỉnh trang và phát triển đô thị của Đà Nẵng trong những năm qua ngày càng chứng tỏ chính sách hợp lòng dân, được phần lớn nhân dân đồng tình ủng hộ và cùng góp sức thực hiện. Bên cạnh đó, thành phố cũng thực

hiện việc đền bù, bố trí tái định cư thỏa đáng, linh hoạt. Nếu không có công cuộc giải tỏa, di dời, tái định cư với sự tham gia của hầu hết cư dân thành phố, làm sao hôm nay Đà Nẵng có được những khu phố mới khang trang bên bờ đông sông Hàn và những cây cầu hiện đại bắc qua sông như: cầu sông Hàn, cầu Thuận Phước, cầu Tiên Sơn, cầu Cẩm Lệ, cầu Rồng và cầu Nguyễn Văn Trỗi - Trần Thị Lý.

Để thực hiện các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng cơ bản với nguồn vốn không được dồi dào, thành phố đã thực hiện phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”. Người dân Đà Nẵng vì cái chung là sự phát triển của thành phố mà hi sinh rất nhiều quyền lợi cá nhân. Sự hi sinh không hề đòi hỏi một chút tư lợi nào. Theo lãnh đạo của Ban Dân vận Thành ủy Đà Nẵng trong thời gian qua, để làm tốt công tác đền bù cho người dân, Đà Nẵng đã tiến hành các biện pháp “khai thác quỹ đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng” với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, đồng thời tập trung mọi nguồn lực xây dựng cơ sở hạ tầng nhiều khu dân cư, chung cư để hỗ trợ cho người dân trong việc tái định cư. Điển hình cho phương châm này là việc xây dựng cầu sông Hàn, với tổng vốn đầu tư đến trên 130 tỉ đồng. Đã có hàng chục tỉ đồng của dân, của các cơ quan, đơn vị đóng trong và ngoài địa bàn Đà Nẵng được đóng góp. Có những người dân đã đóng góp hàng chục triệu đồng xây dựng cầu Sông Hàn. Cầu Sông Hàn trở thành một trong những biểu tượng của thành phố Đà Nẵng thời kỳ đổi mới.

Từ sự tự nguyện của người dân, các công trình đã tiết kiệm được khoảng 25 - 40% kinh phí đầu tư nên tính khả thi được nâng cao. Chẳng hạn như dự án mở rộng đường Núi Thành. Theo các phương án được trình ra Hội đồng Nhân dân thành phố, nếu chọn phương án đền bù toàn bộ thì ngân sách phải chi ra 38.823 triệu đồng/m², song nếu áp dụng công thức “Nhà nước và nhân dân cùng làm” thì tổng mức đầu tư chi còn 20.376 triệu đồng/m², giảm

đến hơn 46%. Trong hàng trăm công trình nâng cấp hạ tầng cơ sở và chỉnh trang đô thị đã và đang tiến hành ở Đà Nẵng, phần “tự nguyện” của người dân là bao nhiêu - điều đó hẳn khó tính toán được nhưng dứt khoát không phải là nhỏ.

Đối với những công trình cỡ vừa như mở đường mà không có khả năng khai thác quỹ đất, sự đóng góp của người dân càng lớn lao hơn. Chủ trương của thành phố là nếu việc mở rộng đường “đụng” vào nhà dân thì Nhà nước sẽ đền bù phần kiến trúc có trên đất, còn đất thì vận động người dân đóng góp cho Nhà nước một cách tự nguyện. Và việc mở rộng tuyến đường Tôn Đản tại quận Cẩm Lệ là một minh chứng cụ thể và rõ ràng nhất. Công trình cải tạo, nâng cấp đường Tôn Đản có chiều dài 2,833km, lòng đường rộng 7,5m, vỉa hè mỗi bên rộng 3m, có đầy đủ hệ thống thoát nước, cấp nước, cây xanh, vệ sinh môi trường, điện chiếu sáng...với tổng kinh phí đầu tư 66,5 tỷ đồng. Việc nâng cấp tuyến đường này có ảnh hưởng đến 700 hộ dân sống hai bên đường Tôn Đản, thuộc 2 phường Hòa An và Hòa Phát. Nhờ làm tốt công tác dân vận, bằng nhiều hình thức tuyên truyền, vận động để nhân dân hiểu rằng, việc triển khai thực hiện các dự án là chủ trương lớn, đáp ứng yêu cầu phát triển của thành phố, đồng thời, đảm bảo giải quyết hài hòa ba lợi ích, đó là sự phát triển của phường, quận, thành phố sự hưởng lợi của cả cộng đồng trong và ngoài dự án những hộ dân được đền bù thỏa đáng và sinh sống ở những khu dân cư mới hơn và khang trang hơn, mà tất cả các hộ dân đã đồng tình hiến đất để nâng cấp tuyến đường này. Theo đó, người dân hiến 50% diện tích đất thu hồi và cũng đồng tình không nhận đền bù cây cối, hoa màu, sân nền bê-tông. Thành phố đền bù 100% giá trị vật kiến trúc và 50% giá trị diện tích đất thu hồi với giá chi đền bù theo đơn giá 840.000 đồng/m² đất ở (50% của đơn giá Nhà nước quy định đối với đất mặt tiền đường Tôn Đản là 1.680.000 đồng/m² đất ở), trong khi giá đất thị trường mặt tiền đường Tôn Đản là trên 5 triệu đồng/m², có nơi lên đến 10 triệu đồng/m². Tiếp đến là hai tuyến đường

Phạm Như Xương và Nam Cao tại quận Liên Chiểu cũng đã minh chứng sức đồng thuận của nhân dân. Hàng trăm hộ dân trên tuyến đường Phạm Như Xương đã hiến đất để làm đường nhờ, đó mà con đường Phạm Như Xương mới được rộng rãi và khang trang như ngày hôm nay. Hiện nay, con đường Nam Cao đang trong quá trình thực hiện nâng cấp và mở rộng. Người dân hai bên tuyến đường này đã rất đồng tình với chủ trương này của thành phố và quận. Ông Lâm Quang Bình một người dân sống tại tổ 21, khu vực Chơn Tâm 1A (phường Hòa Khánh Nam), là người đầu tiên chấp hành chủ trương mở rộng, nâng cấp đường Nam Cao theo phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, gia đình ông đã tự nguyện hiến 25m² đất trong tổng số hơn 74 m² đất mà khi mở rộng tuyến đường và vỉa hè sẽ xâm lấn vào tổng diện tích hơn 600m² của nhà mình. Ông cho biết: Nhìn con đường Phạm Như Xương trước và sau khi tiến hành mở rộng, tôi và bà con ở đây mới thấy việc chấp hành chủ trương của thành phố và quận là điều nên làm sớm. Dân có đường rộng, người tham gia giao thông bớt “nắng bụi, mưa bùn”. Như thế có thiệt cá nhân chút ít cũng không có gì phải quá bức xúc. Bù lại, thành phố và quận Liên Chiểu cũng đã chia sẻ, lắng nghe và giải quyết tương đối thỏa đáng yêu cầu, kiến nghị của nhân dân.

Việc tổ chức thực hiện Đà Nẵng đã có cách làm rất khác biệt, thay vì để nhà đầu tư thỏa thuận với dân, toàn bộ các dự án trên địa bàn Đà Nẵng đều do thành phố tiến hành đền bù, giải phóng mặt bằng, bất kể dự án lớn hay nhỏ. Từ năm 2000 đến nay, Đà Nẵng quán triệt cách làm này và kiên quyết không giao cho nhà đầu tư trực tiếp thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng, không để nhà đầu tư tiếp xúc với người dân. Vì theo lý giải của lãnh đạo thành phố, mỗi nhà đầu tư lại có giá đền bù riêng, có cách làm riêng, nếu giao cho nhà đầu tư sẽ làm khó khăn thêm cho thành phố, có khi người dân thấy nhà đầu tư này giàu sẽ đòi tăng tiền đền bù lên và như vậy thì các dự án không thể triển khai được.

Khi các dự án được triển khai, thành phố thành lập Hội đồng giải phóng mặt bằng ở từng dự án do Chủ tịch quận, huyện có dự án làm Chủ tịch; Ban chỉ đạo giải phóng mặt bằng của thành phố sẽ cử người làm Phó chủ tịch Hội đồng, còn Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, ban ngành khác của quận, huyện tham gia Hội đồng. Hội đồng này có trách nhiệm công khai hóa toàn bộ các thông tin liên quan đến dự án, tiến hành họp dân, giới thiệu với người dân các chủ trương của thành phố, vì sao phải di dời, vì sao phải làm dự án này, làm dự án thì có lợi gì cho thành phố, có lợi gì cho dân và kịp thời giải đáp mọi thắc mắc của người dân. Trong từng dự án, ở từng địa phương, Đà Nẵng phân công từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đến các Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phải trực tiếp nắm địa bàn. Hội đồng giải phóng mặt bằng họp dân thì Chủ tịch hoặc các Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố cũng phải trực tiếp xuống họp với dân chứ không phải chỉ ra một quyết định là xong. Chính vì vậy, khi có dự án thì gần như, người dân đã biết chính xác, trường hợp cụ thể của gia đình mình sẽ được đền bù bao nhiêu, được hỗ trợ tái định cư ở đâu và các hình thức hỗ trợ khác như thế nào. Và nhờ công khai như vậy nên người dân hầu như không có khiếu nại gì về chính sách, nếu có băn khoăn thì cũng chỉ là đề nghị nhà nước xem xét hoàn cảnh cụ thể để hỗ trợ thêm.

Cùng với chính sách di dời, giải tỏa luôn đi kèm với chính sách tái định cư. Đà Nẵng luôn ban hành các “cặp quyết định” một bên là quyết định đền bù, giải phóng mặt bằng, một bên tương ứng là quyết định về chính sách tái định cư, cụ thể là, nếu người dân nhận bồi thường theo giá thấp thì thành phố cũng sẽ bán đất tái định cư cho họ theo giá thấp. Trường hợp dự án kéo dài, phải điều chỉnh lại giá bồi thường cho người dân thì cũng điều chỉnh luôn giá đất tái định cư. Và thành phố tạo một cơ chế mở để người dân được tùy ý chọn phương án đền bù - tái định cư. Nếu nhận đền bù theo phương án cũ thì

giá tái định cư cũng theo giá cũ, còn nếu chọn đền bù theo giá mới thì cũng phải chấp nhận mua đất tái định cư theo giá mới. Điều quan trọng là các phương án đền bù - tái định cư này đều phải theo nguyên tắc có lợi hơn cho người dân. Nơi tái định cư bao giờ cũng được bố trí ở khu dân cư phát triển. Người dân tính toán, so sánh thì thấy vẫn được hưởng lợi từ chính sách của nhà nước và đi trước hay đi sau thì chính sách đền bù giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư đều rất công bằng, hợp lý nên đồng thuận ngay. Việc thành phố đưa ra chủ trương này đã có tác động mạnh mẽ đến việc thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm ổn định đời sống của đông đảo các tầng lớp nhân dân, góp phần giữ vững an ninh và trật tự xã hội. Trong mọi chủ trương liên quan đến quy hoạch, chỉnh trang đô thị đều lồng ghép trong đó mục tiêu hướng về phục vụ con người. Đây là mục tiêu luôn được Đảng bộ, chính quyền thành phố quan tâm, coi trọng và mang tính xuyên suốt, từ đó những kết quả đạt được đã góp phần quan trọng tạo sự đồng thuận cao trong nhân dân.

Thực tế cho thấy, quá trình giải tỏa, chỉnh trang này diễn ra tương đối suôn sẻ, rất ít những vụ khiếu kiện căng thẳng, những “điểm nóng”. Với ý thức vì sự phát triển chung của thành phố, phần lớn người dân đã tự nguyện hiến đất cho Nhà nước mở đường. Thành phố cũng đã làm nhiều cách để họ nhận thức rằng họ chịu thiệt một chút nhưng đất đai, nhà cửa của họ sẽ tăng thêm giá trị sau khi mở đường. Ý thức vì cộng đồng, vì thành phố của người dân Đà Nẵng rất đáng trân trọng. Đã có nhiều người dân sẵn sàng hy sinh phần tài sản, đất đai, nhà cửa - nơi gắn bó với bao kỷ niệm thiêng liêng, lâu đời của mình để di dời vì sự phát triển chung của thành phố.

Gần 10 năm nay, trong số gần 156 nghìn quyết định hành chính được ban hành, các cấp chính quyền Đà Nẵng chỉ phải ban hành 412 quyết định giải quyết khiếu nại tố cáo cho người dân. Tức là chỉ khoảng 0,26% tổng số

quyết định hành chính về đất đai bị khiếu nại, tố cáo - một con số có thể nói là rất khiêm tốn nếu đặt trong bối cảnh một thành phố đang phát triển nhanh như Đà Nẵng. Và điều đáng ghi nhận hơn nữa là, việc giải quyết các khiếu nại, tố cáo của người dân đối với các quyết định hành chính về đất đai hầu hết đều được nhân dân đồng tình và nghiêm túc chấp hành. Đà Nẵng cũng không có điểm nóng về khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực đất đai, như báo cáo của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố đã đánh giá: “công tác hòa giải ở các khu dân cư thực hiện tốt, không những góp phần giải quyết các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân ở khu dân cư mà còn làm hạn chế tối đa việc khiếu kiện đông người, vượt cấp” [59, tr. 12].

Thành quả quy hoạch chỉnh trang đô thị của Đà Nẵng là kết quả của nhiều yếu tố, nó được khởi nguồn từ đường lối chiến lược, chủ trương, chính sách đúng đắn, hợp tình hợp lý của cấp ủy Đảng và chính quyền, nhưng quan trọng nhất là sự đồng thuận của nhân dân đối với các chủ trương xây dựng và phát triển thành phố.

Bài học lớn rút ra của Đà Nẵng là thành phố đã tập trung giải quyết những vấn đề trong công tác giải tỏa đền bù, tái định cư, bảo đảm công khai minh bạch, kiên quyết, nhưng đồng thời cũng kiên trì, có lộ trình bước đi cụ thể, không nóng vội; không để những đối tượng xấu lợi dụng tuyên truyền chống phá chủ trương, chính sách đúng đắn của thành phố. Việc đáp ứng nhu cầu nhà ở của nhân dân là ưu tiên hàng đầu khi tiến hành các dự án, hầu hết các hộ dân trong diện giải tỏa đều được bố trí đất tái định cư các khu quy hoạch mới, có đầy đủ hạ tầng kỹ thuật. Lãnh đạo thành phố thường xuyên tổ chức tiếp dân để giải đáp và xử lý, giải quyết đối với từng trường hợp cụ thể, đáp ứng yêu cầu chính đáng của người dân.

Lãnh đạo của thành phố cũng đã nhất quán xác định các chính sách, nhất là các chính sách về quản lý, quy hoạch và chỉnh trang đô thị, tái định cư

để xây dựng kết cấu hạ tầng, đã chú trọng vấn đề làm thế nào để huy động được sức dân, để các cộng đồng, các tổ chức chính trị - xã hội và các tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện, tạo được sự đồng thuận xã hội rộng rãi làm cơ sở để thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách đã ban hành

Trong công tác vận động nhân dân, Thành ủy Đà Nẵng đã rút ra những kinh nghiệm sâu sắc, vận dụng tốt phương thức: “Đảng nói dân tin, Mặt trận đoàn thể vận động dân theo, chính quyền làm dân ủng hộ”. Để làm tốt công tác dân vận của chính quyền trong giải phóng mặt bằng, thu hồi đất, Thành ủy Đà Nẵng đã ban hành và cụ thể hóa chính sách đúng và điều hành thực hiện tốt công tác đền bù, giải phóng mặt bằng; chú trọng công tác tái định cư, giải quyết việc làm cho người dân vùng bị thu hồi đất; tôn trọng dân, lắng nghe dân trình bày nguyện vọng, đòi hỏi chính đáng, phù hợp với các quy định của pháp luật. Từ đó, tập trung giải quyết tích cực, kịp thời những bức xúc, khó khăn từ cơ sở. Có thể nói công tác vận động quần chúng của chính quyền đã tạo sự đồng thuận của người dân, góp phần xây dựng thành phố Đà Nẵng ngày càng khang trang, hiện đại. Ông Võ Duy Khương, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng khẳng định: Trong quá trình triển khai các dự án, thành phố thực hiện khá tốt việc phối hợp giữa chính quyền và công tác vận động quần chúng nhân dân. Kết hợp tốt công tác dân vận khéo với công tác giải tỏa đền bù. Đồng thời thành phố cũng quan tâm việc bố trí tái định cư cũng như giải quyết những vấn đề hậu tái định cư như giải quyết việc làm, học nghề.

Như vậy, những kết quả trong công tác quy hoạch đô thị, giải tỏa đền bù, tái định cư và an sinh xã hội mà thời gian qua đã làm được là kết quả của việc thực hiện phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, thành phố đã làm tốt công tác dân vận của Đảng và dân vận chính quyền, khơi dậy và phát huy sức mạnh nội lực trong dân, tạo nên sức mạnh đồng thuận góp phần xây

dựng thành phố khang trang, hiện đại và văn minh, là trung tâm hội nghị của cả nước, điểm dừng lý tưởng cho du khách và là thành phố “đáng sống”. Như trong bài Diễn văn tại Lễ kỷ niệm 35 năm Ngày giải phóng thành phố Đà Nẵng (29/3/1975-29/3/2010) của Đồng chí Nguyễn Bá Thanh - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố đã khẳng định: Có thể nói rằng, cái được lớn nhất trong hơn mười năm qua là được lòng dân. Chính lòng dân ấy, chính sự đồng thuận ấy là nguồn lực mạnh mẽ ủng hộ, cổ vũ cho sự nghiệp xây dựng và phát triển thành phố.

b. Những tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc huy động sức dân để thực hiện công tác quy hoạch đô thị của thành phố vẫn còn tồn tại những khó khăn, vướng mắc cần giải quyết kịp thời và điều chỉnh hợp lý, cụ thể là:

Mặc dù trong những năm qua, mức tăng trưởng kinh tế của Đà Nẵng khá cao, cơ sở sản xuất kinh doanh công nghiệp, dịch vụ và thương mại không ngừng được mở rộng và phát triển, song mỗi năm cũng chỉ đủ khả năng giải quyết việc làm cho khoảng hơn 20.000 lao động. Trong khi đó, số lao động được bổ sung hàng năm do quá trình phát triển tự nhiên của dân số cùng với hàng chục nghìn lao động mất việc làm do phải di dời giải toả theo các dự án quy hoạch - chỉnh trang đô thị lại lớn hơn rất nhiều. Do vậy, thành phố không thể tạo ra và đáp ứng đầy đủ nhu cầu việc làm, chống thất nghiệp cho cộng đồng dân cư. Trong khi đó, việc di dời tái định cư, chỉnh trang đô thị lại làm ở hầu hết tất cả các quận, huyện của thành phố, việc quy hoạch di dời giải toả, tái định cư kéo dài, một bộ phận nhân dân không có việc làm và thu nhập, dẫn đến họ không ổn định được cuộc sống. Kéo theo nó là những nguy cơ tăng các tệ nạn xã hội ở những khu dân cư mới như: đánh bài, đánh đề, ma túy, mại dâm, trộm cướp...

Trong công tác giải toả, đền bù và tái định cư thời gian qua còn có rất

nhiều hạn chế, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố chỉ rõ: “Trên lĩnh vực đất đai luôn nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp do một số Ban quản lý dự án trong quá trình thực hiện đền bù, bố trí tái định cư còn thiếu sự công khai minh bạch; thái độ ứng xử với nhân dân còn thiếu tế nhị; việc hỗ trợ cho nhân dân trong diện bị thu hồi đất nông nghiệp còn thấp, chậm hoặc chưa hỗ trợ người dân có đất nhưng không thể sản xuất do ảnh hưởng của các dự án; thủ tục nhận tiền đền bù sau khi các hộ dân đã bàn giao mặt bằng còn phiền hà, nhân dân phải đi lại nhiều lần vẫn chưa nhận được tiền... đã gây bức xúc trong một bộ phận nhân dân ở diện quy hoạch phải di dời giải tỏa. Vẫn còn tình trạng thiếu khách quan, thiếu công bằng trong bố trí đất tái định cư, dẫn đến tình trạng một số người dân cho rằng những người chấp hành tốt chủ trương thì bị thiệt thòi, những người chây ì, thì được quan tâm hơn [59, tr. 2].

Một số chính sách đền bù, hỗ trợ ban hành chậm, chưa kịp thời so với từng thời điểm dẫn đến người dân chưa đồng tình và khiếu nại kéo dài. Về đơn giá đền bù nhà cửa, vật kiến trúc chưa được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thị trường hiện nay, ảnh hưởng rất lớn đến quyền lợi của người dân bị giải tỏa. Đơn giá mới nhất được áp dụng cho các hộ giải tỏa được lập cuối năm 2009, đến nay đơn giá vật tư, nhân công đã tăng (theo tính toán của Sở Tài chính thành phố là khoảng 33%). Điều này làm cho việc vận động các hộ dân bàn giao mặt bằng cũng là khó khăn, nguy cơ làm tăng các dự án bị chậm tiến độ do không bàn giao mặt bằng đúng thời gian, phát sinh nhiều đơn kiến nghị của nhân dân về đền bù vật giá theo giá thị trường và khi có những đơn kiến nghị về trượt giá như vậy thành phố chưa có cơ sở giải quyết triệt để gây nên tình trạng bức xúc trong nhân dân. Do vậy, cần phải nghiên cứu các biện pháp để khắc phục tình trạng này, xem đó là yếu tố quan trọng để những hộ dân trong diện quy hoạch, giải tỏa sớm bàn giao mặt bằng cho các nhà đầu tư và để ổn định lòng dân.

Trong công tác bố trí tái định cư (giao thực tế đất và nhà chung cư) cho những hộ giải tỏa vẫn còn chưa kịp thời, đôi lúc đôi nơi còn quá chậm trễ, một số hộ đã giao mặt bằng cho các nhà đầu tư mà vẫn chưa có đất tái định cư để làm nhà ở, một số trường hợp bàn giao mặt bằng chờ đến gần 3 năm sau mới nhận đất thực tế, nhận nhà chung cư, “nhiều tuyến đường trong các khu tái định cư hệ thống hạ tầng giao thông, điện, nước vẫn còn bất cập, thiếu đồng bộ.”[59, tr. 2]. Điều này đã làm ảnh hưởng đến đời sống và sinh hoạt của người bị giải tỏa thu hồi đất làm cho người dân thành phố bức xúc.

Về việc hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề chưa có sự thống nhất về cách tính theo mục đích sử dụng đất hay loại hình canh tác (cây trồng, con vật nuôi). Sự chênh lệch giữa hai mức hỗ trợ này quá lớn, cần có sự điều chỉnh cho phù hợp. Thực tế đất có nguồn gốc là đất trồng cây hàng năm nhưng thực tế trồng cây lâu năm và đất trồng cây lâu năm nhưng hiện trạng trồng cây hàng năm thì cũng chỉ được hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề theo đất trồng cây lâu năm với đơn giá 3.500 đồng/m², trong khi đó đất trồng cây hàng năm nhưng bỏ hoang thì được xác định và hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề theo đất trồng cây hàng năm với đơn giá 52.500 đồng/m².

Công tác thu tiền sử dụng đất khi thanh toán giá trị đền bù cũng đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến lợi ích của nhân dân trong những năm qua. Theo kiến nghị của nhân dân là việc cần trừ tiền đất vào giá trị đền bù khi chi trả là không đảm bảo quyền lợi của dân vì từ khi thu tiền đến khi nhận đất thực tế kéo dài (có khi đến 3 năm) mà không tính lãi suất, trong khi đó nợ tiền đất lại được tính lãi suất từ khi ký hợp đồng. Do vậy, nhân dân đề nghị những nhà làm chính sách của thành phố cần lưu ý đến vấn đề này và thực hiện không cần trừ tiền chuyển quyền sử dụng đất đối với lô đất đơn vị điều hành dự án chưa thông báo có đất thực tế (trừ trường hợp chủ hộ có nhu cầu nộp trước) để đảm bảo quyền lợi chính đáng cho những hộ dân bị di dời, giải tỏa.

Hiện nay, thị trường bất động sản của thành phố chịu tác động chung của thị trường bất động sản khu vực và cả nước; sự trầm lắng và đóng băng của thị trường bất động sản tại thành phố ít nhiều ảnh hưởng đến công tác giải phóng mặt bằng. Nhiều hộ giải tỏa không bán được lô đất được bố trí để bổ sung kinh phí xây dựng nhà do giá trị đền bù không đủ để xây dựng lại. Đây là một vấn đề thành phố cần lưu tâm, nên xem xét từng trường hợp cụ thể có thể giải quyết nợ tiền đất cho nhân dân.

Một điều nữa chúng ta cũng dễ dàng nhận thấy là tâm lý chung của đa số những hộ dân nằm trong diện bị quy hoạch giải tỏa là không muốn rời xa mảnh đất đã gắn bó rất lâu đời, mảnh đất của ông bà để lại, nơi mà mọi thứ đều đang rất ổn định, tình làng nghĩa xóm đang rất tốt đẹp và bền chặt. Nên khi phải di dời đến một nơi ở mới họ cảm thấy cuộc sống bị xáo trộn hoàn toàn. Tuy nhiên, trong thời gian qua trên địa bàn thành phố, công tác vận động quần chúng ở một số nơi chưa làm một cách triệt để, một số cán bộ còn có phong cách làm việc quan liêu, gây ra nhiều phiền hà cho nhân dân. Kỹ năng giao tiếp, đối thoại trong công tác vận động nhân dân của một số cán bộ còn yếu dẫn đến hiệu quả công việc chưa cao. Không đi sâu sát quần chúng để có thể nắm rõ những tâm tư, nguyện vọng, các nhu cầu cần thiết, kể cả những bức xúc cần được giải quyết kịp thời. Vẫn còn có thái độ “quan cách mạng”, xem việc hoàn tiền đền bù đất và các vật kiến trúc của các hộ dân là sự “ban ơn”. Do đó, trong thời gian tới, thành phố cần nhìn nhận đánh giá và xác định nếu không làm tốt công tác dân vận thì không thể phát huy được sức dân trong công tác quy hoạch, chỉnh trang đô thị của thành phố.

Một số nội dung dân biết, dân bàn, dân kiểm tra, giám sát chưa được thực hiện và công khai đầy đủ tại một số đơn vị, đặc biệt liên quan đến thu, chi ngân sách địa phương, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, phương án đền bù và bố trí tái định cư... đã làm cho một số người dân tỏ ra nghi ngờ, thiếu tin

tương vào chính sách phát triển của thành phố.

Tóm lại, bên cạnh một số ít tồn tại, hạn chế và bất cập đã nêu ở trên, thì cái mà thành phố đã đạt được thời gian qua là rất lớn. Đặc biệt là trong chính sách và phương thức thực hiện chính sách xây dựng kết cấu hạ tầng, chỉnh trang đô thị, đền bù, giải tỏa, tái định cư của Đà Nẵng đã “tạo được sự đồng thuận giữa ý Đảng và lòng dân”. Ngoài truyền thống yêu nước vốn có của người Đà Nẵng, thì các chính sách và cách làm đúng đắn, hợp lòng dân này đã có sức thuyết phục mạnh mẽ. Tất cả những điều đó đã tạo cho Đà Nẵng một bộ mặt mới như ngày hôm nay.

2.2. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA QUẦN CHÚNG NHÂN DÂN VÀO CÔNG TÁC QUY HOẠCH ĐÔ THỊ Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

2.2.1. Phương hướng

Trong thời gian tới, tiếp tục khẳng định, vị trí và vai trò quyết định của nhân dân thành phố trong việc đóng góp vào công tác quy hoạch, chỉnh trang đô thị của thành phố.

Thành tựu về công tác vận động quần chúng trong thực hiện các chủ trương, chính sách xây dựng và phát triển Đà Nẵng đã trở thành 1 trong 4 bài học kinh nghiệm được nêu trong Báo cáo Chính trị trình Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XX là: “Bài học thứ nhất là phải dựa vào dân, có trách nhiệm với dân; phát huy sức mạnh đồng thuận của nhân dân để thực hiện các chủ trương, chính sách của thành phố, tất cả vì lợi ích của các tầng lớp nhân dân. Đó là bài học đầu tiên và muôn thuở, là bài học của mọi lúc và mọi nơi, là bài học lớn và sâu sắc nhất của Đảng bộ thành phố chúng ta trong suốt chặng đường vừa qua”...[15, tr. 26].

Đặt công tác dân vận lên hàng đầu và xem đây là nhiệm vụ trọng tâm

và xuyên suốt của toàn bộ hệ thống chính trị từ thành phố đến cơ sở. Thấu suốt quan điểm “cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân”, thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, nhằm phát huy mọi tiềm năng sáng tạo và vai trò làm chủ của nhân dân. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đối với công tác dân vận; gắn công tác dân vận với thực hiện đẩy mạnh cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Qua đó làm chuyển biến nhận thức cho cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò của công tác dân vận, về tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, về đại đoàn kết toàn dân tộc, về quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân để thực hiện tốt công tác quần chúng trong tình hình mới.

Tiếp tục đổi mới phương thức vận động, tập hợp quần chúng, triển khai có hiệu quả các hình thức dân vận, hướng mạnh về cơ sở, bám sát địa bàn, bám dân, tăng cường đối thoại với nhân dân, nhất là những vấn đề có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của nhân dân ở những địa bàn bị di dời giải tỏa.

Tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng hoạt động của công tác dân vận, Mặt trận, các đoàn thể và các tổ chức hội quần chúng, nhất là khối dân vận xã, phường, Ban công tác Mặt trận, chi đoàn, chi hội ở khu dân cư về công tác vận động quần chúng. Công tác dân vận cần tập trung vào việc kiểm tra, giám sát, đôn đốc, sơ kết, tổng kết việc thi hành các chủ trương, Nghị quyết của Trung ương và thành phố đã đề ra về công tác vận động quần chúng. Các cấp ủy, tổ chức Đảng, chính quyền, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị phải có nhận thức sâu sắc hơn nữa về công tác dân vận, xác định công tác dân vận là một nhiệm vụ rất quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

Tích cực chăm lo đời sống các mặt cho nhân dân, đảm bảo cho nhân

dân được thụ hưởng những giá trị mà thành quả của công tác quy hoạch đô thị, xây dựng và phát triển thành phố mang lại. Bằng nhiều hình thức vận động quần chúng, tạo được sự đồng thuận cao trong nhân dân về thực hiện các chủ trương của thành phố. Và xác định rõ: Chỉ khi nào nhân dân đồng tình, ủng hộ thì các chủ trương, chính sách của thành phố mới thực sự đi vào đời sống.

2.2.2. Những nhân tố tác động

a. Nhiệm vụ chính trị của thành phố ngày càng nặng nề, phức tạp đòi hỏi phải có sự hiến kế của dân

Để đẩy nhanh chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đầy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lần thứ XX đã đề ra mục tiêu:

Mục tiêu, phương hướng tổng quát của 5 năm 2010-2015 và tầm nhìn đến năm 2020 là: tiếp tục đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, giữ vững ổn định chính trị, phát huy dân chủ và sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, phát triển kinh tế nhanh và bền vững; xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành một đô thị lớn của cả nước; là trung tâm kinh tế - xã hội của miền Trung, là địa bàn giữ vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh của miền Trung và cả nước, tạo nền tảng để xây dựng thành phố trở thành thành phố công nghiệp trước năm 2020.

Phấn đấu đến năm 2020, Đà Nẵng có quy mô dân số không vượt quá 2 triệu người, trở thành một thành phố có môi trường đô thị văn minh và giàu tính nhân văn, có thiên nhiên trong lành và đời sống văn hóa cao, làm giàu bằng kinh tế tri thức; một trong những thành phố hài hòa, thân thiện, an bình; một thành phố hấp dẫn và đáng sống.

Nhằm hướng đột phá chiến lược về phát triển kinh tế - xã hội của Đà Nẵng là:

Một là, phát triển các ngành dịch vụ nhất là dịch vụ du lịch và thương mại;

Hai là, phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp công nghệ thông tin;

Ba là, xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ và hiện đại;

Bốn là, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh và thực thi các chính sách xã hội giàu tính nhân văn;

Năm là, phát triển nhanh nguồn nhân lực chất lượng cao [15, tr. 29-30].

Trên những cơ sở đó, Đảng bộ và chính quyền thành phố cũng đã đề ra những chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong 5 năm tới đó là:

Tốc độ tăng GDP bình quân 13,5-14,5%/năm, đến năm 2015 GDP gấp hơn 1,19 lần so với năm 2010. Trong đó, dịch vụ tăng 16 - 17%/năm, công nghiệp - xây dựng tăng 8,5 - 9,5%/năm, nông nghiệp tăng 1,5 - 2,5%/năm. Đến cuối năm 2015 GDP bình quân đầu người đạt 3.200 USD. Cơ cấu ngành trong GDP năm 2015 sẽ là: dịch vụ 54,2%; công nghiệp và xây dựng 43,8%; nông nghiệp 2,0%. Tổng thu ngân sách nhà nước tăng 11,5 - 12,5%/năm; tổng chi ngân sách địa phương tăng 10 - 11%/năm. Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn tăng 15 - 16%/năm. Giảm tỷ suất sinh 0,3%/năm. Giải quyết việc làm bình quân cho 3,2 - 3,4 vạn lao động/năm. Không còn hộ nghèo theo chuẩn của thành phố [15, tr. 30].

Đây là nhiệm vụ hết sức nặng nề nhưng đầy kỳ vọng mà đất nước giao cho Đà Nẵng thực hiện. Để đạt được những mục tiêu trên, Đà Nẵng phải nỗ lực rất lớn, quyết tâm rất cao và phải hết sức năng động, sáng tạo, phải tranh thủ những cơ hội, những nguồn lực từ bên ngoài, đặc biệt để làm được những

điều đó thì trong chính sách phát triển của mình thành phố phải biết huy động và phát huy sức mạnh tổng hợp nội lực từ trong dân, tiếp tục mở rộng sự tham gia của người dân vào quá trình quy hoạch, quản lý đô thị, xây dựng kết cấu hạ tầng, chỉnh trang đô thị...từ chính sức mình để xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng đô thị văn minh, hiện đại. Do vậy, thời gian tới nhiệm vụ chính trị của thành phố đặt ra là rất lớn, đòi hỏi sự hiến kế, sự chung tay, góp sức của toàn thể nhân dân thành phố là hết sức cần thiết.

b. Hệ giá trị của nhân dân có sự biến đổi

Trong thời kỳ cách mạng giải phóng dân tộc, quần chúng nhân dân có thể sẵn sàng hiến dâng cho cách mạng mọi thứ có thể mà không một chút suy nghĩ, tính toán thiệt hơn. Nhưng trong giai đoạn này việc hiến đất của người dân cho thành phố để thực hiện công tác quy hoạch, chỉnh trang đô thị luôn đặt họ trước yêu cầu về lợi ích vật chất. Lợi ích là yếu tố mấu chốt của vấn đề quyết định cho công tác giải tỏa đền bù được thực hiện nhanh tiến độ hoặc chậm tiến độ. Trình độ dân trí ngày càng cao, nhận thức về các quy luật của nền kinh tế thị trường ngày càng rõ. Người dân họ xác định khi giao đất cho dự án thì họ phải được nhận một khoản tiền đền bù thỏa đáng với khối lượng đất và tài sản bị thu hồi. Đây là một điều rất khác biệt so với trước đây, đặc biệt là trong thời kỳ đấu tranh giải phóng dân tộc, nhân dân có thể hiến đất, hiến nhà, che giấu, nuôi dưỡng cán bộ mà không một chút đòi hỏi lợi ích, tính toán thiệt hơn. Nhưng hiện nay, bên cạnh một số người dân vẫn hy sinh quyền lợi cá nhân để phục vụ lợi ích của thành phố, nhưng đây chỉ là một số ít không đáng kể, thì đại đa số đều đặt lợi ích cá nhân, gia đình lên hàng đầu. Sự thay đổi về hệ giá trị hiện nay đặt ra nhiều vấn đề khó khăn cho những người trực tiếp làm công tác giải tỏa đền bù, những người làm công tác vận động quần chúng là làm sao vận động được nhân dân bàn giao mặt bằng sớm nhất, kết hợp một cách hài hòa giữa lợi ích của doanh nghiệp, Nhà nước, nhưng

cũng đảm bảo lợi ích người dân.

c. Mặt trái kinh tế thị trường tác động đến tư tưởng, hành động của một bộ phận cán bộ, đảng viên, đặc biệt là những người nắm quyền, nắm tiền, gây ra tình trạng suy thoái, tham nhũng, vi phạm pháp luật thì chẳng những không vận động được nhân dân mà còn làm suy giảm niềm tin của nhân dân đối với Đảng

Quy luật kinh tế thị trường có mặt tích cực là làm cho kinh tế, xã hội có sự cạnh tranh và phát triển theo quy luật vốn có, đó là điều kiện thúc đẩy sự đi lên của một nền kinh tế. Song, mặt trái của nó cũng không phải là ít, nó là nguyên nhân làm tăng nguy cơ phân hóa giàu nghèo, phát sinh nhiều tiêu cực, các tệ nạn xã hội. Điều này đã tác động đến tư tưởng, đạo đức, lối sống của một số cán bộ, nhất là cán bộ có chức vụ, nắm quyền, nắm tiền.

Chúng ta biết rằng, cán bộ là gốc của mọi công việc, công việc thành hay không là do cán bộ tốt hay kém. Điều này cho thấy rằng, mọi nhiệm vụ chính trị của thành phố đặt ra có thành công hay không đều do cán bộ. Trên thực tế hiện nay, bên cạnh hầu hết là cán bộ có tâm, có tầm hết lòng phụng sự nhân dân, phục vụ thành phố thì vẫn còn một bộ phận cán bộ, đảng viên, đặc biệt là cán bộ có chức có quyền, những người nắm trong tay các dự án đầu tư, các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố còn mắc khuyết điểm như: không sâu sát quần chúng nhân dân, quan liêu, cậy quyền, hách dịch nhân dân. Cho rằng mình nắm trong tay quyền và tiền thì muốn làm gì thì làm mà không hiểu được rằng vị trí đó là do nhân dân giao phó. Đó chính là biểu hiện của bệnh quan liêu mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng chỉ rõ: “Nguyên nhân bệnh ấy là xa nhân dân; khinh nhân dân; sợ nhân dân; không yêu thương nhân dân...”[53, tr. 292-293].

Trong việc thực hiện các dự án, một số cán bộ làm công tác quy hoạch có sự nhận thức và hành động đi ngược lại với chủ trương và chính sách của

thành phố, đặt lợi ích của cá nhân lên hàng đầu, xem nhẹ lợi ích của nhân dân, móc nối lập dự án, cò chạy chung cư để lấy tiền của nhân dân... Những biểu hiện đó giống với thực trạng mà Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, của Đảng đã chỉ ra: Sự suy thoái về tư tưởng chính trị, tình trạng tham nhũng, quan liêu, lãng phí của một bộ phận cán bộ, đảng viên có chiều hướng phát triển nghiêm trọng.

Một bộ phận cán bộ có những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” như Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) đã chỉ ra:

Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có những đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý, kể cả một số cán bộ cao cấp, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống với những biểu hiện khác nhau về sự phai nhạt lý tưởng, sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, cơ hội, thực dụng, chạy theo danh lợi, tiền tài, kèn cựa địa vị, cục bộ, tham nhũng, lãng phí, tùy tiện, vô nguyên tắc... [22, tr. 22].

Chủ trương chung của Đảng bộ và Chính quyền thành phố khi phê duyệt và thực hiện các dự án quy hoạch đô thị và phát triển kinh tế của thành phố đều mục đích là vì nhân dân. Làm cho đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao, nhân dân có thể thụ hưởng các giá trị mà thành quả công tác phát triển thành phố mang lại. Làm sao để tạo được niềm tin của nhân dân đối với chính quyền thành phố, đó là một nhiệm vụ hết sức nặng nề, có tạo được niềm tin thì mới phát huy được sức mạnh đồng thuận từ trong nhân dân. Tuy nhiên, một thực tế đang diễn ra ở một số dự án là cán bộ cất xén tiền của nhân dân, những sai phạm trong công tác quản lý và quy hoạch đô thị phần nào đó đã làm lòng tin của nhân dân có phần lung lay. Nhận thấy thực tế này, đồng chí Trần Thọ, Phó Bí thư Thường trực Thành ủy đã từng nhấn mạnh: Một lần những nhiễu, hách dịch, quan liêu, cửa quyền với dân sẽ phá vỡ niềm tin vào

Đảng, Chính quyền của dân và người dân có thể rơi vào nguy cơ nghe theo những luận điệu của kẻ xấu. Thực tế có trường hợp cán bộ dự án biến những điều đơn giản trở thành phức tạp để gây nhiễu nhiều cho dân. Dân vận chính quyền phải chú ý đến những trường hợp này.

Đây cũng là một vấn đề đang đặt ra cho chính quyền thành phố, nó là lực cản thực sự mạnh đối với công tác vận động quần chúng phát huy nội lực cho quá trình quy hoạch, chỉnh trang đô thị. Là bài toán mà Đảng bộ, Chính quyền thành phố cần giải quyết một cách dứt điểm trong thời gian tới.

d. Trình độ dân trí, yêu cầu về dân chủ hoá của người dân ngày càng cao

Dân chủ hoá là một nhu cầu tất yếu của sự phát triển xã hội. Trong lịch sử đã tồn tại nhiều hình thức dân chủ khác nhau với nhiều trình độ khác nhau. Trong thời đại ngày nay dân chủ trở thành cơ hội, điều kiện để phát triển.

Xã hội ngày càng phát triển thì trình độ dân trí của người dân cũng ngày được nâng cao. Khi nhận thức của nhân dân càng cao, họ luôn đặt ra yêu cầu là phải được biết, được bàn, được làm, được kiểm tra những chủ trương, chính sách phát triển của thành phố. Đặc biệt là những chủ trương về quy hoạch, chỉnh trang đô thị có liên quan trực tiếp quyền và lợi ích của họ. Sự yêu cầu, đòi hỏi đó là chính đáng, là điều phù hợp với tiến trình phát triển chung của xã hội. Do vậy, tất cả các chính sách phát triển thành phố nói chung và chính sách về công tác quy hoạch, chỉnh trang đô thị nói riêng cần đặc biệt lưu ý đến sự yêu cầu về dân chủ hóa của người dân.

2.2.3. Những giải pháp chủ yếu

a. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên về phát huy vai trò quần chúng nhân dân trong công tác quy hoạch đô thị của thành phố

Dù là trong thời chiến hay thời bình thì vai trò của công tác dân vận nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của nhân dân có vị trí quan trọng đặc biệt.

Ở thành phố Đà Nẵng, trong thời gian vừa qua công tác dân vận bước đầu đã được coi trọng góp phần cho công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư bảo đảm tiến độ triển khai nhiều dự án kinh tế lớn của thành phố. Song, bên cạnh đó cũng có không ít nơi xem nhẹ, chủ quan, thiếu dân chủ, gây nhiều bức xúc trong nhân dân như: Giá cả đền bù chưa thỏa đáng, mất dân chủ với dân, quy hoạch đầu tư chưa hợp lý, tiến độ giải ngân chậm, thái độ hách dịch với dân... đã làm chậm tiến độ thực hiện dự án, gây lãng phí lớn. Có nơi gây bức xúc cho người dân, dẫn tới biến thành điểm nóng (Cồn Dầu, phường Hòa Xuân); gây nguy cơ gây mất ổn định về chính trị, tạo kẽ hở để kẻ địch lợi dụng, kích động chống phá Đảng, Nhà nước. Do đó, rất cần một cơ chế, phối hợp thống nhất và chặt chẽ giải quyết vấn đề này, mà công tác dân vận phải đi trước một bước.

Trong bài diễn văn khai mạc của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) đề cập 6 vấn đề quan trọng, trong đó có nhấn mạnh công tác dân vận là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược: Vấn đề có ý nghĩa quyết định để tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng và nhân dân hiện nay vẫn là Đảng phải hết lòng, hết sức chăm lo đến đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; thật sự tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; cùng cố, xây dựng tổ chức Đảng và bộ máy chính quyền thật trong sạch, vững mạnh; khắc phục những hiện tượng tiêu cực trong cán bộ, đảng viên, công chức, làm cho Đảng thật sự xứng đáng là người lãnh đạo và người công bộc trung thành của nhân dân.

Để làm tốt công tác dân vận, trong thời gian tới thành phố cần thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể như sau:

Một là, phải nâng cao nhận thức cho toàn bộ hệ thống chính trị của thành phố về vị trí, vai trò của công tác dân vận, xác định đó là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nước ta, đặt nó ở vị trí hàng đầu trong công tác vận động và phát huy sức mạnh đồng thuận của

nhân dân cho sự nghiệp xây dựng và phát triển thành phố trong thời gian đến.

Để làm được điều đó, thành phố cần tiếp tục quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng và tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về công tác dân vận, thực hiện tốt phong cách dân vận Hồ Chí Minh: “Trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân”. Tập trung chỉ đạo các tổ chức trong hệ thống chính trị làm tốt công tác dân vận của Đảng, trong đó có công tác dân tộc, công tác tôn giáo và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận; đề nghị các cấp, các ngành từ thành phố cho đến tổ dân phố tập trung công tác vận động, tiếp dân, quan tâm lắng nghe ý kiến, đề xuất của nhân dân, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng, Chính quyền thành phố và nhân dân.

Xác định rõ, công tác dân vận nói chung và công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện tốt chủ trương di dời, giải toả để chỉnh trang đô thị, bàn giao mặt bằng cho các chủ dự án để triển khai công trình đúng tiến độ thời gian trên địa bàn thành phố nói riêng là một công tác thực sự khó khăn, quan trọng. Đó là trách nhiệm không chỉ của một cá nhân nào mà là của tất cả các tổ chức chính trị, của mọi cán bộ, đảng viên, công chức, đoàn viên, hội viên các đoàn thể nhân dân, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang. Trong đó, Mặt trận là cầu nối giữa “Ý Đảng với lòng dân”, là cầu nối giữa chính quyền với nhân dân thành phố.

Các ban dự án cần nâng cao khả năng tuyên truyền, vận động của mình khi thực hiện các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị. Quá trình thực hiện công tác tuyên truyền, vận động phải mềm dẻo, linh hoạt, để người dân thấy được sự hài hòa giữa lợi ích của thành phố, lợi ích tập thể, lợi ích cá nhân trong thực hiện dự án. Các cơ quan chuyên môn cần phối hợp chặt chẽ với các tổ chức quần chúng như Mặt trận Tổ quốc, Hội nông dân, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, thậm chí là các tổ chức tôn giáo cùng tham gia để tạo sự

đồng thuận của dân trong quá trình thực hiện dự án - nhất là những dự án có giải tỏa, đền bù, huy động sự đóng góp của dân, hạn chế những mâu thuẫn nảy sinh trong quá trình thực hiện dự án.

Hai là, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên của thành phố, nhất là những người trực tiếp làm công tác dân vận, công tác vận động quần chúng thực hiện các chủ trương của thành phố về quy hoạch, chỉnh trang đô thị, di dời, giải tỏa, tái định cư trên địa bàn.

Trước hết, Đảng bộ và Chính quyền thành phố phải luôn quán triệt quan điểm tư tưởng “lấy dân làm gốc”; tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm của Đảng; không ngừng nâng cao nhận thức, tinh thần và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, các lực lượng vũ trang; nhất là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị về công tác dân vận, về thực hành dân chủ ở cơ sở, về tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, về vị trí, vai trò của nhân dân trong quá trình xây dựng, phát triển thành phố nói chung và công tác quy hoạch đô thị nói riêng. Mỗi cán bộ, công chức, người thừa hành công vụ, cần nhận thức, thấu hiểu sâu sắc hơn về ý nghĩa được vinh danh là “công bộc” của dân, tận tụy phục vụ dân. Phải làm sao để cho nhân dân tin theo và nhân dân ủng hộ.

Đây là một nhiệm vụ hết sức quan trọng vì “cán bộ là gốc của mọi công việc”, muốn làm đúng, làm tốt nhiệm vụ được giao thì điều đầu tiên mỗi cán bộ cần phải có là nhận thức rõ ràng về nhiệm vụ đó. Và từng cán bộ, đảng viên phải xác định được dân vận và công tác dân vận là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đối với toàn bộ sự nghiệp phát triển thành phố. Là một cán bộ vận động, trước hết phải nắm đầy đủ các quy định và nắm chắc phương án đền bù, bố trí tái định cư và một số chính sách khác có liên quan, nắm rõ về giới tính, phân loại hộ dân; phối hợp đồng bộ, chặt chẽ trong công tác; áp dụng các kỹ năng vận động, tuyên truyền, kiên trì thuyết phục, động viên, lắng nghe, chia sẻ... Đồng thời qua đó nắm bắt tâm tư nguyện vọng của những hộ đang còn

vướng mắc...để phản ánh đầy đủ thông tin cũng như kiến nghị với Hội đồng giải phóng mặt bằng, bố trí tái định cư xem xét giải quyết kịp thời và chính xác. Để làm được điều đó, mỗi cán bộ phải có tâm với dân, luôn gần gũi với dân để dân cảm tình và tin tưởng. Nếu làm được như vậy, khi ấy tiếng nói của những cán bộ sẽ có trọng lượng.

Tiếp đến cần tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ về công tác Dân vận và kỹ năng vận động quần chúng trong thời kỳ mới. Xem đây là một kỹ năng cơ bản của mỗi cán bộ, đảng viên khi thực hiện nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước giao phó.

Xem công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao nhận thức, trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức, phong cách dân vận, phương pháp và kỹ năng làm công tác vận động quần chúng đối với đội ngũ cán bộ, công chức các cấp thành phố là nhiệm vụ quan trọng. Hàng năm, Ban Dân vận Thành ủy cần phối hợp với trường chính trị thành phố, Học viện Chính trị - Hành chính khu vực III, các cơ quan liên quan tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ lãnh đạo, quản lý của các sở, ban, ngành cấp thành; cán bộ chủ chốt của cấp quận, huyện, cấp xã, phường về công tác dân vận, về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, về công tác dân tộc, công tác tôn giáo...Tổ chức tập huấn nâng cao kỹ năng nói, vận động, thuyết phục các hộ dân trong dự án. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm, phong cách, lễ lối làm việc, ý thức phục vụ nhân dân trong chỉ đạo, điều hành, trong phối hợp thực hiện về công tác dân vận, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, tổ chức tiếp dân, phân công cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý định kỳ đi cơ sở, dự sinh hoạt, tiếp xúc với nhân dân, thực hiện phương châm: “nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin”, gần dân, hiểu dân, giúp dân và học dân trong công tác quy hoạch, di dời, giải tỏa, tái định cư và an sinh xã hội.

Phải xác định rằng, mỗi cán bộ, đảng viên là một tuyên truyền viên

không chỉ ở nơi công tác mà còn ở khu vực dân cư nơi cán bộ đang sinh sống.

Để chính sách thành phố thực sự đi vào cuộc sống một cách nhanh chóng và hiệu quả thì mỗi cán bộ cần làm tốt vai trò là một tuyên truyền viên cơ sở, luôn nhận thức việc vận động nhân dân trong vùng thực hiện các chủ trương phát triển thành phố là nhiệm vụ của mình. Và muốn làm tốt công tác vận động quần chúng, hơn ai hết mỗi cán bộ, đảng viên ngoài việc nhận thức và hiểu rõ tầm quan trọng của công tác dân vận để tuyên truyền, vận động thì những người cán bộ, đảng viên sinh sống trong khu dân cư thuộc diện di dời, giải tỏa cần gương mẫu thực hiện. Người dân chỉ nghe khi và chỉ khi chính những cán bộ đảng, viên nghiêm túc tuân theo chính sách của thành phố. Nhân dân ta thường nói “đảng viên đi trước, làng nước theo sau”, đây có thể được xem là yếu tố quyết định việc nhân dân chấp hành chủ trương của thành phố nhanh hay chậm.

Bên cạnh công tác thuyết phục, vận động nhân dân thì cần lắng nghe, tiếp thu những ý kiến phản ánh, những bức xúc của người dân để tổ chức kết hợp với các đoàn thể giải quyết những vướng mắc nảy sinh ngay từ cơ sở những sự vụ đơn giản, không để phát sinh thành điểm nóng. Các cơ quan, đơn vị quan tâm chỉ đạo, nghiên cứu thực trạng về đơn thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo, giải quyết thấu đáo, đúng thẩm quyền các đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân. Tăng cường giải thích, giải đáp các kiến nghị của công dân trên trang thông tin điện tử chuyên ngành, trên các phương tiện thông tin đại chúng. Kiện toàn tổ chức tiếp dân, thông báo công khai việc tổ chức tiếp dân, nơi tiếp dân, lịch tiếp dân và người tiếp dân. Cử người có đủ thẩm quyền trực tiếp đối thoại với nhân dân tại cơ sở, giải quyết những vấn đề bức xúc của nhân dân, của doanh nghiệp. Hạn chế tình trạng khiếu kiện vượt cấp, đông người, kéo dài, dễ nảy sinh “điểm nóng”. Phát hiện, ngăn chặn, và xử lý kịp thời những phần tử kích động, lôi kéo người đi khiếu kiện, gây rối.

b. Thực hiện phương châm dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra gắn với giám sát, phản biện các chủ trương, chính sách của thành phố

Quy hoạch, chỉnh trang đô thị là quá trình sắp xếp, tạo lập lại không gian vật lý đô thị đẹp đẽ hơn, hợp lý hơn, tạo sự phát triển bền vững của thành phố. Trong đó, quá trình di dời, giải tỏa và tái định cư là một khâu hết sức quan trọng vì nó có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân sống trong vùng bị quy hoạch.

Việc phải tập trung đầu tư phát triển nhanh các khu công nghiệp, các khu chế xuất, các trung tâm thương mại, dịch vụ; các công trình kết cấu hạ tầng như đường giao thông, sân bay, bến cảng; các khu đô thị mới... Phải quy hoạch, giải phóng mặt bằng, di dân tái định cư, tạo quỹ đất dành cho đầu tư phát triển. Đền bù giải phóng mặt bằng, di dân tái định cư là việc làm hết sức quan trọng và đang diễn ra ở hầu hết các quận, huyện của thành phố, có những nơi phải làm với quy mô lớn hàng chục, hàng trăm ngàn héc-ta như xây dựng khu công nghệ cao tại xã Hòa Liên phải di dời một số thôn. Điều đó đã tác động trực tiếp tới cuộc sống, quyền lợi, tương lai, công ăn việc làm của hàng trăm hộ dân sống trên địa bàn. Nhân dân mất đất sản xuất, phải di dời nhà ở, phải chuyển đổi nghề nghiệp, tìm việc làm mới ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống, tâm tư tình cảm, phong tục tập quán của họ.

Thực tế quá trình giải tỏa, di dời và tái định cư ở thành phố Đà Nẵng trong thời gian qua đã chỉ ra rằng việc lập, xét duyệt quy hoạch chi tiết các khu tái định cư cần sự tham vấn của những đối tượng bị ảnh hưởng, tức là phải dựa vào ý nguyện của đại đa số dân chuyển cư. Do vậy, hơn ai hết, chỉ có người dân trong cộng đồng chuyển cư mới cảm nhận hết những nhu cầu vật chất và tinh thần của chính mình. Những suy nghĩ chủ quan, duy ý chí của một ít người thậm chí của một số nhà hoạch định chính sách cũng nhiều khi không thể hiện hết nguyện vọng của nhân dân. Vì vậy, điều tra để nắm vững

nguyện vọng của cộng đồng trước chuyển cư là một việc làm hết sức cần thiết.

Thành phố cần phải tiếp tục thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Xem đây là một phương cách tốt để thực hiện và mở rộng sự tham gia của người dân, qua đó phát huy mọi tiềm lực trong dân cho trong quá trình xây dựng và phát triển thành phố nói chung, vào công tác quy hoạch, quản lý đô thị, xây dựng kết cấu hạ tầng, chỉnh trang đô thị nói riêng. Để thực sự thực hiện tốt phương châm đó trong thời gian tới thì thành phố cần tiếp tục thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

Hệ thống chính trị thành phố phải hiện thực hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng về công tác dân vận, để nó thực sự đi vào cuộc sống.

Trong thời gian qua, bên cạnh rất nhiều kết quả đã đạt được thì việc tổ chức quán triệt các quan điểm của Đảng về công tác dân vận, ở một số cơ quan của thành phố vẫn chưa đến nơi, đến chốn, thiếu thường xuyên liên tục. Không ít cán bộ, công chức chưa nhận thức được tinh thần, trách nhiệm của mình đối với công tác dân vận. Một số cán bộ, công chức còn quan liêu, suy giảm về đạo đức, lối sống, thiếu gương mẫu; lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái chủ trương của thành phố, vi phạm pháp luật, xâm hại lợi ích của Nhà nước, của nhân dân. Việc cụ thể hoá chủ trương của Thành ủy có lúc thiếu đồng bộ, chưa kịp thời.

Do vậy, các cơ quan chức năng cần kịp thời thể chế hoá chủ trương chung của Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố. Trên cơ sở đó, ban hành các chủ trương, chính sách, chương trình, đề án xây dựng thành phố một cách đồng bộ, cụ thể, thiết thực, sát với thực tiễn yêu cầu phát triển của thành phố, và quan trọng hơn là phải hợp với lòng dân. Tổ chức đầy đủ, đúng đắn quy trình, quy định về việc lấy ý kiến nhân dân, trước khi ban hành các chủ trương, chính sách có liên quan trực tiếp đến lợi ích chính đáng của nhân dân.

Các chủ trương, chính sách là phải từ dân, vì dân, phục vụ dân và chính nhân dân là người thực hiện. Sự đồng thuận cao trong nhân dân sẽ nhanh chóng đưa chủ trương, chính sách đi vào cuộc sống có hiệu quả.

Trước hết phải để cho “dân biết”, mà muốn “dân biết” thì phải công khai, minh bạch các công việc, các kế hoạch, các chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước, của chính quyền, đoàn thể, cũng như các cơ quan, đơn vị của thành phố. Nhân dân phải được thông tin đầy đủ, đa chiều để hiểu đầy đủ các chủ trương, chính sách và có cơ sở thực hiện tốt...Dân có quyền đòi hỏi được cung cấp thông tin về mọi mặt (cố nhiên là trừ các vấn đề bí mật quốc gia). Sự thông tin có định hướng là cần thiết; nhưng nó hoàn toàn trái ngược với sự bưng bít thông tin, từ chối cung cấp thông tin, thông tin một chiều, cắt xén thông tin và thông tin không khách quan, không trung thực.

Do vậy, Đảng bộ và Chính quyền thành phố cần đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của thành phố về quy hoạch, di dời giải tỏa đến từng cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân bằng nhiều hình thức như: tuyên truyền trên hệ thống truyền hình, truyền thanh, báo chí, thông qua các panô, áp phích...thông báo công khai tại trụ sở phường, xã, khu dân cư và phát thanh thường xuyên ngày hai lần trên hệ thống truyền thanh của địa phương để dân biết. Không phải ngẫu nhiên mà đồng chí Lê Duẩn đã rút ra kết luận: “Một khẩu hiệu sát đúng với tình thế cụ thể có sức đẩy lên cả một phong trào” [13, tr. 46-47].

Cấp ủy các cấp, hàng tháng trong các cuộc họp chi bộ định kỳ cần quán triệt các chủ trương mới của thành phố tới từng đảng viên; tổ chức thông báo công khai cho nhân dân trong hội nghị cán bộ chủ chốt các ban, ngành, đoàn thể, tổ trưởng tổ dân phố và trường thôn. Các khu dân cư tổ chức họp thông báo cho nhân dân biết rõ về chủ trương, thời gian, kế hoạch và chế độ di dời giải tỏa. Qua đó, giáo dục nâng cao nhận thức cho nhân dân tham gia tích cực

xây dựng thành phố.

Để cho “dân bàn” thì các cơ quan, tổ chức và những người lãnh đạo phải gần dân, “mở lòng” với nhân dân, tôn trọng và lắng nghe ý kiến nhân dân, thể hiện tinh thần ham học hỏi cầu tiến bộ. Bởi vì, theo Hồ Chí Minh: “dân chúng biết giải quyết nhiều vấn đề một cách giản đơn, mau chóng, đầy đủ, mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn, nghĩ mãi không ra” [54, tr. 295].

Quá trình thực hiện phải có sự phối hợp giữa cộng đồng và chính quyền địa phương trong quá trình quy hoạch; chính quyền xem xét đáp ứng các nhu cầu của nhân dân trong cộng đồng; chính quyền trao đổi, bàn bạc với các nhóm dân cư; chính quyền thông báo cho dân biết các thông tin cơ bản của quy hoạch; chính quyền ra quyết định và thông báo quyết định trước khi thực hiện; chính quyền vận động nhân dân làm theo các quyết định quy hoạch.

Tiềm lực trí tuệ trong nhân dân là rất lớn, do vậy muốn các công trình, dự án mang giá trị thực tiễn cao, phản ánh được xu thế phát triển của thời đại nói chung và đặc trưng của thành phố nói riêng thì phải tiến hành lấy ý kiến tham gia của dân ngay từ khâu lập quy hoạch, lập dự án; cũng như trong việc xây dựng chính sách đền bù nên bàn bạc với dân. Quá trình triển khai, tổ chức thực hiện dự án cũng cần sự bàn bạc, tham vấn của nhân dân, làm sao cho vừa bảo đảm tiến độ mặt bằng cho thi công công trình, thực hiện dự án không bị kéo dài gây lãng phí lớn, lại vừa phải bảo đảm cho nhân dân không bị thiệt thòi, có điều kiện mới để phát triển sản xuất, duy trì cuộc sống. Lắng nghe ý kiến của nhân dân trong việc xác lập, xây dựng các khu tái định cư, việc hình thành nên những khu dân cư mới phải bảo đảm cho người dân tái định cư có nhà ở bằng hoặc hơn nơi ở cũ, đồng thời phải tạo công ăn việc làm, nghề nghiệp, tương lai phát triển cuộc sống bằng và hơn nơi ở cũ.

Để cho “dân làm”, dân hăng hái tham gia các công việc quy hoạch đô

thị của thành phố, tham gia quản lý và xây dựng thành phố, thì phải trên cơ sở “dân biết” và “dân bàn” thấu đáo. Vì “Để trăm lần không dân cũng chịu. Khó vạn lần dân liệu cũng xong” như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói. Thực tế của thành phố đã khẳng định rằng, nơi nào có sự tham gia mạnh của nhân dân thì khả năng thực hiện phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm” để đầu tư hạ tầng có hiệu quả rõ nét, như Cầu sông Hàn, tuyến đường Tôn Đức, đường Phạm Như Xương...là những thí dụ điển hình.

Dân kiểm tra việc thực hiện các chủ trương, chính sách của thành phố thông qua cơ quan đại diện là Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội. Do đó, Mặt trận các cấp cần thực hiện tốt vai trò giám sát đối với các cơ quan thực hiện chính sách về di dời giải toả tại địa phương; phát huy quyền làm chủ của nhân dân tham gia vào công tác giám sát xã hội, giám sát hoạt động của các Ban quản lý dự án triển khai công trình tại địa phương nhằm ngăn chặn tiêu cực xảy ra; phối hợp với chính quyền tham gia công tác tiếp công dân, tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo; đại diện bảo vệ quyền lợi nhân dân, kiến nghị với các cơ quan chức năng giải quyết những bức xúc, những vấn đề phát sinh ảnh hưởng đến đời sống nhân dân, làm giảm thiểu các vụ việc khiếu kiện kéo dài, vượt cấp. Tại các kỳ tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, Mặt trận tạo điều kiện để các đại biểu dân cử tiếp xúc với nhân dân, thu thập ý kiến, tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, kịp thời giải quyết bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhân dân.

Thông qua các buổi hội nghị nhân dân ở khu dân cư, các buổi sinh hoạt chuyên đề của các tổ chức thành viên, họp tổ dân phố hoặc những cuộc viếng thăm, Mặt trận cần lồng ghép nội dung tuyên truyền, phổ biến, giải thích cặn kẽ những quy định, văn bản, chế độ chính sách của thành phố, quận liên quan đến công tác di dời giải toả, đền bù, hỗ trợ, bố trí tái định cư, giúp cho nhân dân nhận thức sâu sắc về chủ trương lớn này.

Ủy ban Mặt trận phường phân công từng ủy viên phụ trách các khu dân cư thường xuyên nắm bắt tình hình tại cơ sở, đến từng hộ dân, lắng nghe tìm hiểu tâm tư nguyện vọng, hoàn cảnh cụ thể của từng gia đình, tìm hiểu những khó khăn, lo lắng, bức xúc của từng hộ dân và đề xuất với các cấp lãnh đạo, các cơ quan chức năng những phương án giải quyết cho nhân dân; tham mưu cho Đảng bộ, Chính quyền địa phương kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền giải quyết thoả đáng những bức xúc của nhân dân; xây dựng các phương án hỗ trợ, giúp đỡ những hộ khó khăn; động viên, chia sẻ, giúp nhân dân vượt qua khó khăn...

Ngoài ra, nên xây dựng các thiết chế nhằm tạo điều kiện để nhân dân thực hiện quyền và nghĩa vụ trong đời sống xã hội, đảm bảo quyền lợi luôn luôn gắn liền với nghĩa vụ. Tập trung giải quyết một cách tích cực những nhu cầu thiết yếu của người dân đảm bảo hài hòa giữa nhu cầu vật chất và nhu cầu về tinh thần. Đối với các dự án di dời cả một tổ, thôn, những khu vực có liên quan đến đời sống tinh thần và tâm linh của nhân dân, thì tại nơi tái định cư mới Đà Nẵng nên bố trí đất để xây dựng các thiết chế văn hóa thể thao, cơ sở thờ tự của tôn giáo nhà thờ họ, đình chùa, tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và quyền tự do không tín ngưỡng, tôn giáo của công dân. Nhằm đáp ứng một phần nào đó về đời sống phi vật chất, giúp họ an tâm sinh sống và làm ăn ở những khu tái định cư mới.

Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá, sơ kết, tổng kết, biểu dương khen thưởng nơi làm tốt, những gương sáng điển hình trong công tác dân vận; kiểm điểm nghiêm túc những cơ quan, đơn vị triển khai chưa đến nơi, đến chốn, qua loa, đại khái, đối phó về thực hiện dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, việc thực hiện công tác dân vận trong các cơ quan chính quyền. Qua đó đánh giá, rút ra những bài học cho công tác thực hiện quy chế dân chủ, phát huy vai trò

của nhân dân trong thời gian tới tốt hơn.

Như vậy, có thể nói rằng xét trên bình diện lý luận, lần thực tiễn cách tiếp cận quy hoạch đô thị có sự tham gia của cộng đồng - nhân dân nếu được triển khai thực hiện tốt, nó không chỉ đáp ứng một đòi hỏi có căn cứ khoa học về sự đổi mới công tác quy hoạch đô thị của thành phố hiện nay mà còn phù hợp với tinh thần cơ bản của đường lối đổi mới và phát triển.

c. Kết hợp chặt chẽ các phương thức, mô hình để nhân dân hiến kế đóng góp vào quá trình quy hoạch đô thị của thành phố

Cần tổ chức công khai các chương trình, dự án quy hoạch để nhân dân biết, góp ý và hiến kế. Đưa các chủ trương, chính sách mới đến tận cơ sở, đến trực tiếp người dân để tranh thủ những ý kiến đóng góp của nhân dân. Tổ chức công bố công khai và rộng rãi các quy định của nhà nước và thành phố liên quan tới xây dựng kết cấu hạ tầng, chỉnh trang đô thị, di dời, giải tỏa và tái định cư, tạo điều kiện để người dân hiểu và tham gia vào quá trình quy hoạch, quản lý, xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị.

Công khai cho nhân dân biết bằng nhiều hình thức như: các cuộc tiếp xúc cử tri, các cuộc họp tổ nhân dân, tổ dân phố, niêm yết trên các bảng tin tại trụ sở Ủy ban nhân dân, phát tin trên hệ thống truyền thanh phường, xã. Ngoài ra, các đoàn thể cũng tổ chức tuyên truyền cho nhân dân ở các khu dân cư.

Trong số những dự án quy hoạch và phát triển thành phố được công khai, những dự án quan trọng liên quan trực tiếp đến đời sống người dân phải được đưa ra cho nhân dân góp ý, nhằm tranh thủ ý kiến đóng góp ý của nhân dân, trên cơ sở đó đề xuất cho cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định và điều chỉnh quy hoạch. Tiến hành tổ chức cho dân bàn và quyết định trực tiếp việc xây dựng quy ước cộng đồng khu dân cư, về chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng trong phạm vi cấp phường, xã, tổ, thôn, do nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí.

Muốn tranh thủ được các ý kiến đóng góp của nhân dân thì hơn lúc nào hết phải triệt để phát huy dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện, đặc biệt là phát huy dân chủ trực tiếp.

Dân chủ đại diện tuy là phương thức phát huy dân chủ tiến bộ nhưng phần nào hạn chế quyền của người dân, bởi ý chí, nguyện vọng của người dân muốn đến được đúng địa chỉ phải thông qua “bộ lọc” của người khác. Trong nhiều trường hợp, do rất nhiều nguyên nhân khác nhau như trình độ nhận thức, quan điểm, lợi ích mà người đại diện không làm tròn sứ mệnh của người đại diện cho đại đa số, thông tin bị bung bít và bóp méo nên người dân bị thiệt thòi.

Đối với các chính sách vĩ mô, người dân chỉ có thể đóng góp qua hệ thống các cơ quan dân cử, do vậy mà cơ hội để người dân tham gia dân chủ trực tiếp thực ra không nhiều lắm. Cho nên người dân cần được sử dụng các hình thức dân chủ trực tiếp để thực hiện các quyền vốn có của mình.

Dân chủ trực tiếp được hiểu là người dân có thực quyền tham gia vào việc xây dựng, hình thành, ra quyết định liên quan đến các chính sách, lựa chọn đường hướng phát triển, lựa chọn nhân sự ở các cấp độ khác nhau. Bằng các hình thức khác nhau mà người dân có thể “trình diễn” ý chí, nguyện vọng và yêu cầu của mình không phải thông qua các khâu trung gian.

Do đó, tăng cường đối thoại với nhân dân, trả lời chất vấn trực tiếp với người dân về những thắc mắc, những yêu cầu chính đáng của nhân dân một phương thức hiệu quả nhất. Ưu thế của đối thoại trực tiếp giúp chủ thể nắm chắc những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của nhân dân; giúp chủ thể và đối tượng hiểu và chia sẻ, cảm thông cho nhau, cùng hợp tác để tháo gỡ khó khăn từ cả hai phía. Việc chủ động tổ chức đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo chủ chốt của thành phố với các tầng lớp nhân dân, thành tâm nghe dân phát biểu nguyện vọng, từ đó tập trung giải quyết tích cực, kịp thời những vấn đề

bức xúc đối với người dân ở cơ sở; việc các cuộc họp của Hội đồng nhân dân thành phố, đặc biệt là các buổi trả lời chất vấn của lãnh đạo các cơ quan nhà nước được truyền hình trực tiếp để nhân dân theo dõi, tham gia góp ý kiến và giám sát,...sẽ tạo nên sự đồng thuận giữa Đảng với dân trong các quyết sách chính trị có liên quan đến các vấn đề “quốc kế, dân sinh” của thành phố trong những năm tới. Đó là nền tảng sức mạnh, là động lực bên trong để thành phố có thể giải quyết một cách cơ bản, vững chắc những vấn đề tương chừng như chưa thể giải quyết được trong điều kiện trước mắt.

Tiếp tục xác định nội lực, sức mạnh từ trong dân là rất lớn, do vậy trong thời gian đến vấn đề làm thế nào để phát huy nội lực từ trong dân là một nhiệm vụ hết sức quan trọng. Muốn huy động được sức mạnh to lớn đó, thì thành phố phải tiếp tục mở rộng sự tham gia của người dân vào quá trình xây dựng và phát triển thành phố để tạo lòng tin đồng thời giúp họ nhận thức được nghĩa vụ và quyền lợi của mình. Và một kênh thông tin rất quan trọng mà những người làm công tác quy hoạch, chỉnh trang đô thị của thành phố không thể bỏ qua đó là tranh thủ ý kiến đóng góp của các chuyên gia, các tổ chức Hội đứng chân trên địa bàn nói riêng (câu lạc bộ cán bộ trẻ, Hội kiến trúc sư thành phố...) và ngoài thành phố nói chung. Bởi một lẽ đương nhiên rằng, những chuyên gia, các tổ chức hội đó là nơi có nguồn chất xám rất lớn, đó là những cá nhân có tâm, có tầm luôn canh cánh vì sự phát triển bền vững của thành phố. Những ý kiến đóng góp đó sẽ là tài sản vô cùng quý giá cho việc xây dựng một thành phố khang trang, văn minh, hiện đại, thành phố thông minh.

Một vấn đề đặt ra là làm sao để có thể phát huy được nguồn tiềm năng to lớn này? Muốn làm tốt điều này thì thành phố cần tổ chức nhiều cuộc hội thảo khoa học về tầm nhìn xây dựng và phát triển thành phố trong những thập kỷ tới, trong hội thảo mở rộng các đối tượng tham dự, chú trọng mời các

chuyên gia, đại diện các tổ chức hội của thành phố và tổ chức hội đứng chân trên địa bàn. Những ý kiến thảo luận, đóng góp có chất lượng trong hội thảo sẽ là kênh thông tin cho các nhà hoạch định chính sách có cách nhìn tổng quát, những định hướng đúng hơn trong việc ban hành các chính sách phát triển của thành phố thời gian tới.

Để có sự tương hợp giữa “ý Đảng, lòng dân” phải phát huy đồng bộ vai trò của các nhóm, của cộng đồng, của các tổ chức chính trị - xã hội trong việc tuyên truyền vận động giúp từng người dân thông hiểu các chủ trương, chính sách. Phải thực hiện phương châm: ở đâu có khó khăn, vướng mắc, ở đó có tổ dân phố, Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh, Đoàn thanh niên, Mặt trận Tổ quốc ...Ngoài ra, cộng đồng và các tổ chức chính trị xã hội đảm bảo việc tham gia thường xuyên và có hiệu quả vào việc ổn định đời sống, tổ chức học nghề, tạo việc làm, hướng dẫn thủ tục vay vốn tín chấp cho các hộ muốn sản xuất kinh doanh, phát triển kinh tế hộ gia đình. Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh tổ chức xây dựng quỹ tiết kiệm nhân dân nhằm giúp những hộ nghèo có vốn để sản xuất kinh doanh là một mô hình mới cần được nhân rộng. Đây có thể là nguồn động lực mà nhờ đó giúp các hộ dân thoát nghèo bền vững.

d. Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức các cấp của thành phố có phẩm chất, năng lực và phong cách làm việc dân chủ, khoa học

Thực tế cho thấy, sự thành công của mỗi dự án quy hoạch, tái định cư phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: điều kiện vật chất, nguồn kinh phí, cơ chế chính sách, đội ngũ cán bộ... Nhưng trong đó cán bộ trực tiếp thực hiện dự án được coi là nhân tố có ý nghĩa quyết định. Ở những dự án nào có đội ngũ cán bộ giỏi về chuyên môn, trong sáng về đạo đức và có cái tâm vì dân vì nước, vì sự phát triển chung của thành phố thì ở đó hiệu quả triển khai của các dự án đạt mức ở cao nhất. Bác Hồ đã khẳng định: “cán bộ là cái gốc của mọi công việc” [45, tr. 273], “công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay

kém” [45, tr. 269]. Nếu cán bộ tốt, có tâm và có tầm thì sẽ luôn lắng nghe, tiếp thu ý kiến của người dân và ngược lại, quan liêu, bảo thủ, hách dịch thì sẽ không có tư tưởng cầu thị, lắng nghe ý kiến góp ý của nhân dân. Công tác cán bộ nếu được làm tốt sẽ là một động lực mạnh mẽ để thúc đẩy thực hiện phương hướng, nhiệm vụ chính trị trong thời gian đến. Do vậy, cần phải xây dựng một đội ngũ cán bộ, công chức hành chính chuyên nghiệp, giỏi nghiệp vụ, có phẩm chất chính trị và đạo đức, thực sự là “công bộc”, là đầy tớ thật trung thành của nhân dân.

Một thực tế không thể phủ nhận đó là những thành tựu đạt được ở Đà Nẵng trong phát triển nói chung, trong xây dựng kết cấu hạ tầng chính trang đô thị nói riêng, một phần rất lớn bắt nguồn từ hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ trong hệ thống này. Mặc dù, những năm qua, đội ngũ cán bộ thành phố đã được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, lựa chọn, bố trí, thành phố đã thực hiện chính sách “chiêu hiền, đãi sĩ” thông qua các Đề án 393, Đề án 47, Đề án 89... đã thu hút được những người tài, có tâm huyết với thành phố. Nhờ vậy, đội ngũ cán bộ, công chức của thành phố Đà Nẵng hiện nay đã đáp ứng được yêu cầu về cả số lượng và chất lượng.

Song, so với yêu cầu đòi hỏi trong giai đoạn mới thì trình độ, phong cách làm việc của phần đông đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt cơ sở ở Đà Nẵng vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập. Trong bài Diễn văn tại Lễ Kỷ niệm 35 năm Ngày giải phóng thành phố Đà Nẵng (29/3/1975 - 29/3/2010) của Đồng chí Nguyễn Bá Thanh - Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố đã chỉ ra: Chất lượng nguồn nhân lực, công tác xây dựng Đảng, phát hiện và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý kế cận còn chưa theo kịp yêu cầu; tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí chưa được ngăn chặn có hiệu quả. Bộ máy hành chính vẫn còn cồng kềnh, kém hiệu lực,

đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức còn thiếu tính chuyên nghiệp; mô hình chính quyền đô thị chưa được xác định rõ, cải cách thủ tục hành chính vẫn còn nhiều hạn chế.

Vì vậy, để làm tốt hơn công cuộc xây dựng và phát triển thành phố trong thời gian tới thì cần chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức các cấp - nhất là cán bộ lãnh đạo của thành phố, cán bộ thực hiện nhiệm vụ lập quy hoạch, kế hoạch, tổ chức triển khai điều hành các dự án trên địa bàn “có tâm” và “có tầm” hơn, tư chất và phong cách làm việc thực sự “trọng dân, gần dân, hiểu dân và có trách nhiệm với dân”.

Yêu cầu cụ thể đặt ra là thành phố Đà Nẵng cần chú trọng việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ thực sự giỏi về chuyên môn, phải lựa chọn những cán bộ có phẩm chất đạo đức tốt để không dễ bị cám dỗ, lung lạc bởi những lợi ích kinh tế để thực hiện chính sách đền bù, trợ cấp cho dân đảm bảo tính rõ ràng, minh bạch, kịp thời. Nếu không ngay cả công trình cơ sở hạ tầng của khu tái định cư cũng có nguy cơ bị bót xén dẫn đến chất lượng thấp...Điều này sẽ ảnh hưởng nhiều đến mức sống và niềm tin của nhân dân cả trước mắt và lâu dài.

Phải xây dựng một thế hệ cán bộ Đà Nẵng dám nghĩ, dám làm, biết làm và dám chịu trách nhiệm; không sợ khó khăn, không né tránh, không ngại va chạm; biết dấn thân vì sự nghiệp chung của Đảng, của thành phố, của nhân dân. Đội ngũ cán bộ đó phải có tài năng và phẩm chất, bám sát thực tiễn và gắn bó chặt chẽ với nhân dân, hết lòng, tận tụy phục vụ nhân dân; phải biết tự xấu hổ khi không hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình; phải xây dựng một phong cách làm việc nói đi đôi với làm, nói ít làm nhiều, và làm có hiệu quả, luôn học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh một cách thực chất.

e. Tập trung chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho các hộ dân tái định cư

Quá trình quy hoạch, chỉnh trang đô thị thì tất yếu dẫn đến di dời, giải

tòa, tái định cư. Cho đến nay, các chính sách đối với người tái định cư, nhất là chính sách về việc làm và thu nhập vẫn còn những bất cập, chưa hợp lý hoặc chưa đầy đủ. Trên thực tế lâu nay, ở một số dự án, Ban quản lý chỉ chú trọng đến khâu đền bù, giải phóng mặt bằng, sau đó không còn chú trọng đến bố trí đất ở và ổn định đời sống người dân. Nhiều hộ gia đình ở một số dự án than phiền về tiền thuê nhà ở tạm và thời gian giải quyết đất ở quá kéo dài đã gây nên không ít khó khăn trong sinh hoạt của người dân. Vì vậy, việc chăm lo đời sống cho các hộ dân tái định cư cần được chú trọng và giải quyết một cách triệt để, làm sao để người dân khi sinh sống tại những khu dân cư mới có nhiều điều kiện phát triển về mọi mặt và phát huy được nội lực từ dân góp phần vào xây dựng thành phố thêm khang trang, hiện đại. Có làm được như vậy thì công tác quy hoạch đô thị của thành phố mới thực sự thành công trọn vẹn trên mọi bình diện.

Tái định cư hiện nay được hiểu là một quá trình bao gồm đền bù các thiệt hại về đất đai và tài sản, hỗ trợ di chuyển, ổn định và khôi phục cuộc sống cho những người tái định cư, tạo điều kiện cho họ có mức sống không thua kém ở nơi ở cũ về cả vật chất lẫn tinh thần. Từ nhận thức đó, trong thời gian đến thành phố cần tổ chức thực hiện một cách đồng bộ có hệ thống từ khâu đền bù, giải toả, bố trí nơi ở sau tái định cư đến giải quyết việc làm cho nhân dân. Xác định rõ mục tiêu hàng đầu mà chính quyền thành phố Đà Nẵng đặt ra khi thực hiện các dự án tái định cư là đảm bảo tính ổn định về việc làm, thu nhập, không làm suy giảm đi nguồn thu nhập của dân.

Trước hết, trong chính sách tái định cư thành phố cần tính toán đầy đủ cả các lợi ích kinh tế lẫn cả các lợi ích xã hội, trong đó kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội như tạo việc làm, ổn định cuộc sống và giảm nghèo đói cho những người dân bị ảnh hưởng bởi các dự án. Có kế hoạch tổng thể để chỉ đạo việc di dời, tái định cư có trọng điểm, làm đâu xong đấy,

xây dựng các khu chung cư theo phương pháp cuốn chiếu để tạo điều kiện tái định cư kịp thời khi tiến hành giải tỏa. Các hộ tái định cư cần được thông báo đầy đủ và được tham khảo ý kiến chi tiết về các phương án đền bù và tái định cư.

Tiếp theo là xác lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển mạnh mạng lưới y tế, giáo dục, mở mang các khu công nghiệp, phát triển ngành nghề, thu hút đầu tư, phát triển sản xuất; xác định phát triển kinh tế phải gắn liền với công bằng và đảm bảo an sinh xã hội. Cần có kế hoạch cụ thể chi tiết huy động tất cả các nguồn lực để đào tạo nghề, tìm kiếm việc làm cho cộng đồng dân tái định cư. Đây là nhiệm vụ xã hội cấp bách. Điều bức xúc nhất sau khi tái định cư là người lao động thiếu việc làm, không có việc làm, thất nghiệp. Vì vậy, thu nhập giảm sút, tỷ lệ hộ nghèo gia tăng... như vậy, muốn sớm ổn định sản xuất, từng bước nâng cao đời sống cho nhóm dân cư sau tái định cư phải chú trọng việc lập kế hoạch bố trí lao động phù hợp với khả năng giải quyết việc làm ở từng vùng dân cư cũng như trên bình diện chung của cả thành phố.

Để có cơ sở giải quyết một cách có hiệu quả bài toán phức tạp trên cần chú trọng các giải pháp sau: Tiến hành điều tra, đánh giá xã hội ban đầu để nắm được chính xác đặc điểm cộng đồng dân chuyển cư, nguồn lao động của cộng đồng người sẽ bị ảnh hưởng bởi dự án; thống kê, phân tích thực trạng cơ cấu và chất lượng nguồn lao động của nhóm dân cư đó theo tuổi, theo trình độ học, theo nghề nghiệp, theo đặc điểm gia đình và theo mức sống. Với nghề nghiệp, cần nghiên cứu cơ cấu nghề nghiệp trước khi chuyển cư, tỷ lệ lao động hoạt động trong từng ngành nghề. Từ đó sẽ dự báo số ngành nghề có khả năng tiếp tục duy trì và phát triển, đồng thời dự liệu được số người mất việc làm ở những ngành nghề không có điều kiện tồn tại sau tái định cư. Đây là cơ sở quan trọng cho việc hoạch định chính sách giải quyết việc làm, đảm bảo thu nhập cho người dân sau tái định cư.

Đối với các hộ dân cư thuộc khu vực huyện Hòa Vang, khi các dự án mọc lên, việc thu hồi đất sản xuất của nhân dân là rất lớn, số hộ bị di dời, giải tỏa cũng tương đồng. Do vậy, thành phố cần triển khai nhiều chính sách hỗ trợ cho những người dân bị thu hồi đất, như chính sách định cư tại chỗ, hỗ trợ đào tạo nghề, chuyển đổi nghề... Chính quyền cần tạo điều kiện cho những hộ dân bị mất đất sản xuất có việc làm mới ngay trên địa bàn, cho họ vào làm việc ở các nhà máy, xí nghiệp ngay trên mảnh đất của họ trước đây. Thực hiện phương châm “Ly nông bất ly hương”, phải có biện pháp bắt buộc thực hiện chính sách dạy nghề miễn phí cho người dân trong vùng bị lấy đất. Phải có lớp tập huấn, đào tạo để giúp người nông dân có kiến thức về sản xuất, kinh doanh giúp họ tiếp cận thị trường, thực hiện tốt chính sách vay ưu đãi. Với những hộ dân có nhu cầu đến những vùng khác để sinh sống thì chính quyền địa phương phối hợp với các ban ngành đoàn thể để hỗ trợ việc di dân, định canh, định cư.

Trong quá trình di dời, giải tỏa, tái định cư, chính quyền thành phố cần chú trọng hỗ trợ các đối tượng dễ bị tổn thương. Trong các đối tượng tái định cư, cần đặc biệt chú trọng và quan tâm đến phụ nữ và các gia đình có phụ nữ làm chủ hộ, các hộ nghèo đói, các đối tượng chính sách xã hội, những hộ gia đình có đông thành viên, thuộc diện nghèo, học vấn thấp, nhiều người lao động phổ thông chưa qua đào tạo nghề. Đây là những gia đình chuyển cư sau tái định cư đang hết sức khó khăn, lúng túng trong định hướng phát triển, tạo lập vốn, chọn nghề, cân đối cơ cấu chi tiêu, định hướng phát triển cho con cái. Do vậy, ngoài việc cấp thêm lô đất phụ, cần hỗ trợ vốn, mở lớp dạy nghề, tìm kiếm việc làm và tư vấn việc giải quyết thích hợp giữa thu nhập và chi tiêu, đồng thời tăng cường tri thức thị trường cho họ và con cái họ.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Sau hơn 16 năm trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, nhờ đoàn kết trong nội bộ, kế thừa những thành quả của các thời kỳ trước, hơn một thập kỷ qua, Đảng bộ và Chính quyền nhân dân thành phố đã nỗ lực không ngừng, nhờ vậy đã đạt được những thành tựu to lớn và tương đối toàn diện. Và yếu tố tạo nên sức mạnh để thành phố phát triển được như hôm nay chính là tạo lập sự đồng thuận trong xã hội trong nhân dân toàn thành phố.

Là một thành phố đang trong quá trình đô thị hóa với tốc độ rất nhanh, bộ mặt Đà Nẵng đang thay đổi hàng ngày. Không gian đô thị và kết cấu hạ tầng thành phố không ngừng mở rộng và hiện đại hóa. Đây là niềm tự hào của Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân thành phố Đà Nẵng trong công cuộc đổi mới hiện nay. Với những thành công khá ngoạn mục khởi đầu, Đà Nẵng đang cố gắng phát huy lợi thế và những tiềm năng quyết tâm xây dựng Đà Nẵng thành một đô thị văn minh, hiện đại, trở thành thành phố động lực của khu vực miền Trung - Tây Nguyên và của cả nước.

Phát huy sức mạnh của đồng thuận xã hội là một bài học vô cùng quý giá mà Đảng bộ, Chính quyền thành phố luôn ghi nhớ. Trong thời gian tới nhiệm vụ xây dựng và phát triển thành phố ngày càng nặng nề, do vậy cùng với Cương lĩnh, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, thành phố Đà Nẵng cần không ngừng tăng cường công tác vận động quần chúng, thực hiện các chính sách hướng đến người dân, vì nhân dân, có như vậy mới tạo nên sức mạnh và động lực mới cho sự nghiệp xây dựng, phát triển.

KẾT LUẬN

Triết học Mác - Lênin đã khẳng định vai trò to lớn của quần chúng nhân dân trong lịch sử: là lực lượng sản xuất cơ bản trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất, quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội; là động lực cơ bản của mọi cuộc cách mạng xã hội diễn ra trong lịch sử xã hội loài người và là chủ nhân của những giá trị văn hoá lịch sử nhân loại. Như vậy, xét trên mọi phương diện, quần chúng nhân dân luôn là chủ thể chân chính sáng tạo ra lịch sử. Quan niệm đó của triết học Mác - Lênin đã nhận thức đúng đắn vai trò của quần chúng nhân dân, khắc phục những sai lầm, hạn chế của các trường phái triết học trước đó, đưa quần chúng nhân dân trở về vị trí vốn có của nó.

Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng một cách sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử vào điều kiện cụ thể của đất nước. Trên cơ sở lý luận và thực tiễn của nước ta, Đảng đã luôn xác định quan điểm “Lấy dân làm gốc” đây là tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt và bao trùm trong quá trình đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc cũng như trong quá trình đổi mới. Nhờ vậy đã tập hợp được đông đảo nhân dân tạo nên một sức mạnh vô cùng to lớn dưới sự lãnh đạo của Đảng, đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Trong thời gian đến, bài học “Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân” vẫn còn nguyên giá trị của nó, đó là yếu tố quyết định cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, vì mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Nắm vững và quán triệt sâu sắc lý luận trên, thời gian qua với mục đích vì nhân dân, do nhân dân Đà Nẵng, các cấp ủy Đảng và Chính quyền thành phố Đà Nẵng đã có nhiều quan điểm, cách nghĩ, cách làm và hình thức phong phú, đa dạng để vận động nhân dân, nhờ đó, đã tạo được một sức mạnh to lớn - sức mạnh của đồng thuận xã hội. Đồng thời hệ thống chính trị các cấp bằng

mọi phương thức biện pháp để không ngừng nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho nhân dân. Làm sao nhân dân cảm nhận trong các quyết sách phát triển kinh tế - xã hội có lợi ích của gia đình mình. Nhân dân được thụ hưởng các thành quả của công cuộc đổi mới. Đó là cái gốc của vấn đề, là cơ sở để vận động quần chúng tự giác thực hiện và chấp hành tốt các chủ trương, chính sách. Đây là bài học quý giá mà thành phố đã rút ra và xác định là bài học xuyên suốt quá trình lãnh đạo xây dựng và phát triển thành phố nói chung và công tác quy hoạch, chỉnh trang đô thị nói riêng. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được đó, trong công tác tập hợp quần chúng, huy động sức dân còn bộc lộ nhiều khuyết điểm, hạn chế. Thời gian đến, nhiệm vụ của thành phố rất nặng nề, kỳ vọng của nhân dân là rất lớn. Do vậy, Đảng bộ, Chính quyền cần tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được, trên cơ sở đó đưa ra nhiều chủ trương, cách làm và biện pháp khác nhau để tạo sự đồng thuận trong dân vì mục đích xây dựng Đà Nẵng trở thành một thành phố môi trường, văn minh, hiện đại, đáng sống, xứng đáng là thành phố trung tâm của miền Trung - Tây Nguyên hiện nay và trong những thập kỷ tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Phạm Ngọc Anh (2012), *Phát huy nguồn lực toàn dân tộc theo tinh thần Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [2] Phạm Ngọc Anh (2012), *Phát huy các nguồn lực của dân làm lợi cho dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Đình An (2004), *Ngày ấy*, Nxb Đà Nẵng.
- [4] Hoàng Chí Bảo (2010), *Dân chủ và dân chủ cơ sở ở nông thôn trong tiến trình đổi mới*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [5] Nguyễn Thanh Bình (2007), *Học thuyết chính trị - xã hội của nho giáo và ảnh hưởng của nó ở Việt Nam (Từ thế kỷ XI đến nửa đầu thế kỷ XIX)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [6] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2007), *Giáo trình Triết học* (Dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành Triết học), Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
- [7] Trường Chinh (1975), *Cách mạng Tháng Tám, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân*, tập 1, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [8] C.Mác và Ph.Ăngghen (1971), *Tuyển tập*, tập 2, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [9] C.Mác và Ph.Ăngghen (1993), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [10] C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 19, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [11] C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 21, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [12] C.Mác và Ph.Ăngghen (1999), *Toàn tập*, tập 39, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

- [13] Lê Duẩn (1975), *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [14] Lê Duẩn (1978), *Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [15] Đảng bộ thành phố Đà Nẵng (2010), *Văn kiện đại hội Đại biểu lần thứ XX Đảng bộ thành phố Đà Nẵng*, Đà Nẵng.
- [16] Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [17] Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [18] Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [19] Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), *Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 16/10/2003 của Bộ Chính trị về "Xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Hà Nội.
- [20] Đảng Cộng Sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [21] Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [22] Đảng Cộng sản Việt Nam (2012), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [23] Trần Văn Đăng (2006), *Quan điểm của triết học Mác-Lênin về vai trò quần chúng nhân dân trong lịch sử và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Luận văn tốt nghiệp thạc sỹ triết học, Đại học Khoa học Huế, Huế.
- [24] Bùi Phương Đình (2004), *Đói nghèo và phân hoá giàu nghèo ở Việt*

Nam, Thông tin tư liệu chuyên đề Viện khoa học, Học viện Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- [25] Hội đồng lý luận Trung ương (2012), *Làm tốt công tác quản chúng trong tình hình mới - Kinh nghiệm Trung Quốc, kinh nghiệm Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [26] Nguyễn Văn Khánh (2012), *Nguồn lực trí tuệ Việt Nam - lịch sử, hiện trạng và triển vọng*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [27] Nguyễn Thị Lan, “Đà Nẵng, tạo sự đồng thuận trong quá trình phát triển thành phố”, Tạp chí *Cộng sản* (số 3), 2006.
- [28] V.I.Lênin (1972), *Toàn tập*, tập 2, tiếng Việt, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va.
- [29] V.I.Lênin (1976), *Toàn tập*, tập 33, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va.
- [30] V.I.Lênin (1977), *Toàn tập*, tập 38, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va.
- [31] V.I.Lênin (1977), *Toàn tập*, tập 44, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va.
- [32] V.I.Lênin (1978), *Mác - Ăngghen - chủ nghĩa Mác*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va.
- [33] V.I.Lênin (1978), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va.
- [34] V.I.Lênin (1978), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va.
- [35] V.I.Lênin (1978), *Toàn tập*, tập 36, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va.
- [36] Phạm Bá Lượng, “ Tư tưởng Hồ Chí Minh về lấy dân làm gốc”, *tạp chí Triết học*, (số 2), 2005.
- [37] Hồ Chí Minh (1980), *Tuyển tập*, tập 1, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [38] Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [39] Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [40] Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [41] Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [42] Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [43] Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

- [44] Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [45] Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [46] Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [47] Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [48] Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [49] Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [50] Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [51] Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [52] Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [53] Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [54] Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [55] Đỗ Mười (1998), *Phát huy dân chủ Xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước của dân, do dân và vì dân trong sạch vững mạnh*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [56] Nguyễn Bá Thanh (2010), *Diễn văn Lễ kỷ niệm 35 năm Ngày giải phóng thành phố Đà Nẵng (29/3/1975-29/3/2010)*, Đà Nẵng.
- [57] Hồ Bá Thâm và Nguyễn Tôn Thị Tường Vân (đồng chủ biên) (2009), *Phân biện xã hội và phát huy dân chủ pháp quyền*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [58] Nguyễn Phú Trọng (1998), *Phát huy dân chủ, tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [59] Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Đà Nẵng (2013), *Báo cáo tổng kết công tác Mặt trận năm 2012, chương trình phối hợp và thống nhất hành động năm 2013*, Đà Nẵng.

